BỘ GIÁO

Trường : Lý Thường Kiệt
Lớp : 3D
Tên : Hương Trà
Tập : Tự nhiên xã h
Năm học :

TỰ NH
VÀ
XÃ HỘI

3

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÙI PHƯƠNG NGA - NGUYỄN THƯỢNG CHUNG

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

3

ruongxua.vn

(Tái bản lần thứ sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :
NGUYỄN THỊ THƯ

Biên tập tái bản :
TRẦN THỊ THANH BÌNH

Biên tập mĩ thuật và kĩ thuật :
TÀO HUYỀN

Sửa bản in :
MAI HƯƠNG
THU HÀ

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

371.012(075) / GD - 02 1302/59 - 01 Mã số : 1H312T2

thuongmaitr

1. GIA ĐÌNH

Bài 1. GIA ĐÌNH

1. Gia đình hai thế hệ

Gia đình bạn Lan có bố, mẹ, em Hùng và Lan.

Hình 1 – Gia đình bạn Lan.

Ta nói, gia đình bạn Lan là gia đình có hai thế hệ cùng chung sống :

- Thế hệ thứ nhất là bố mẹ của Lan.

- Thế hệ thứ hai là Hùng và Lan (bố mẹ của Lan có hai con là Hùng và Lan).

2. Gia đình ba thế hệ

Gia đình bạn Hương có ông, bà, bố, mẹ, chị Huệ và Hương.

Hình 2 – Gia đình bạn Hương.

Ta nói, gia đình bạn Hương là gia đình có ba thế hệ cùng chung sống :

- Thế hệ thứ nhất là ông bà của Hương.
- Thế hệ thứ hai là bố mẹ của Hương (bố của Hương là con trai, mẹ của Hương là con dâu của ông bà).
- Thế hệ thứ ba là Hương và Huệ (Hương và Huệ là con của bố mẹ và là cháu của ông bà).

Một gia đình có hai vợ chồng cùng chung sống gọi là gia đình một thế hệ. Một gia đình có bố mẹ và các con cùng chung sống gọi là gia đình hai thế hệ. Một gia đình có ông bà, bố mẹ và các con của bố mẹ cùng chung sống gọi là gia đình ba thế hệ.

Mọi thành viên trong gia đình đều phải quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

CÂU HỎI

1. Thế nào là gia đình hai thế hệ ? Cho ví dụ.
2. Thế nào là gia đình ba thế hệ ? Cho ví dụ.
3. Một gia đình mà có cụ, ông bà, bố mẹ và con, cháu, chắt cùng chung sống được gọi là gia đình mấy thế hệ ?
4. Em đang sống trong gia đình có mấy thế hệ ?
5. Hãy nêu một số dẫn chứng nói lên các thành viên trong gia đình em luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

truongxua.vn

Bài 2. HỌ NỘI, HỌ NGOẠI

Mỗi người, ngoài bố mẹ và anh, chị, em ruột của mình, còn có những người họ hàng thân thích khác.

Ông bà sinh ra bố, các anh, chị, em ruột của bố (nếu có) và các con của họ... là những người thuộc họ nội.

Ông bà sinh ra mẹ, các anh, chị, em ruột của mẹ (nếu có) và các con của họ... là những người thuộc họ ngoại.

Ông bà nội, ông bà ngoại và các cô, dì, chú, bác, anh, chị, em họ... đều là những người có quan hệ ruột thịt với em. Em phải biết yêu quý, quan tâm, giúp đỡ họ.

Những người có quan hệ ruột thịt với bố em thì thuộc họ nội của em. Những người có quan hệ ruột thịt với mẹ em thì thuộc họ ngoại của em. Những người thuộc họ nội và ngoại đều có quan hệ ruột thịt với em. Em phải biết yêu quý, giúp đỡ họ.

CÂU HỎI

1. Ông bà nội của em sinh ra ai ? Ông bà ngoại của em sinh ra ai ?
2. Gia đình em sống chung với ông bà nội hay ông bà ngoại ? Em phải đối xử với ông bà nội, ông bà ngoại như thế nào ?

3. Những người là : anh, chị, em trai, em gái của bố và của mẹ em thì em gọi như thế nào ? Các con của những người đó phải gọi em như thế nào ?

Bài 3. THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ HỌ HÀNG

Ông bà của Hương có hai người con : con cả là bố của Hương, con thứ hai là mẹ của Lan. Em hãy cho biết :

a) Mẹ Lan và Lan thuộc họ nội hay họ ngoại của Hương ?

b) Ông bà nội của Hương, bố Hương, chị em Hương thuộc họ nội hay họ ngoại của Lan ? Lan gọi những người đó như thế nào cho đúng ?

c) Chị em Hương và chị em Lan phải có nghĩa vụ gì đối với họ hàng của mình ?

truongxua.vn

Bài 4. THỰC HÀNH *(tiếp)*

1. Vẽ lại sơ đồ gia đình, họ hàng theo ví dụ sau đây :

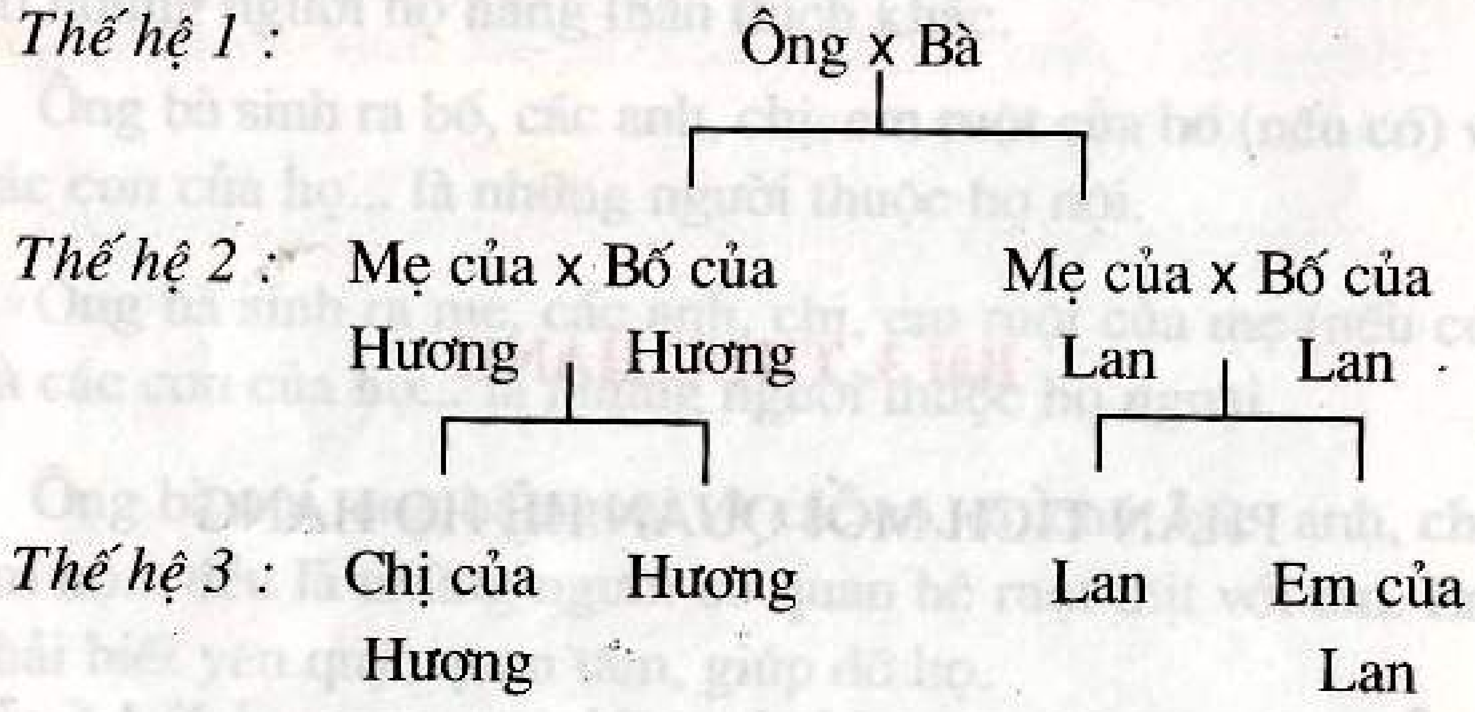

2. Bài tập

thuongmaitr

a) Ông bà A có một con gái. Người con gái ấy lấy chồng và chỉ đẻ một con gái.

– Vẽ sơ đồ gia đình ông bà A.

– Ông bà A có bao nhiêu cháu ? Đó là cháu nội hay cháu ngoại ?

b) Ông bà B có hai con trai, một con gái. Hai vợ chồng người con trai cả có hai con gái. Hai vợ chồng người con trai thứ có hai con trai và một con gái. Hai vợ chồng người con gái út có hai con gái và một con trai.

– Vẽ sơ đồ gia đình ông bà B.

– Tính xem ông bà B có bao nhiêu cháu ? Bao nhiêu cháu nội, bao nhiêu cháu ngoại ?

3. Thảo luận

– So sánh số con và cháu của ông bà A và ông bà B.

– Nếu ở địa phương em có nhiều gia đình có đông con, đông cháu như gia đình ông bà B hoặc hơn nữa thì dân số ở địa phương tăng lên hay giảm đi ?

– Ở những gia đình quá đông con thường có khó khăn gì ?

Bài 5. ÔN TẬP

GIA ĐÌNH

ruongxua.vn

1. Có nhiều loại gia đình. Những gia đình chỉ có bố mẹ và các con cùng chung sống gọi là gia đình hai thế hệ. Những gia đình có ông bà, bố mẹ, các con cùng chung sống gọi là gia đình ba thế hệ.
2. Con, cháu có nghĩa vụ vâng lời, chăm sóc bố mẹ, ông bà ; không phân biệt bên nội hay bên ngoại. Phải biết yêu quý, tôn trọng anh, chị, em trong họ nội và họ ngoại.
3. Bố mẹ đẻ ít con, thường có nhiều điều kiện thuận lợi để chăm sóc, giáo dục con và cải thiện đời sống trong gia đình.
4. Em có thể làm được những gì để góp phần làm cho không khí gia đình vui vẻ, nhà cửa luôn sạch, đẹp ?

2. TRƯỜNG HỌC

Bài 6 - 7. HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ LÊN LỚP

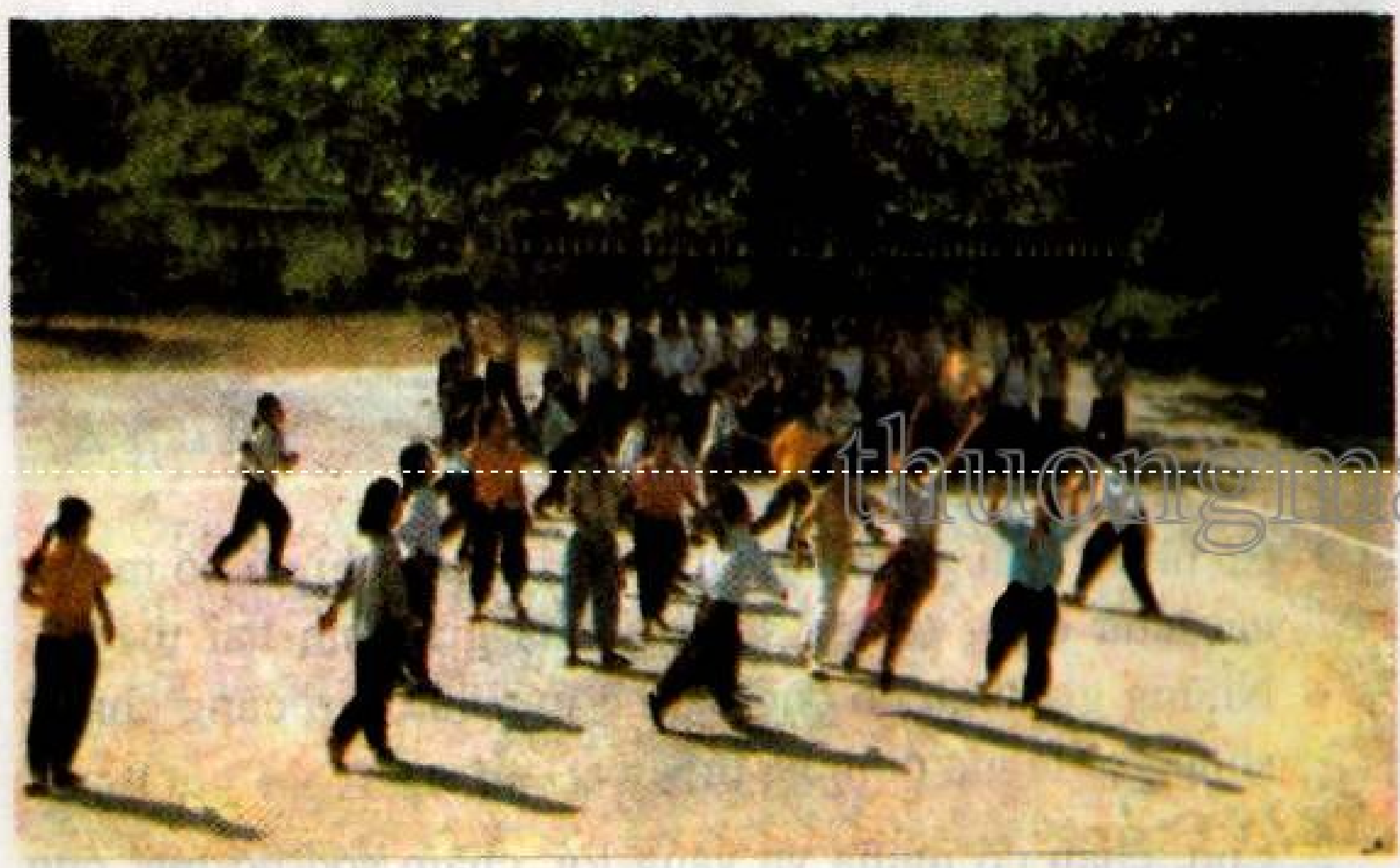

Hình 3 – Chơi bóng chuyền.

Hình 4 – Biểu diễn văn nghệ.

ruongxua.vn

Hình 5 – Hội khỏe Phù Đổng.

Hình 6 – Tham dự hội khỏe Phù Đổng.

Hình 7 – Đi tham quan.

Hình 8 – Tìm hiểu môi trường.

Hình 9 – Thăm nhà lưu niệm Bác Hồ.

Hình 10 – Chăm sóc đài tưởng niệm liệt sĩ.

thuongmaitr

Ngoài các hoạt động học tập trên lớp, học sinh còn được tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp thông qua các hình thức hoạt động chủ yếu sau :

– Vui chơi giải trí, văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao ;

– Hoạt động xã hội theo chủ điểm ;

– Lao động công ích (phù hợp với sức khỏe và khả năng của học sinh) ;

– Hoạt động từ thiện (giúp bạn khó khăn, gia đình thương binh liệt sĩ, người tàn tật, già cả neo đơn...).

CÂU HỎI

1. Em hãy kể những hình thức hoạt động ngoài lớp chủ yếu do nhà trường tổ chức.

2. Theo em, các hình ảnh có trong bài (từ hình 3 đến hình 10) đã ghi lại những hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp nào ? Nhận xét thái độ, ý thức tổ chức và kỉ luật của các bạn trong từng hoạt động.

3. Lớp em đã tham gia những hoạt động ngoài giờ lên lớp nào ?

4. Trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động nào đã giúp em :

- Nâng cao và mở rộng những kiến thức đã được học trên lớp ?
- Làm cho tinh thần vui vẻ, cơ thể khỏe mạnh ; tăng cường tinh thần đồng đội...
- Quan tâm giúp đỡ bạn bè và mọi người, làm việc có ích cho cộng đồng, xã hội.

ruongxua.vn

Bài 8. QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Hình 11 – Cuộc họp giữa Ban giám hiệu với Hội cha mẹ học sinh Trường Nam Thành Công.

thuongmaitr

Hình 12 – Một đóng góp của hội cha mẹ học sinh cho nhà trường.

Hình 13 – Hội nghị của Phường Nam Thành Công bàn về công tác giáo dục.

truongxua.vn

Hình 14 – Công an phổ biến luật giao thông cho học sinh.

Ở mỗi xã (phường, thị trấn...) đều có Hội đồng giáo dục. Ở mỗi trường tiểu học đều thành lập Hội cha mẹ học sinh.

Nhà trường phải chủ động phối hợp với Hội cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội để làm tốt nhiệm vụ dạy học và giáo dục học sinh.

CÂU HỎI

1. Hình ảnh nào trong bài học nói lên sự phối hợp hoạt động giữa nhà trường và Hội cha mẹ học sinh ? Giữa nhà trường và Hội đồng giáo dục phường (xã) ? Giữa nhà trường và các tổ chức khác ?
2. Nhà trường phải chủ động phối hợp với Hội cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội để nhằm đạt được những mục đích gì ?
3. Bố mẹ em có thường xuyên đi họp chi hội cha mẹ học sinh của lớp không ?
4. Em biết gì về những đóng góp của Hội cha mẹ học sinh với nhà trường ?
5. Em phải học tập như thế nào để xứng đáng với sự quan tâm của nhà trường, Hội cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác ?

thuongmaitr

Bài 9. ÔN TẬP

TRƯỜNG HỌC

1. Quang cảnh trường em thế nào ?
2. Trường em có những ai ? Ai là người lãnh đạo cao nhất ? Ai là người trực tiếp dạy học trên lớp ?
3. Kể những hoạt động trên lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp của trường em ?
4. Nêu lên một số lợi ích của các hoạt động trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp đối với em. Khi tham gia các hoạt động của nhà trường, em cần phải có thái độ như thế nào ?
5. Nêu một vài ví dụ về những đóng góp của nhà trường đối với địa phương.
6. Hội cha mẹ học sinh và các tổ chức kinh tế, xã hội... đã có đóng góp gì cho trường em ?

3. TỈNH (THÀNH PHỐ)

Bài 10. PHONG CẢNH VÀ CÁC CƠ SỞ HÀNH CHÍNH, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ

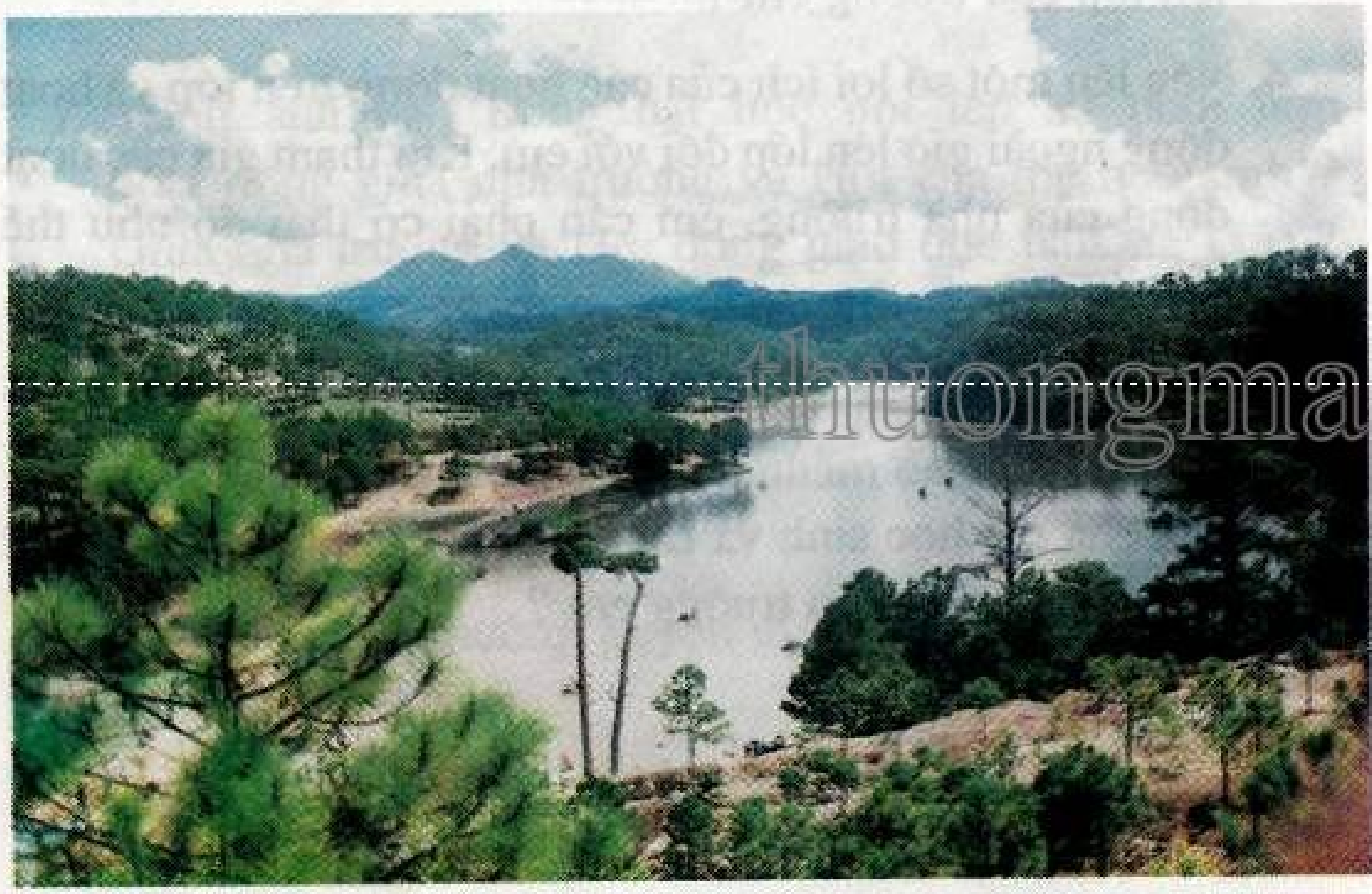

Hình 15 – Một cảnh thiên nhiên ở Đà Lạt.

thuongmaitr

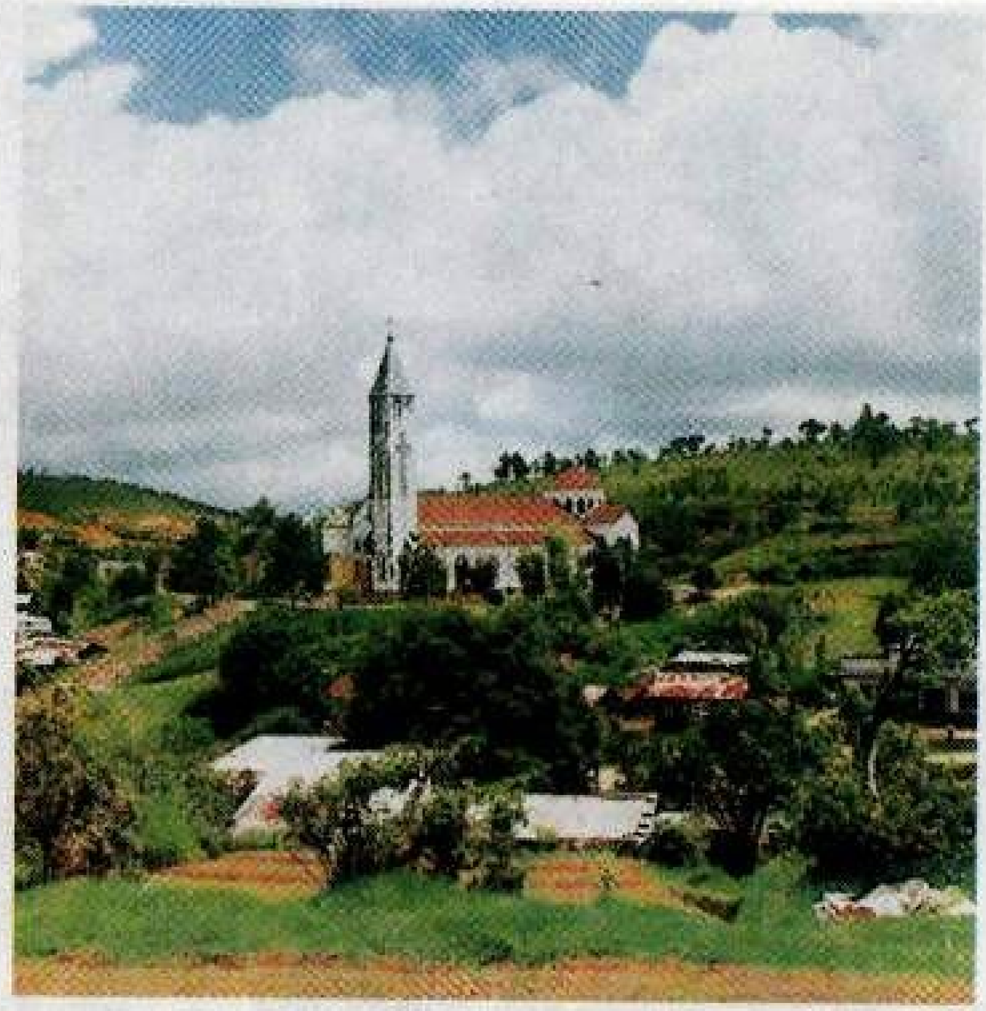

Hình 16
Nhà Thờ
Đức Bà
(Đà Lạt).

ruongxua.vn

Hình 17 – Thác Cam Ly (Đà Lạt).

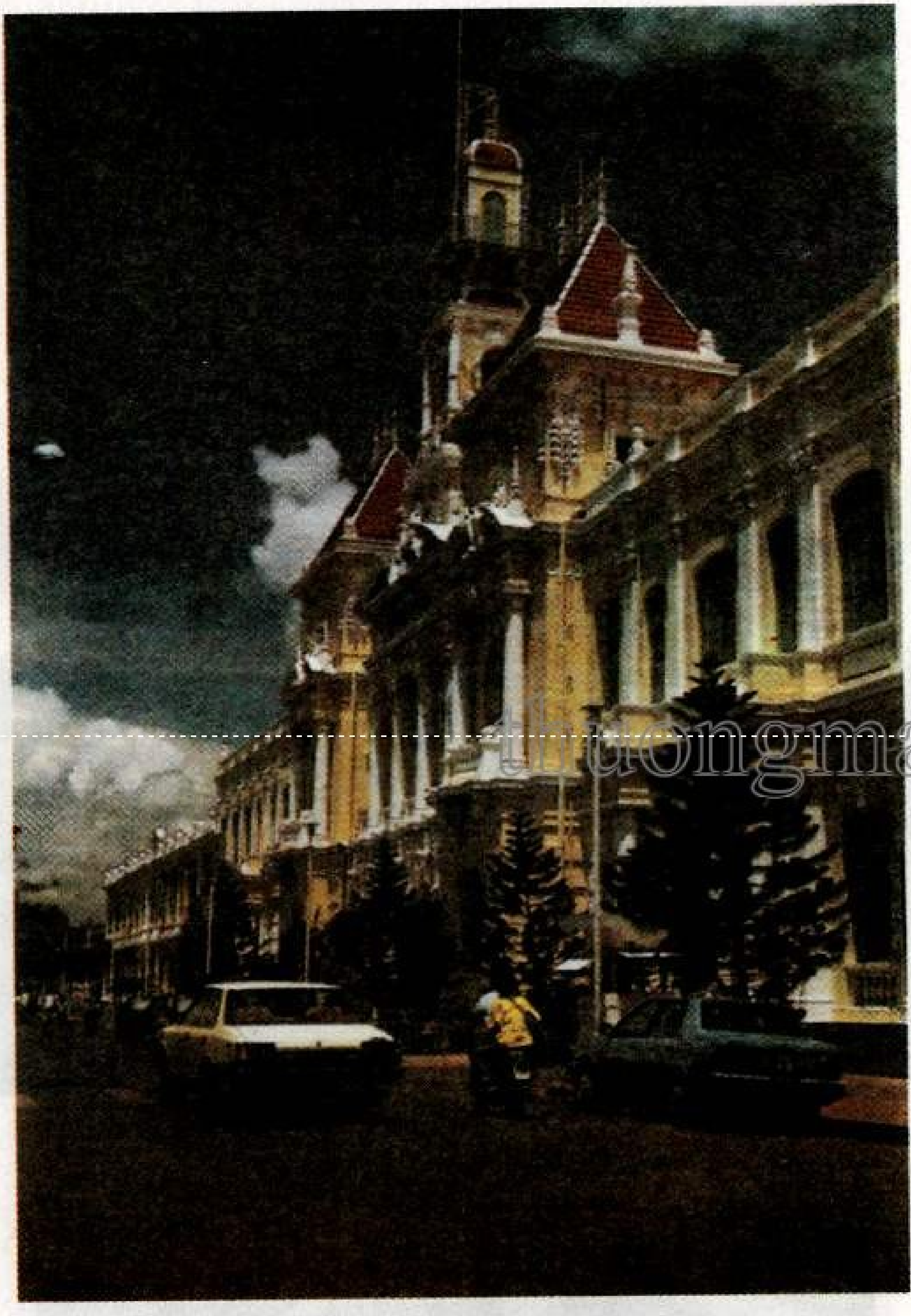

Hình 18 – Trụ sở Ủy ban nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh.

Hình 19 – Nhà hát lớn ở Hà Nội.

Hình 20 – Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam ở Hà Nội.

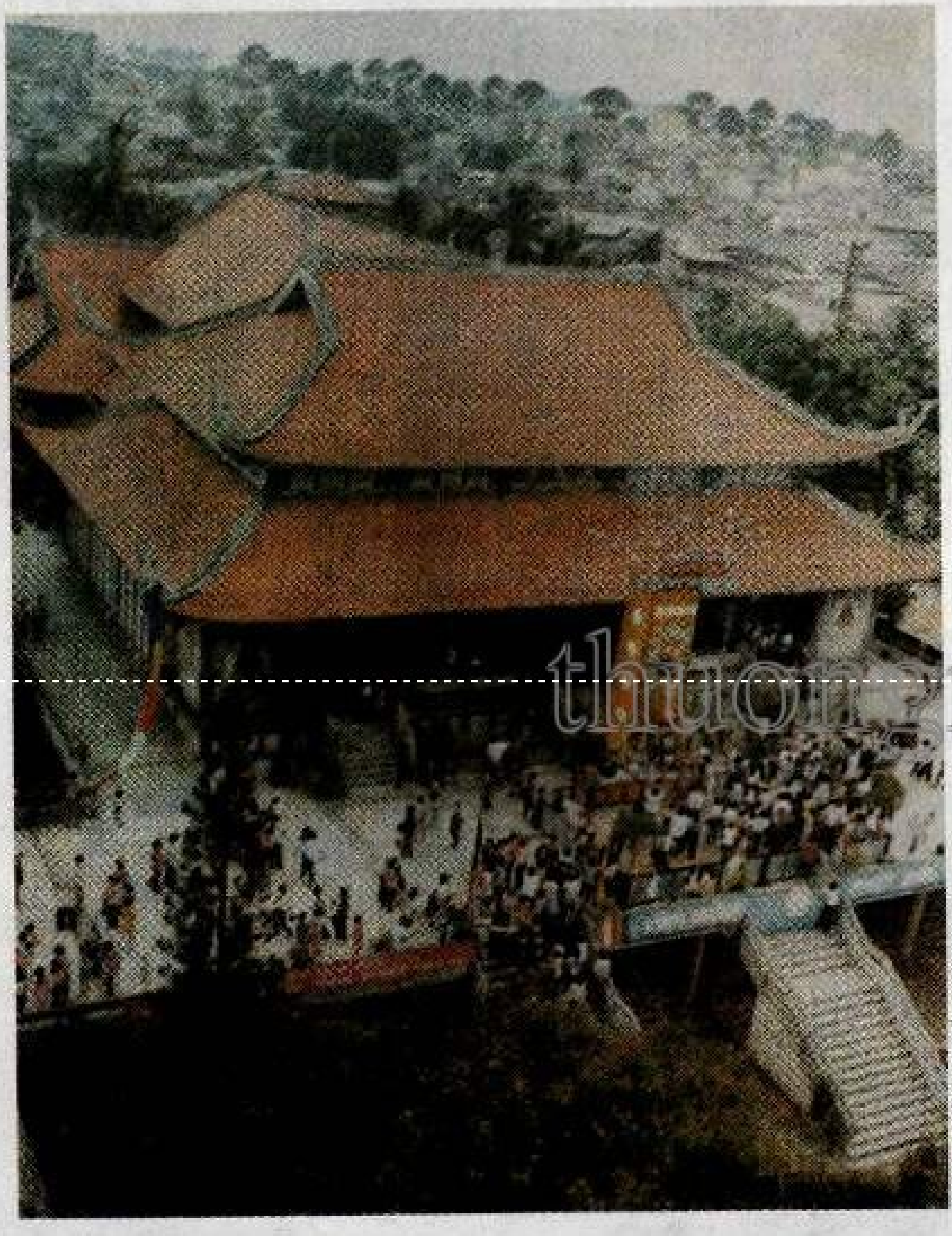

Hình 21 – Chùa Vĩnh Nghiêm ở thành phố Hồ Chí Minh.

Hình 22 – Bệnh viện Hữu nghị Việt – Đức ở Hà Nội.

truongxua.vn

Hình 23 – Trường Quốc học Huế.

Ở tỉnh (thành phố) đều có các cơ sở : hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế... để phục vụ cho đời sống, tinh thần và sức khỏe của nhân dân.

CÂU HỎI

1. Quan sát hình 16, 17, 18, em thấy gì qua những hình ảnh đó ?
2. Ở tỉnh (thành phố) em có phong cảnh gì nổi bật ?
3. Những người lãnh đạo tỉnh (thành phố) làm việc ở đâu ?
4. Kể tên những đình, chùa, nhà thờ, rạp hát, rạp chiếu phim, câu lạc bộ, viện bảo tàng, trường học, bệnh viện ở tỉnh (thành phố) em. Những nơi đó được sử dụng để làm gì ?
5. Khi có dịp đến các nơi công cộng kể trên, em phải ứng xử như thế nào ?

thuongmaitr

Bài 11. CÁC CƠ SỞ THÔNG TIN LIÊN LẠC

Hình 24 – Đài truyền hình Việt Nam.

tuongxua.vn

Hình 25
Trung tâm thông tin quốc tế của
Việt Nam.

Hình 26 – Nhà bưu điện thành phố Hồ Chí Minh.

thuongmaitr

Các trụ sở của đài truyền hình, đài phát thanh, bưu điện... đều là những cơ sở thông tin liên lạc. Từ những cơ sở kể trên, người ta có thể phát đi và thu nhận những tin tức, hình ảnh trao đổi văn hóa, khoa học,nghệ thuật ; làm nhiệm vụ trung chuyển trao đổi thư tín, bưu phẩm... giữa các địa phương trong nước ta và giữa nước ta với nước ngoài.

CÂU HỎI

1. Kể tên các cơ sở thông tin liên lạc có ở địa phương em.
2. Nêu nhiệm vụ của các cơ sở thông tin liên lạc có ở địa phương em.

Bài 12. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

truongxua.vn

Hình 27 – Thu hoạch và vận chuyển lúa chín.

Hình 28 – Bơm nước.

Hình 29 – Chăm sóc bông.

Hình 30 – Chăm sóc thông.

ruongxua.vn

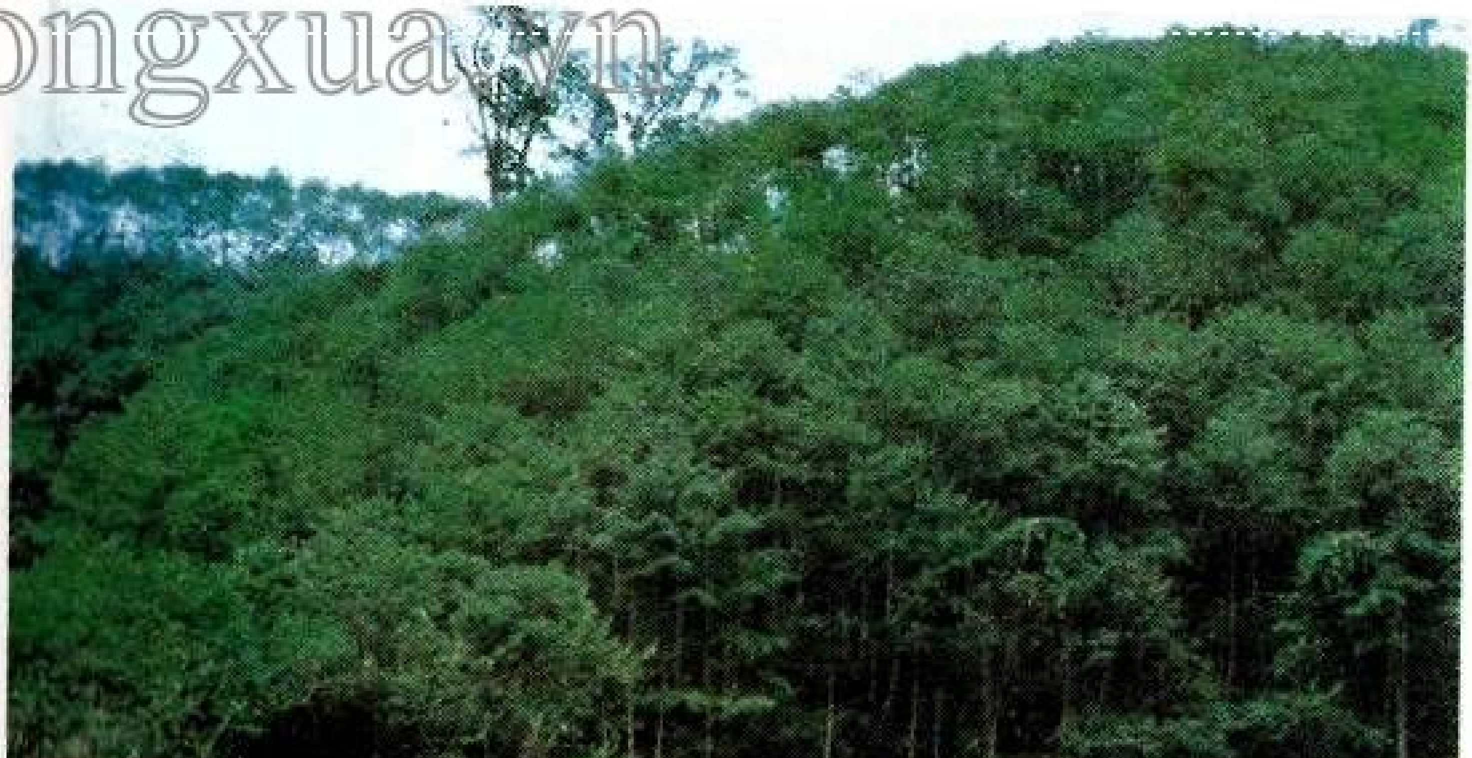

Hình 31 – Trồng rừng phủ xanh đồi trọc.

Hình 32 – Chăn nuôi lợn (heo).

thuongmaitr

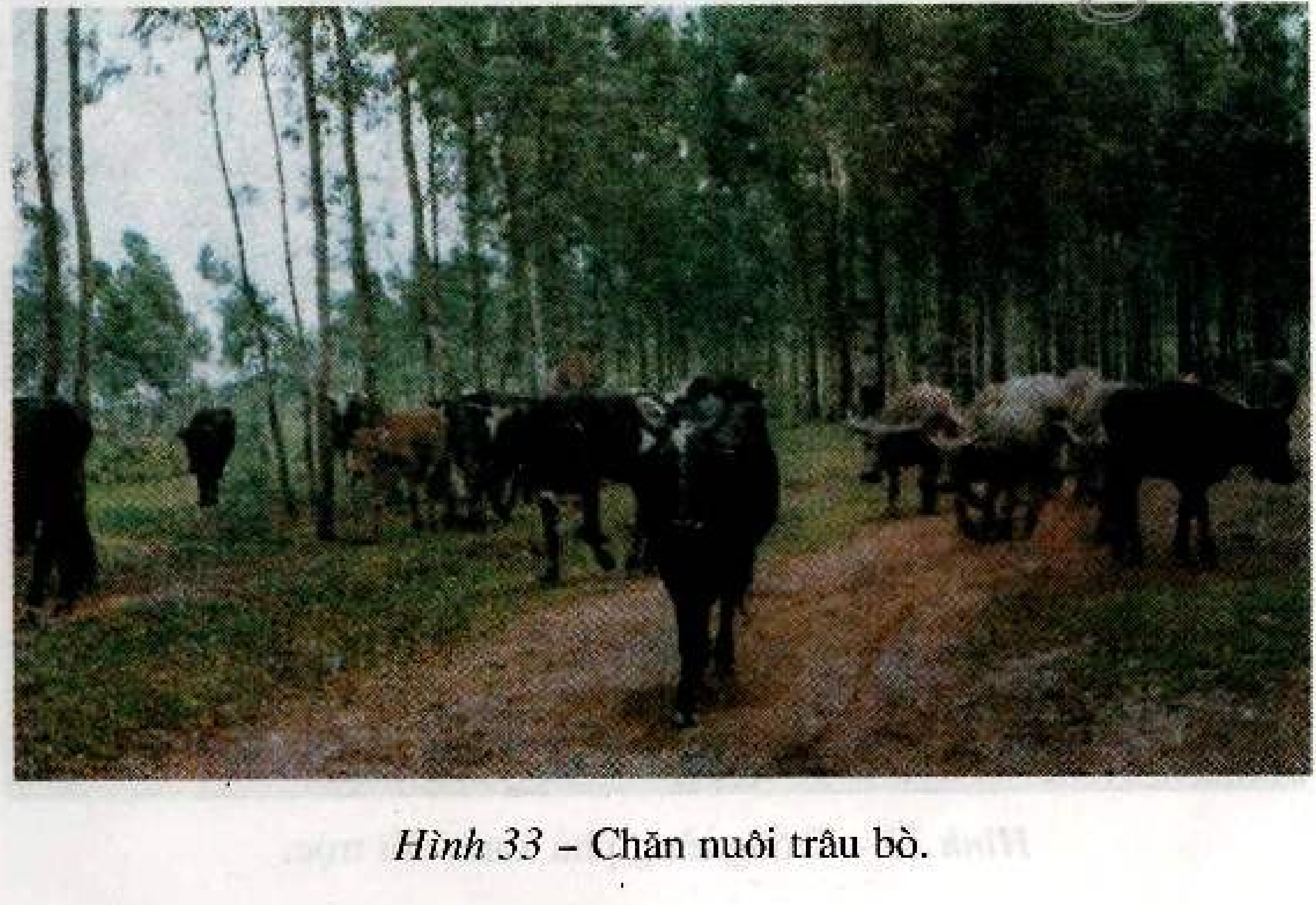

Hình 33 – Chăn nuôi trâu bò.

Hình 34 – Đánh bắt cá.

Tùy theo từng tỉnh, có thể có một hoặc nhiều hoạt động kinh tế nông nghiệp sau :

– Trồng các cây : lúa, ngô (bắp), đậu, khoai, sắn (củ mì), rau, cây ăn quả (trái), bông, đay, chè, mía, cà phê, cao su...

– Nuôi các con : gà, vịt, ngan (vịt xiêm), ngỗng, lợn (heo), dê, bò, trâu...

– Nuôi và đánh bắt cá, các thủy sản khác.

– Khai thác rừng và trồng rừng...

truongxua.vn

CÂU HỎI

1. Kể các hoạt động nông nghiệp được giới thiệu qua những hình ảnh trong bài.
2. Kể các hoạt động nông nghiệp ở địa phương em.
3. Em hãy sưu tầm những hình ảnh và bài viết trên các báo giới thiệu về các hoạt động kinh tế nông nghiệp của tỉnh (nếu có).

Bài 13. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ *(tiếp)*

Hình 35 – Khai thác dầu mỏ ở Vũng Tàu.

Hình 36 – Khai thác than đá ở Quảng Ninh.

truongxua.vn

Hình 37 – Luyện thép ở khu gang thép Thái Nguyên.

Hình 38 – Dệt vải trong nhà máy dệt.

thuongmaitr

Hình 39 – Chợ Đồng Xuân – Hà Nội.

Hình 40 – Chuyên chở, mua bán gạo và hàng hóa ở bến sông.

truongxua.vn

Ngoài hoạt động nông nghiệp, các hoạt động công nghiệp (như khai thác khoáng sản, luyện thép, dệt, ...), thương nghiệp (buôn bán) cũng đóng vai trò quan trọng ở nhiều tỉnh và thành phố trong nước ta.

CÂU HỎI

1. Quan sát các hình ảnh có trong bài, những hình nào giới thiệu các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghiệp ? Những hình nào giới thiệu các hoạt động thuộc lĩnh vực thương nghiệp ?

2. Kể tên các cơ sở khai thác khoáng sản, các nhà máy, xí nghiệp, các nơi tập trung buôn bán của tỉnh (thành phố) em.

3. Em hãy sưu tầm những hình ảnh và bài viết trên các báo giới thiệu về các hoạt động kinh tế công nghiệp và thương nghiệp của tỉnh (thành phố) em (nếu có).

Bài 14. LÀNG QUÊ VÀ ĐÔ THỊ

Hình 41
Cảnh làng quê ở đồng bằng.

Hình 42
Cảnh ngôi nhà của một gia đình làm nghề nông ở làng quê.

thuongmaitr

Hình 43
Cảnh bản làng
ở miền núi.

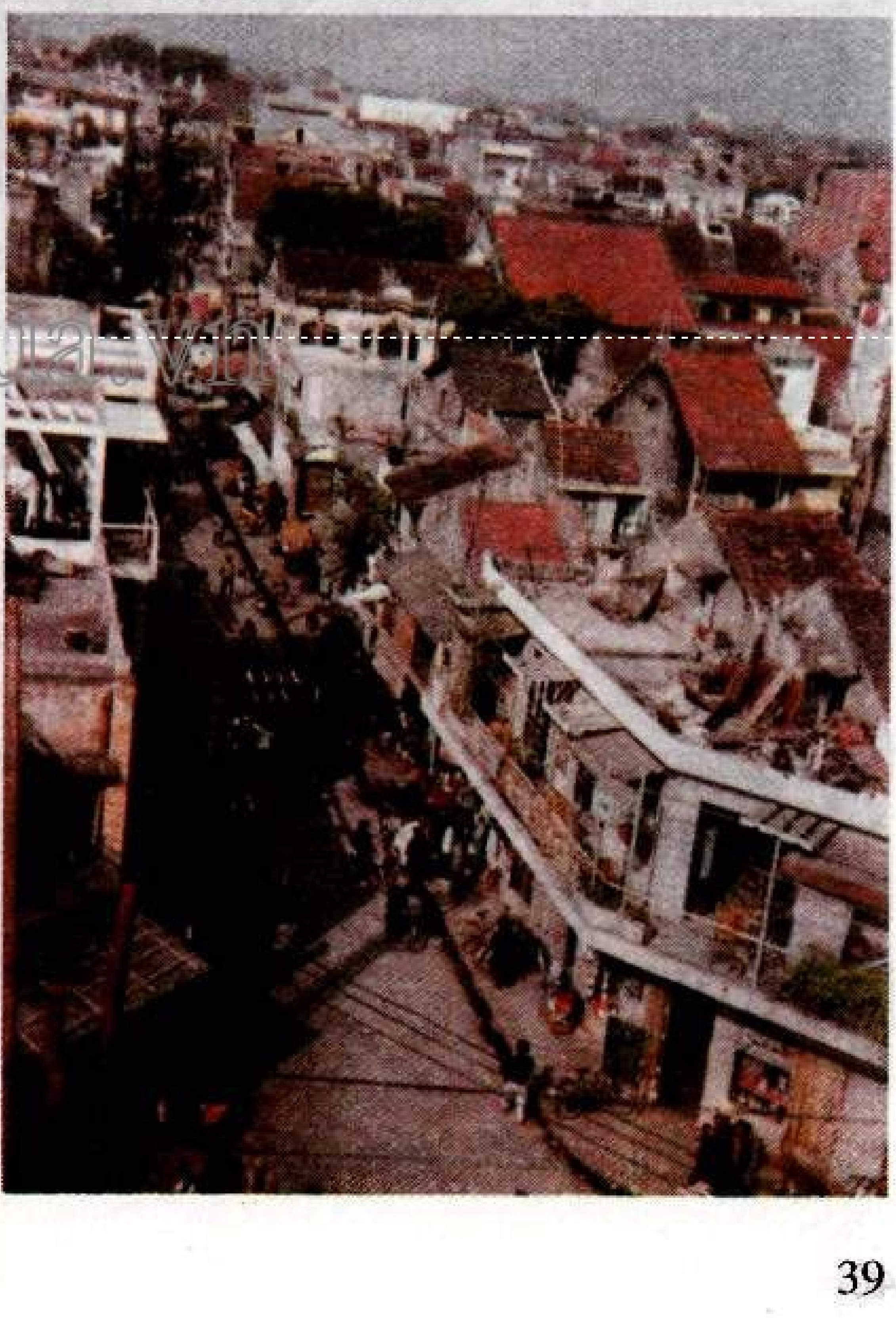

Hình 44
Cảnh một
đường phố
Hà Nội.

truongxua.vn

Hình 45 – Phố cổ Hội An.

Hình 46 – Một cảnh ở Thành phố Hồ Chí Minh.

truongxua.vn

Ở làng quê, người ta thường sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi, chài lưới và các nghề thủ công... ; xung quanh nhà ở thường có vườn cây, chuồng trại... ; đường làng thường nhỏ, ít người và xe cộ đi lại. Ở đô thị, người ta thường đi làm trong các công sở, nhà máy và buôn bán ; nhà ở tập trung san sát ; đường phố có nhiều người và xe cộ đi lại tấp nập.

CÂU HỎI

1. Quan sát các hình ảnh trong bài học, em có nhận xét gì về sự khác biệt nổi bật giữa phong cảnh ở làng quê và đô thị ?

2. Kể tên một vài làng quê và đô thị của tỉnh (thành phố) em (hoặc tên các quận nội thành và huyện ngoại thành). Tìm ra sự khác biệt về :

- Phong cảnh, nhà cửa.
- Hoạt động sống chủ yếu của nhân dân.
- Đường sá, hoạt động giao thông...

3. Nếu em sống ở làng quê, hãy tìm hiểu xem ở làng em có nhiều người chuyển đi tìm việc ở nơi khác không ? Có những ai mới đến sinh sống ở làng em ?

4. Nếu em sống ở đô thị, hãy tìm hiểu xem có nhiều người từ những nơi khác về đấy sinh sống không ? Những người đó thường làm nghề gì ?

thuongmaitr

Bài 15 – 16. THỰC HÀNH

TÌM HIỂU LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

1. Tên làng, xã (phố, phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố) em trước kia và hiện nay ?

2. Những di tích lịch sử nào ở địa phương em còn lại đến ngày nay ? Di tích lịch sử đó ghi nhận sự kiện nào, công lao của ai, vào thời gian nào (nếu có) ?

3. Tên nghề thủ công, truyền thống (nếu có). Ngày nay nghề đó còn được tiếp tục phát triển không ?

4. Hiện nay ở địa phương em còn giữ lại những lễ hội nào, những phong tục tập quán nào ?

5. Tìm một vài thay đổi nổi bật của địa phương em trong những năm gần đây. (Ví dụ : sản xuất, buôn bán phát triển, dân số tăng (giảm), nhà cửa được xây cất, đường sá được mở rộng, sửa sang...).

Bài 17 – 20. ÔN TẬP

truongxua.vn

TỈNH (THÀNH PHỐ).
THAM QUAN LÀNG QUÊ (ĐÔ THỊ)

(Nhận xét về : phong cảnh, nhà cửa, đường sá, các hoạt động chủ yếu của con người ở nơi đến tham quan).

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em hãy cho biết tên và địa điểm nơi tham quan.

2. Các em đã sử dụng phương tiện nào để đi tham quan ? (Đi bộ, tàu, ôtô...).

3. Những quan sát thực tế thu được sau buổi tham quan đã làm rõ hơn hay bổ sung thêm những kiến thức gì đã học ở trên lớp về chủ đề làng quê và đô thị ? Nêu ví dụ.

4. Trong khi đi tham quan, em có nhận xét gì về ý thức chấp hành luật lệ giao thông của lớp em và của nhân dân ?

5. Quan sát những hình vẽ sau đây và nhận xét hình nào có người đi đúng, hình nào có người đi sai ? Giải thích rõ : đúng ở điểm nào, sai ở điểm nào ?

Hình 47a

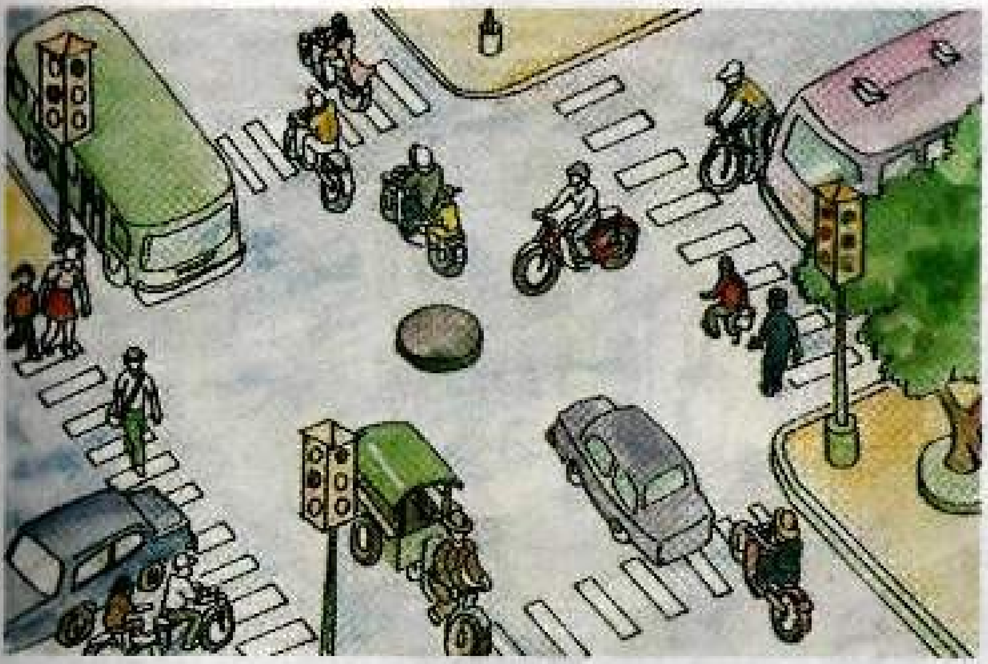

Hình 47b

Hình 47 – Đi lại ở thành phố.

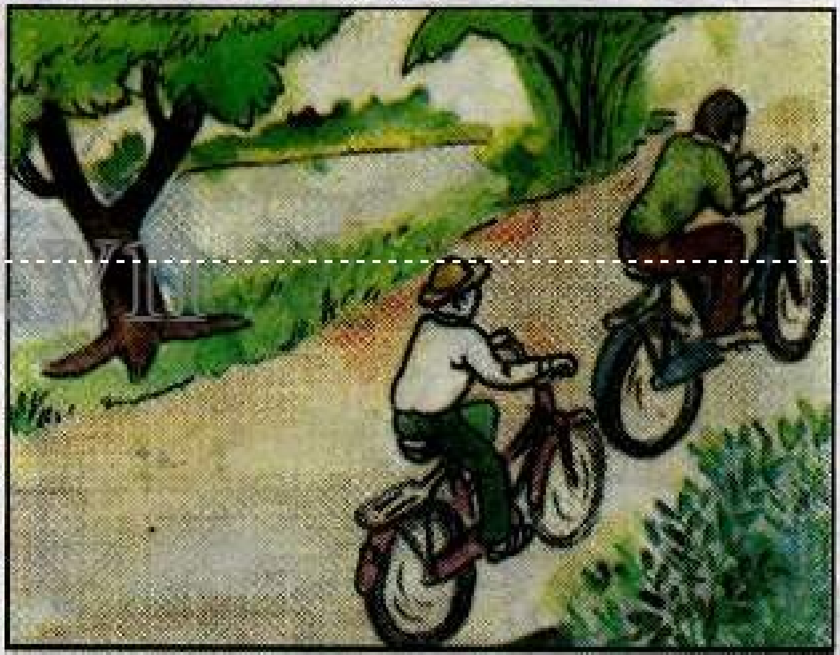

Hình 48a

truongxua.vn

Hình 48b

Hình 48
Đi lại ở đường làng.

4. THỰC VẬT

Bài 21. THÂN CÂY

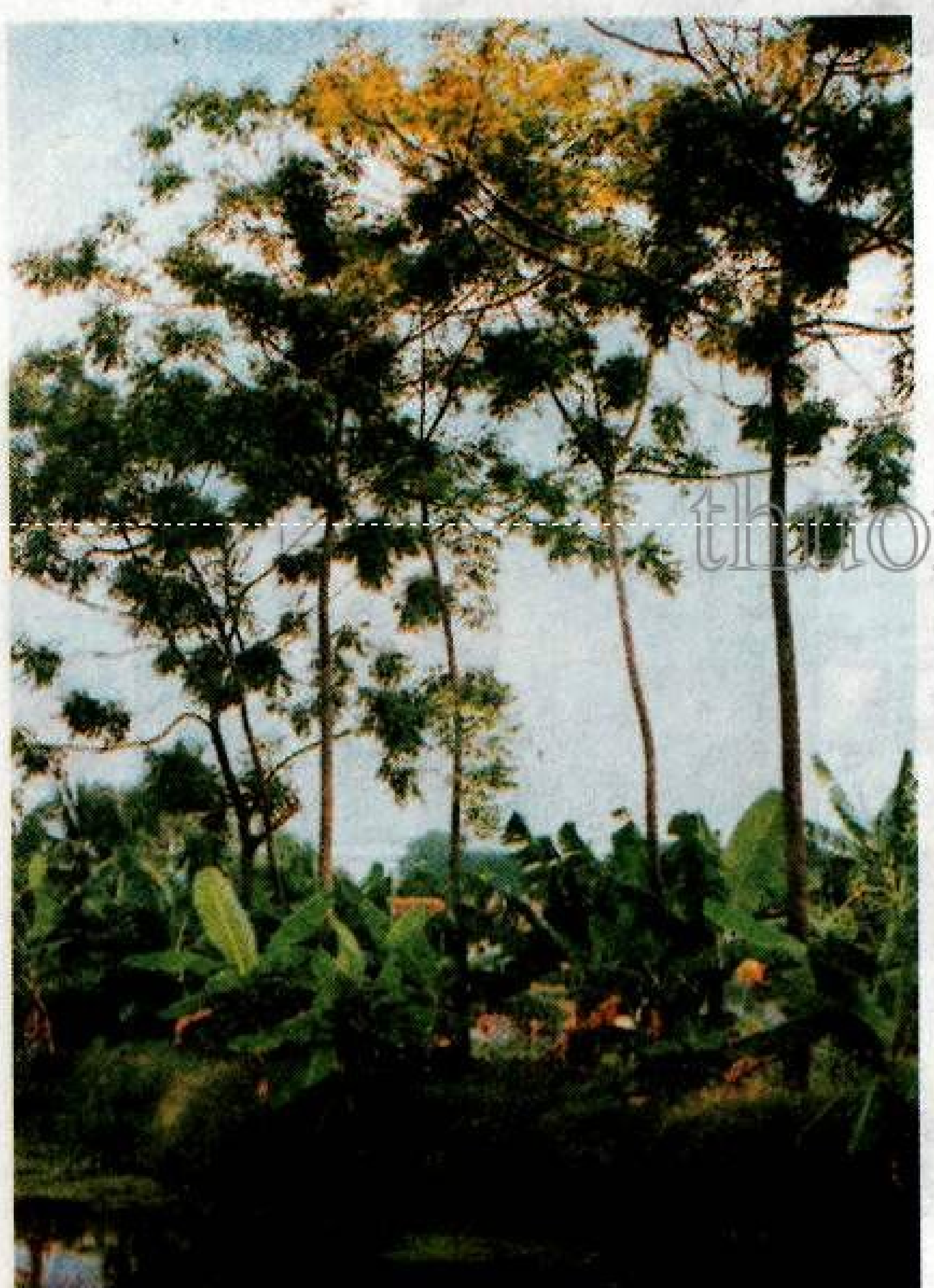

Hình 49
Rặng xoan
(sầu đâu).

thuongmaitr

Hình 50 – Rừng cây gỗ dầu.

ruongxua.vn

Thí nghiệm :

để cây cà chua nằm ngang. Thân cây cà chua mọc dài ra vẫn vươn thẳng lên trời.

Hình 51
Cây cà chua.

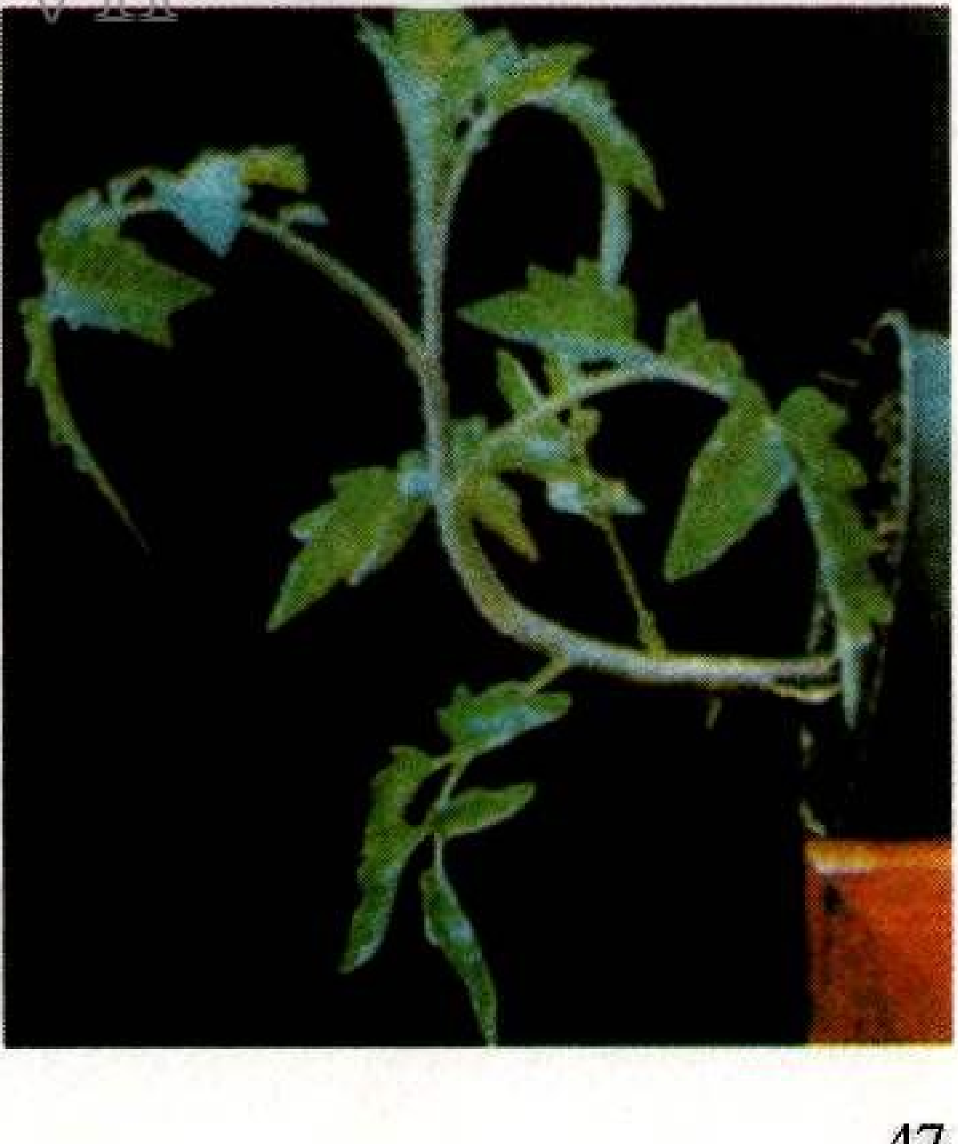

Hình 52 – Giàn dưa chuột.

thuongmaitr

Hình 53
Ruộng dưa hấu.

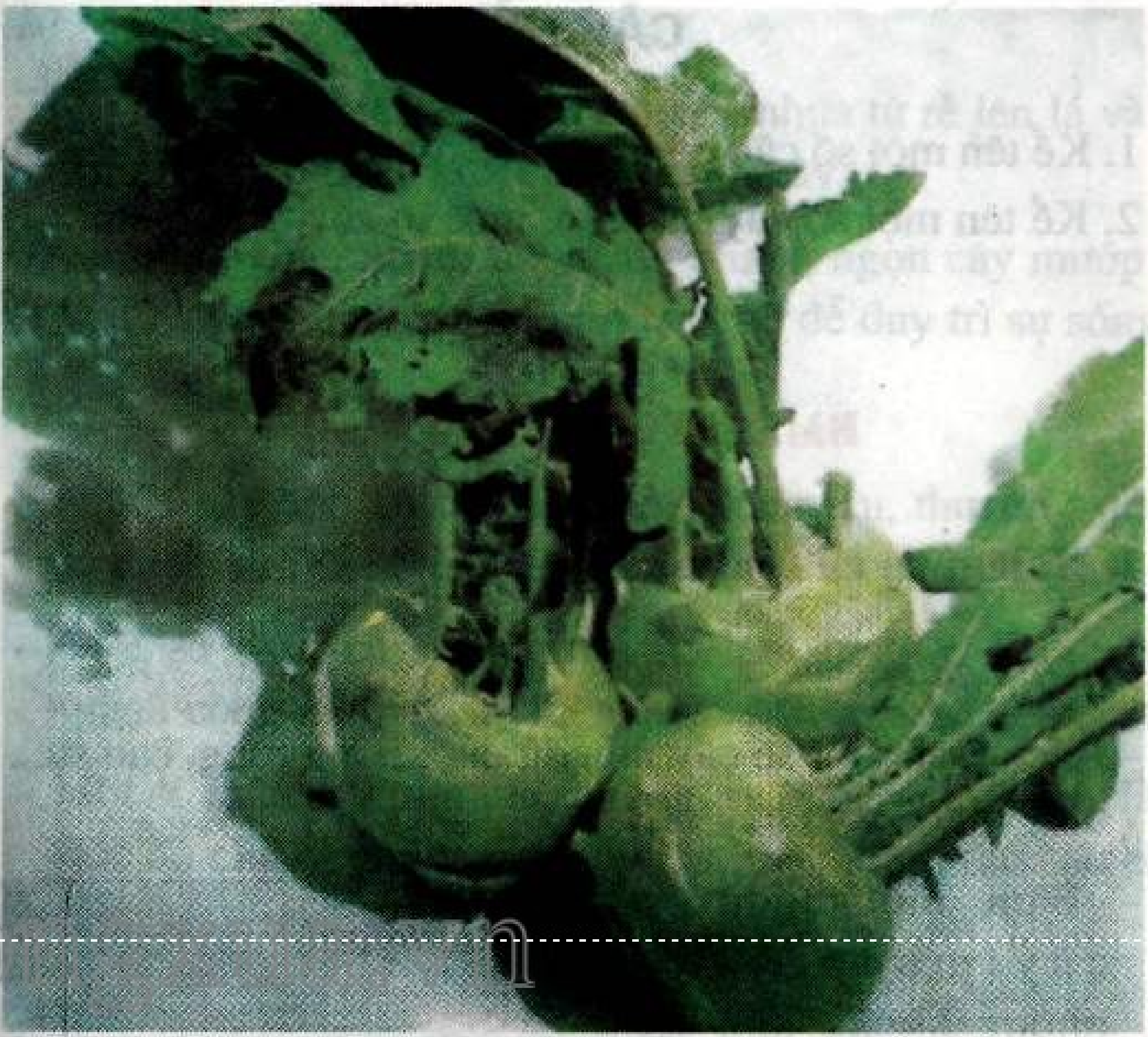

Hình 54 – Cây su hào.

Phần lớn các cây có thân mọc đứng, hướng lên trời và vươn về phía có ánh sáng. Cũng có cây thân leo, cây thân bò trên mặt đất hoặc bò ngầm dưới mặt đất, có cây thân biến dạng (củ su hào)...

Có loại cây thân cứng như những cây gỗ. Có loại cây thân mềm như lúa, cỏ...

CÂU HỎI

1. Kể tên một số cây có thân mọc đứng, thân leo, thân bò...
2. Kể tên một số cây thân gỗ, một số cây thân mềm.

Bài 22. THÂN CÂY *(tiếp)*

1. Nhiệm vụ của thân cây đối với cây

a) Thí nghiệm

- Rạch thân một số cây như đu đủ, xương rồng, cao su... ta thấy nhựa cây chảy ra.
- Bấm một ngọn cây (mướp...) nhưng không làm đứt rời ra khỏi thân, vài ngày sau ta thấy ngọn cây đó bị héo dần rồi chết.

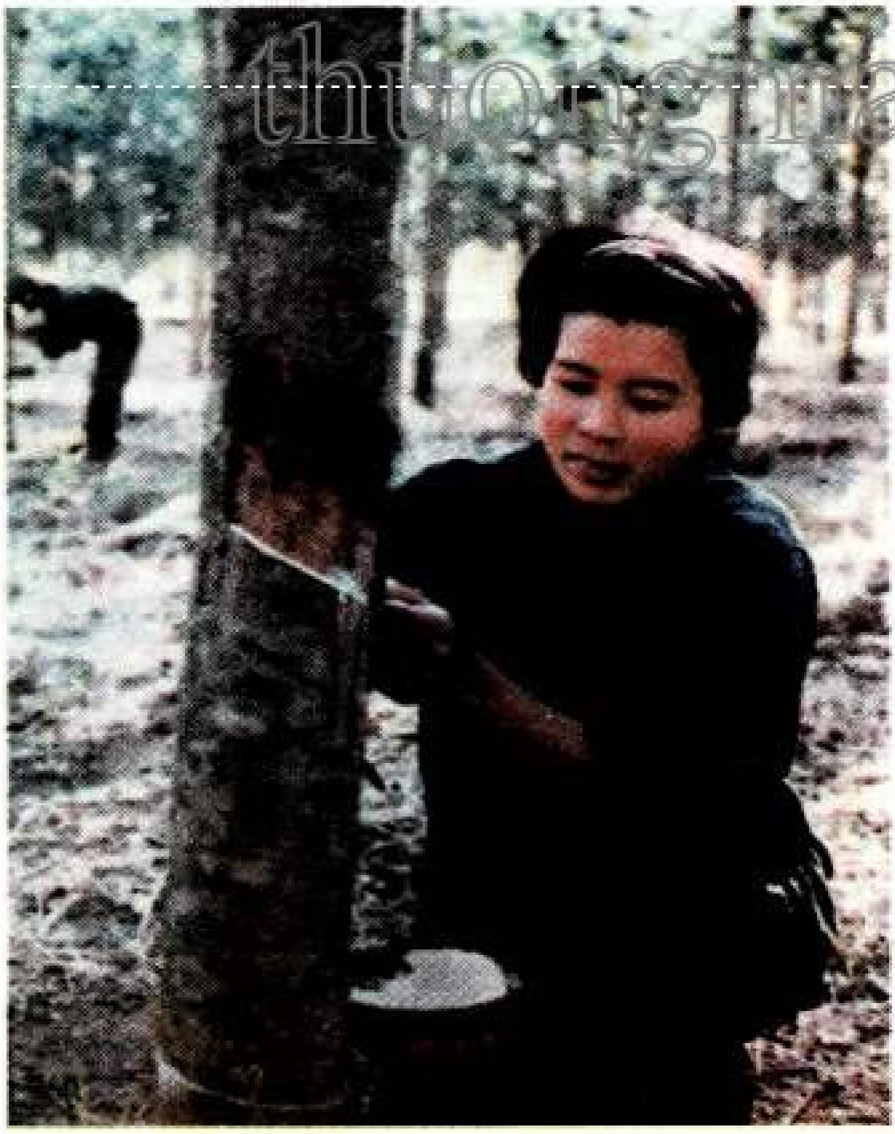

Hình 55
Rạch thân cây cao su để lấy nhựa (mủ).

b) Nhận xét và kết luận

Thân cây làm nhiệm vụ vận chuyển nhựa từ rễ lên lá và từ lá đi khắp các bộ phận của cây để nuôi cây.

Trong thí nghiệm bấm ngọn cây mướp, ngọn cây mướp bị chết là do không nhận được đủ nhựa cây để duy trì sự sống.

2. Ích lợi của thân cây

- Nhiều cây cho gỗ để làm nhà ; đóng tàu, thuyền ; đóng đồ đạc ; làm củi đun...
- Một số thân cây cho nhựa để làm nguyên liệu trong ngành công nghiệp chế biến cao su và một số hóa chất...
- Một số thân cây như rau muống, su hào, mía... dùng làm thức ăn cho người ; thân cây lúa, ngô... làm thức ăn cho động vật.

ruongxua.vn

Thân cây làm nhiệm vụ vận chuyển nhựa đi khắp các bộ phận của cây để nuôi cây.

Thân cây được dùng để làm nhà, đóng đồ dùng, lấy nhựa, làm thức ăn cho người và động vật...

CÂU HỎI

1. Nhờ đâu nhựa cây có thể chuyển từ rễ đến lá, từ lá đi khắp các bộ phận của cây ?
2. Người ta sử dụng thân cây để làm gì ?

Bài 23. RỄ CÂY

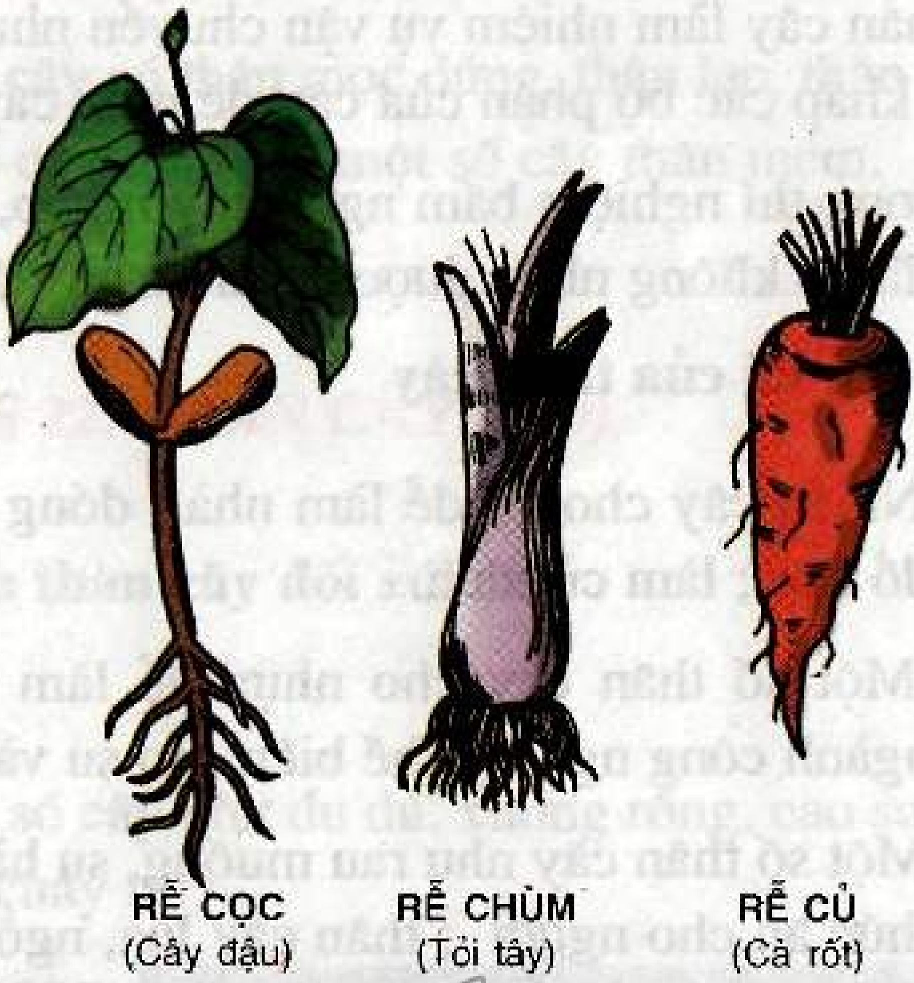

Hình 56
Các loại rễ cây.

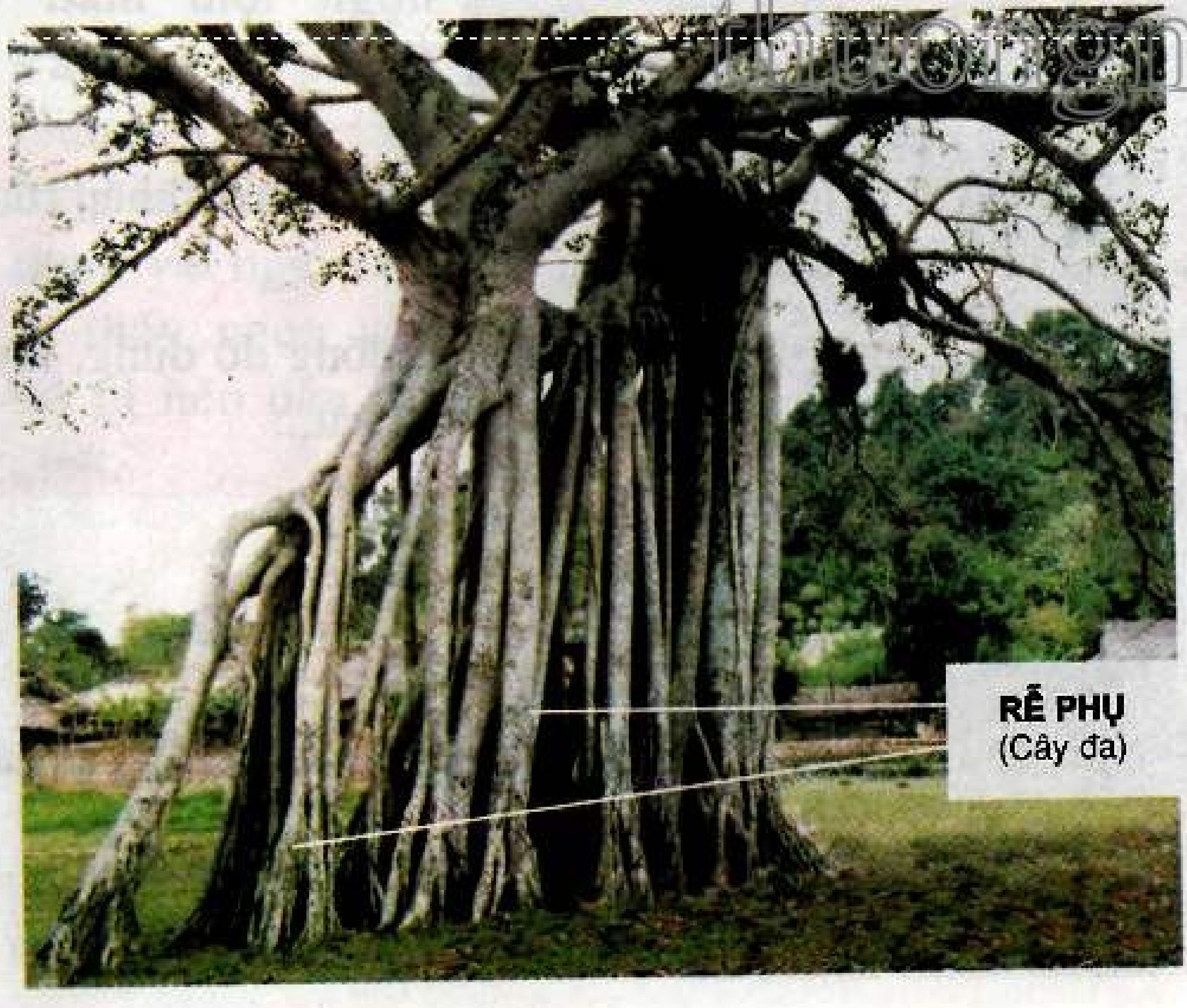

thuongmaitr

Rễ cây bao giờ cũng mọc hướng xuống đất. Có nhiều loại rễ cây khác nhau : rễ cọc, rễ chùm, rễ củ... Ngoài các loại rễ chính kể trên, một số cây như cây đa, si, trầu không... còn có rễ phụ.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số cây có rễ cọc, rễ chùm, rễ củ, rễ phụ.
2. Các loại rễ cây có đặc điểm gì chung ?

Bài 24. RỄ CÂY *(tiếp)*

ruongxua.vn

1. Nhiệm vụ của rễ cây

Rễ cây đâm sâu xuống đất để hút thức ăn cho cây và giữ cho cây không bị đổ.

Hình 57
Rễ cây trong đất.

2. Ích lợi của rễ cây

- Một số cây có rễ dùng để làm thức ăn như : cà rốt, củ mài, củ sắn, củ đậu, khoai lang...
- Một số rễ cây được dùng làm thuốc như : sâm, tam thất, chanh...
- Ở một số nước trên thế giới người ta trồng củ cải đường để lấy rễ củ làm đường.

Rễ cây có nhiệm vụ hút thức ăn cho cây và giữ cho cây không bị đổ.

Một số cây có rễ dùng để làm thức ăn, làm đường, làm thuốc...

thuongmaitr

CÂU HỎI

1. Rễ cây có nhiệm vụ gì ?
2. Người ta sử dụng rễ cây để làm gì ?

Bài 25. LÁ CÂY

Hình 58
Lá dâu.

ruongxua.vn

Hình 59
Lá rau ngót.

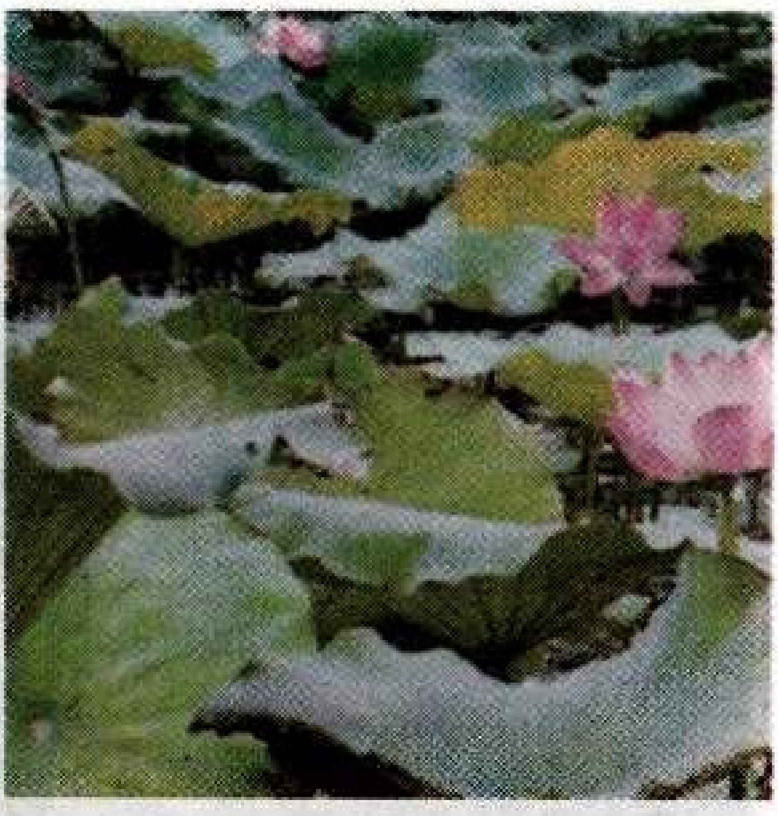

Hình 60
Lá sen.

Hình 61 – Lá dừa nước.

Hình 62 - Lá tía tô.

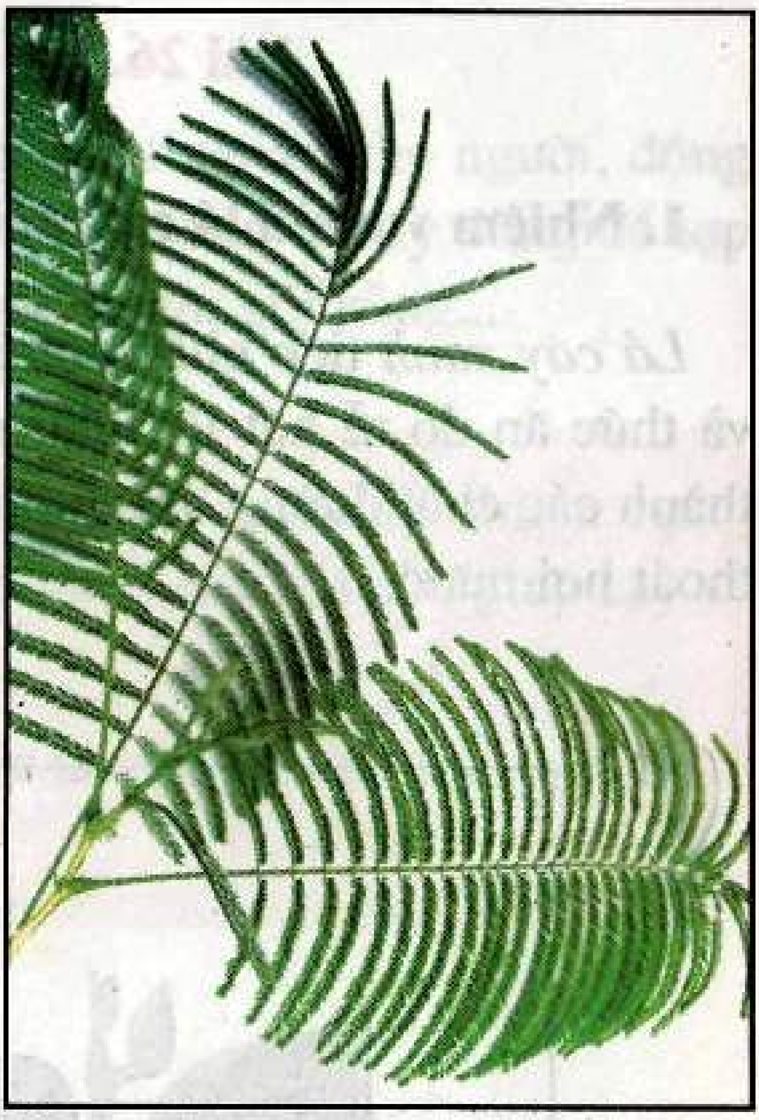

Hình 63 - Lá phượng.

ruongxua.vn

Lá cây thường có màu xanh, cũng có lá màu đỏ hoặc vàng. Lá cây có nhiều hình dạng, kích thước khác nhau, nhưng phần lớn đều có bẹ lá, cuống lá và phiến lá. Trên phiến lá có gân lá.

CÂU HỎI

1. Quan sát và nhận xét màu sắc, hình dạng, kích thước của các loại lá cây trong những hình trên.
2. Các lá cây đều có đặc điểm gì chung về màu sắc và cấu tạo ?

Bài 26. LÁ CÂY *(tiếp)*

1. Nhiệm vụ của lá cây đối với cây

Lá cây xanh tiếp nhận ánh sáng Mặt Trời, khí các–bô–níc và thức ăn do rễ hút lên như nước, muối khoáng để chế tạo thành các chất đường bột đi nuôi cây. Lá còn giúp cây thở và thoát hơi nước.

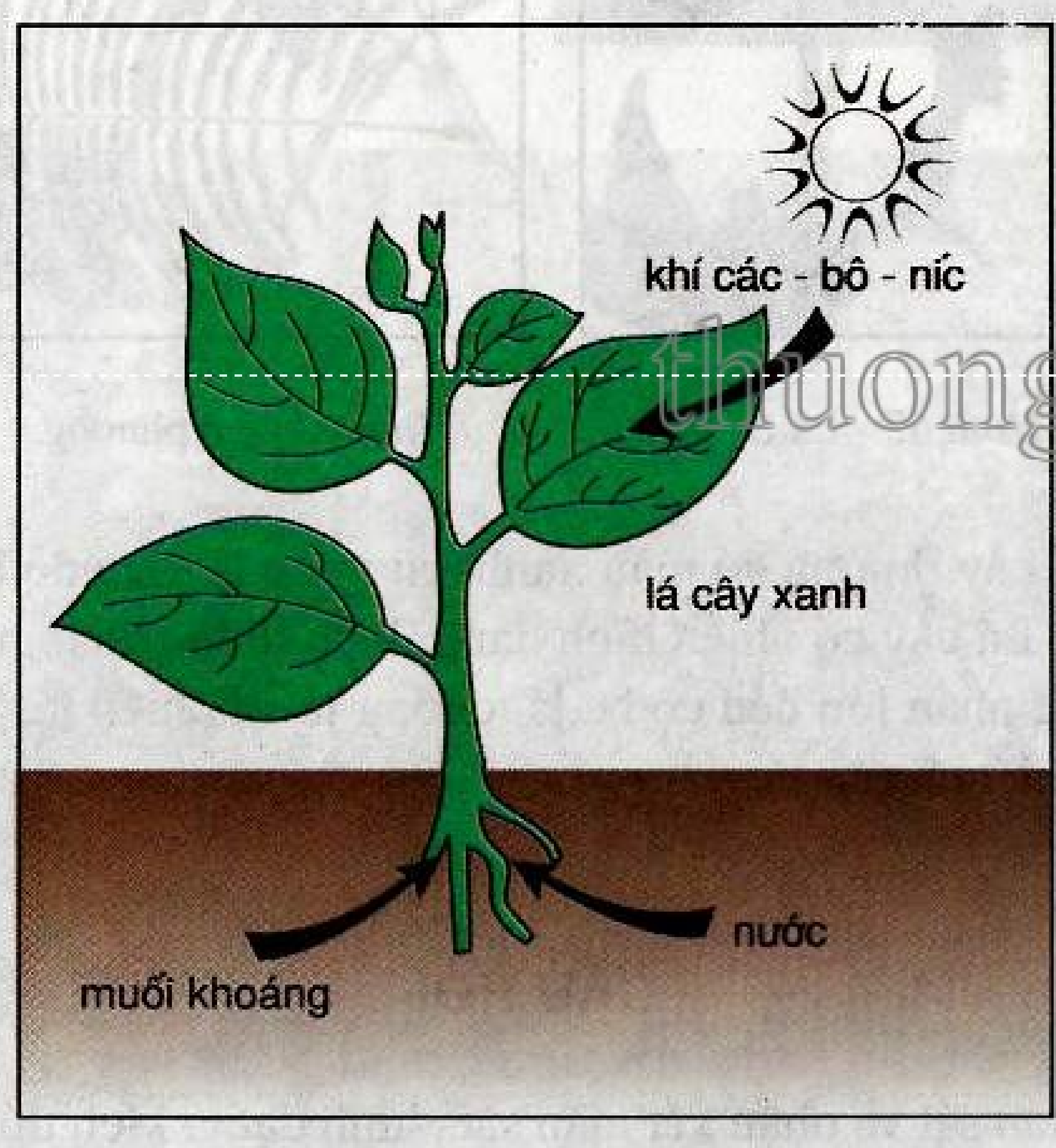

Hình 64 – Những thành phần cần thiết để lá cây xanh tạo thành chất đường bột nuôi cây.

2. Ích lợi của lá cây

Nhiều loại lá cây được dùng làm thức ăn cho người, động vật và dùng làm thuốc chữa bệnh. Một số lá cây dùng để lợp nhà, làm nón, một số khác để gói bánh, gói hàng...

Dưới ánh sáng Mặt Trời, *lá cây xanh* làm nhiệm vụ chế tạo các chất đường bột để nuôi cây. Lá còn giúp cây thở và thoát hơi nước.

Lá cây được dùng làm thức ăn cho người, động vật và nhiều công việc khác.

ruongxua.vn

CÂU HỎI

1. Quan sát hình và chỉ ra những thành phần cần thiết để lá cây xanh tạo thành chất đường bột nuôi cây.
2. Các chất từ rễ hút lên là những chất gì ? Các chất này được đem tới lá bằng đường nào ?
3. Khí các–bô–níc được bộ phận nào của cây hấp thụ ?
4. Không có ánh sáng, *lá cây xanh* có chế tạo được các chất đường bột để nuôi cây không ?
5. Ngoài nhiệm vụ chế tạo các chất đường bột để nuôi cây, lá cây còn có nhiệm vụ gì ?
6. Nêu ích lợi của lá cây, cho ví dụ cụ thể.

Bài 27. HOA

Hình 65 – Hoa đào.

thuongmaitr

Hình 66 – Hoa mai trắng.

uongxua.vn

Hình 67 – Hoa mai vàng.

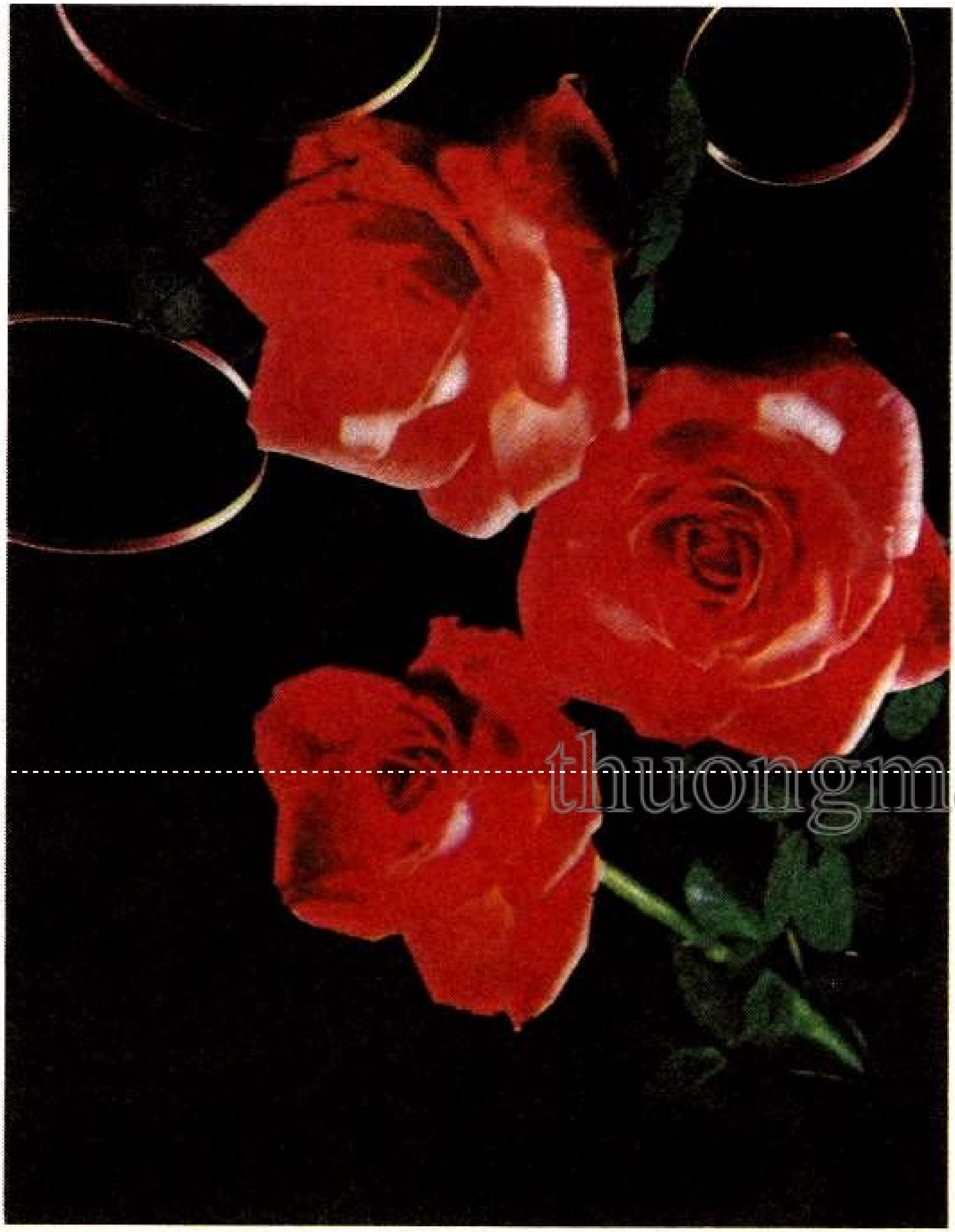

Hình 68 – Hoa hồng.

thuongmaitr

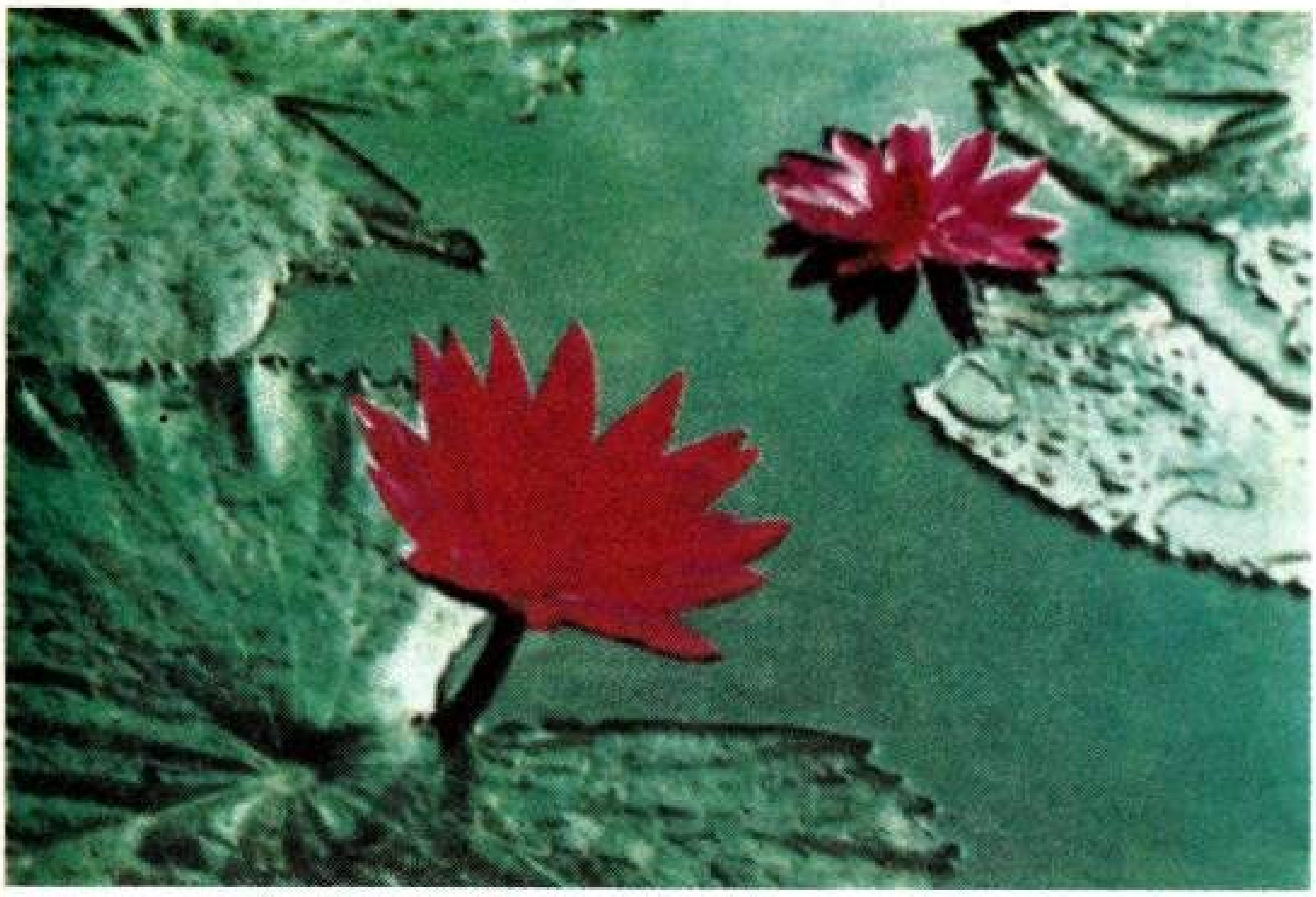

Hình 69 – Hoa súng.

ruongxua.vn

Hoa là cơ quan sinh sản của cây. Mỗi loài hoa có màu sắc, hương thơm khác nhau.

Một bông hoa thường có cuống hoa, đài hoa, cánh hoa, nhị hoa, nhụy hoa.

Hoa để trang trí, làm nước hoa và nhiều việc khác.

CÂU HỎI

1. Quan sát hoa đào (hình 65), hãy chỉ đâu là cuống hoa, đài hoa và cánh hoa.
2. Quan sát hoa mai (hình 66, 67), hãy chỉ đâu là nụ hoa, cánh hoa, nhị hoa, nhụy hoa.

3. Hoa đào, hoa mai, hoa hồng, hoa súng thường có màu gì ? Hoa nào có mùi thơm ?

4. Những hoa kể trên được dùng để làm gì ? Kể tên một số hoa được dùng để ướp chè (trà) hoặc làm thức ăn.

Bài 28. QUẢ (TRÁI CÂY)

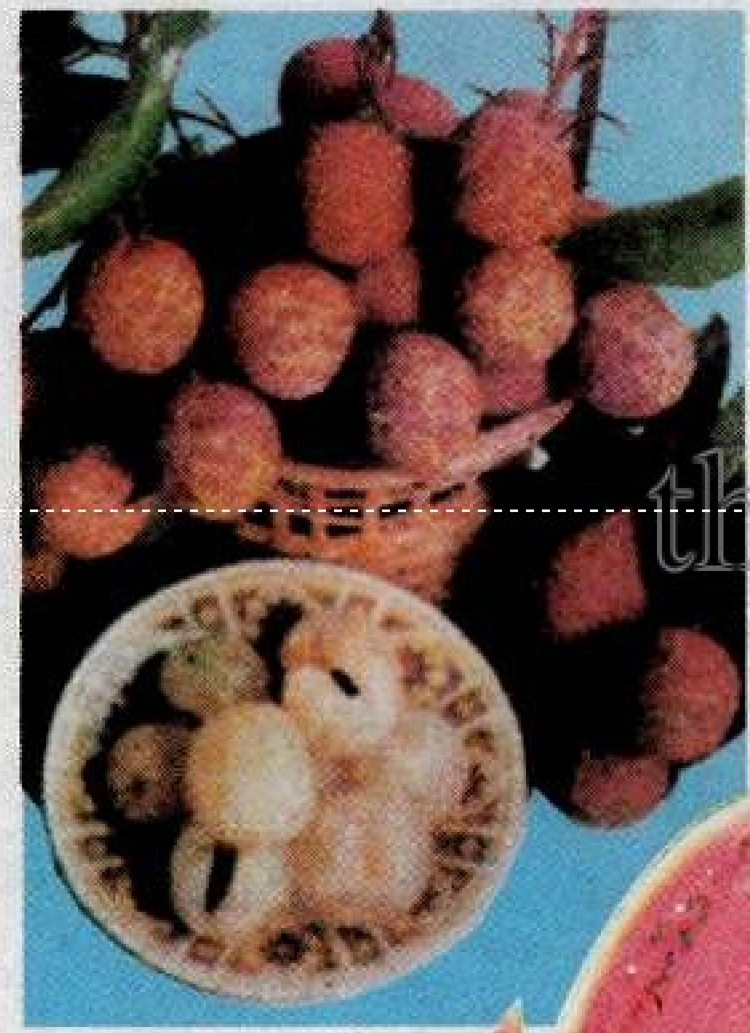

Hình 70
Vải thiều.

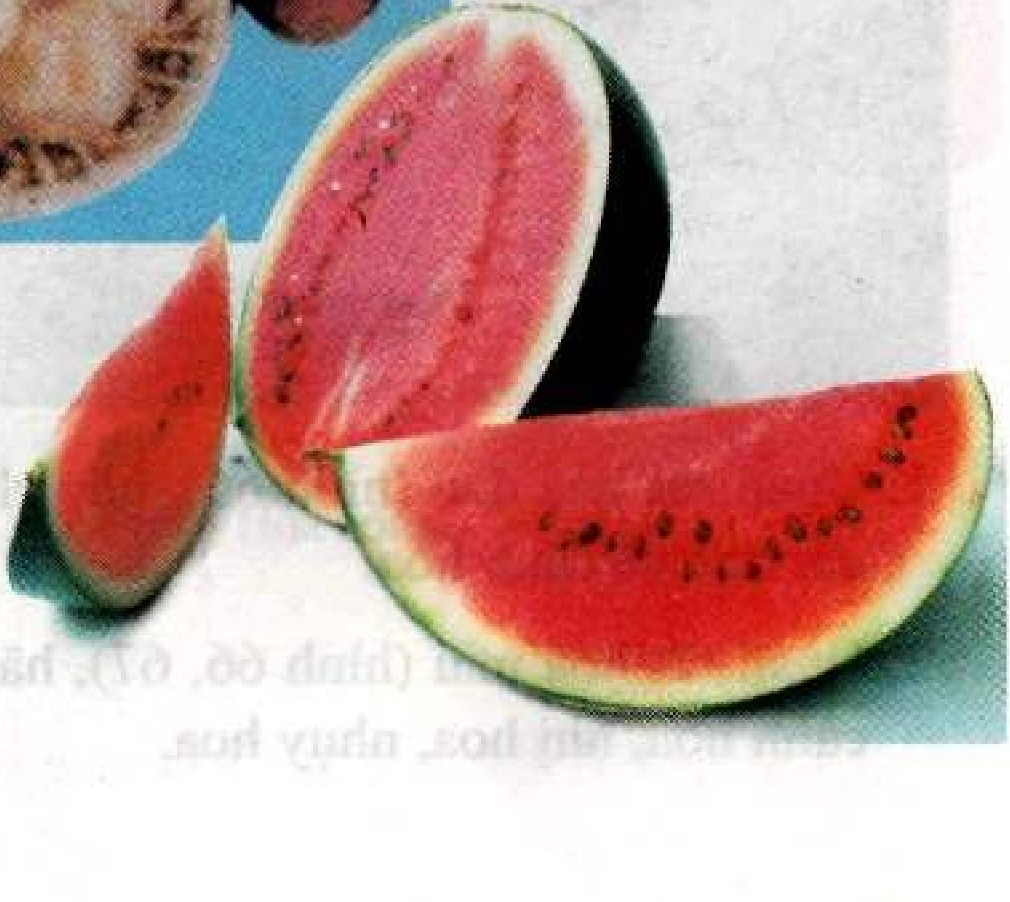

Hình 71
Dưa hấu.

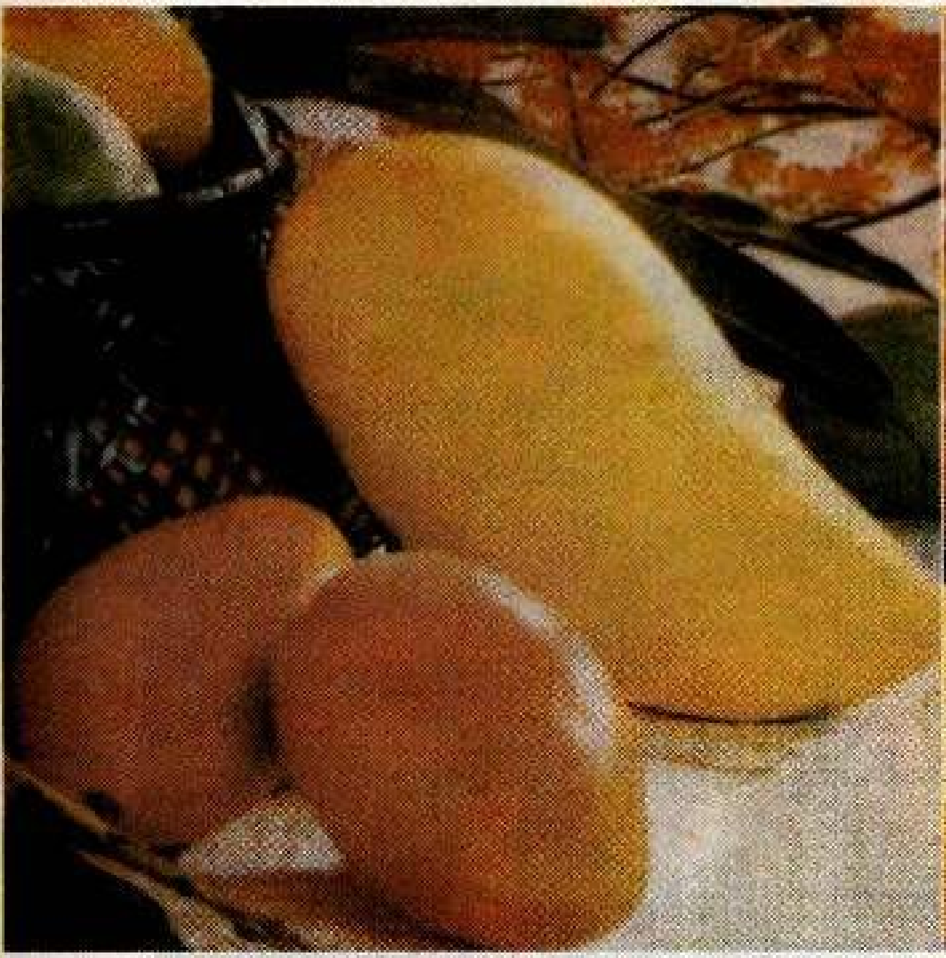

Hình 72 – Xoài.

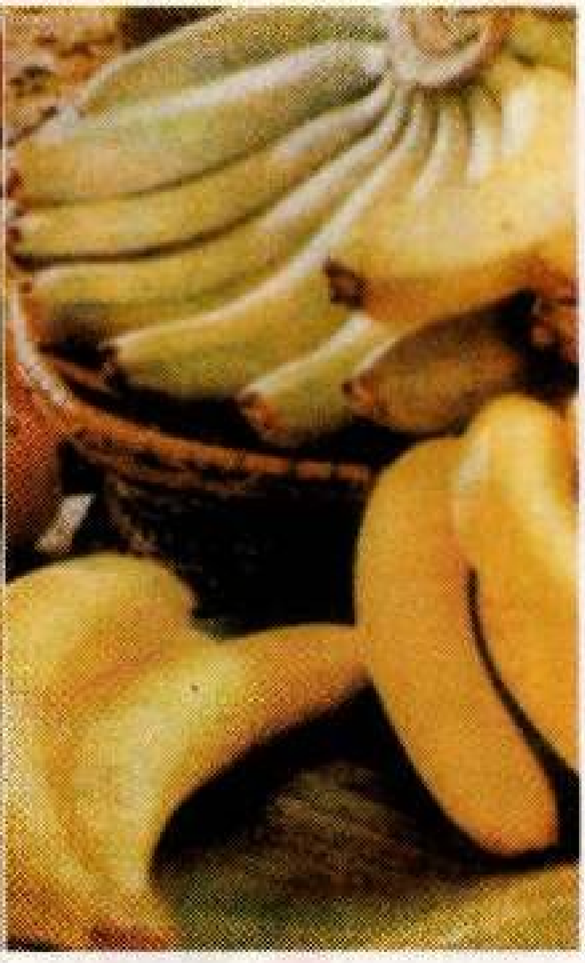

Hình 73 – Chuối.

ruongxua.vn

Hình 74 – Sầu riêng.

Hình 75
Cam và bưởi.

thuongmaitr

Hình 76
Quả ca cao.

Mỗi loại quả có hình dạng, kích thước, màu sắc và mùi vị khác nhau.

Mỗi quả thường có 3 phần : vỏ, thịt, hạt.

Hạt được gieo trồng thích hợp sẽ mọc thành cây mới.

Có loại quả được dùng để ăn tươi, làm rau, làm mứt, đóng hộp, ép dầu...

CÂU HỎI

1. Kể tên những loại quả em thường được ăn tươi. Trước khi ăn quả tươi em phải làm gì ?
2. Hãy kể tên những quả dùng để :

- Làm rau ăn trong bữa cơm.

uongxua.vn

- Làm mứt, đóng hộp.
- Ép lấy dầu.

3. Hạt ca cao được dùng để làm gì ?

Bài 29 – 30. ÔN TẬP

THỰC VẬT

1. Kể tên một số cây có một trong những đặc điểm sau :

- Thân có gỗ cứng.
- Thân mềm (như lúa, cỏ).
- Thân rỗng (như tre).

– Rễ chùm.

– Rễ cọc.

2. Kể tên một số cây được trồng để lấy hoa và ăn quả.

3. Kể một số đặc điểm chung của cây xanh.

4. Nêu nhiệm vụ chính của thân, rễ, lá, hoa, quả và hạt.

Cây xanh thường có rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt. Rễ hút thức ăn từ trong đất. Thân cây chủ yếu làm nhiệm vụ dẫn nhựa từ rễ lên lá và từ lá đi khắp các bộ phận của cây. Lá hút khí các-bô-níc và sử dụng các chất do rễ cây hút lên để tổng hợp các chất bổ đi nuôi cây, giúp cây thở và thoát hơi nước. Hoa, quả, hạt là các cơ quan sinh sản, duy trì nòi giống của cây.

thuongmaitı

Bài 31 – 32. KIỂM TRA HỌC KÌ I

5. ĐỘNG VẬT

Bài 33. TÔM

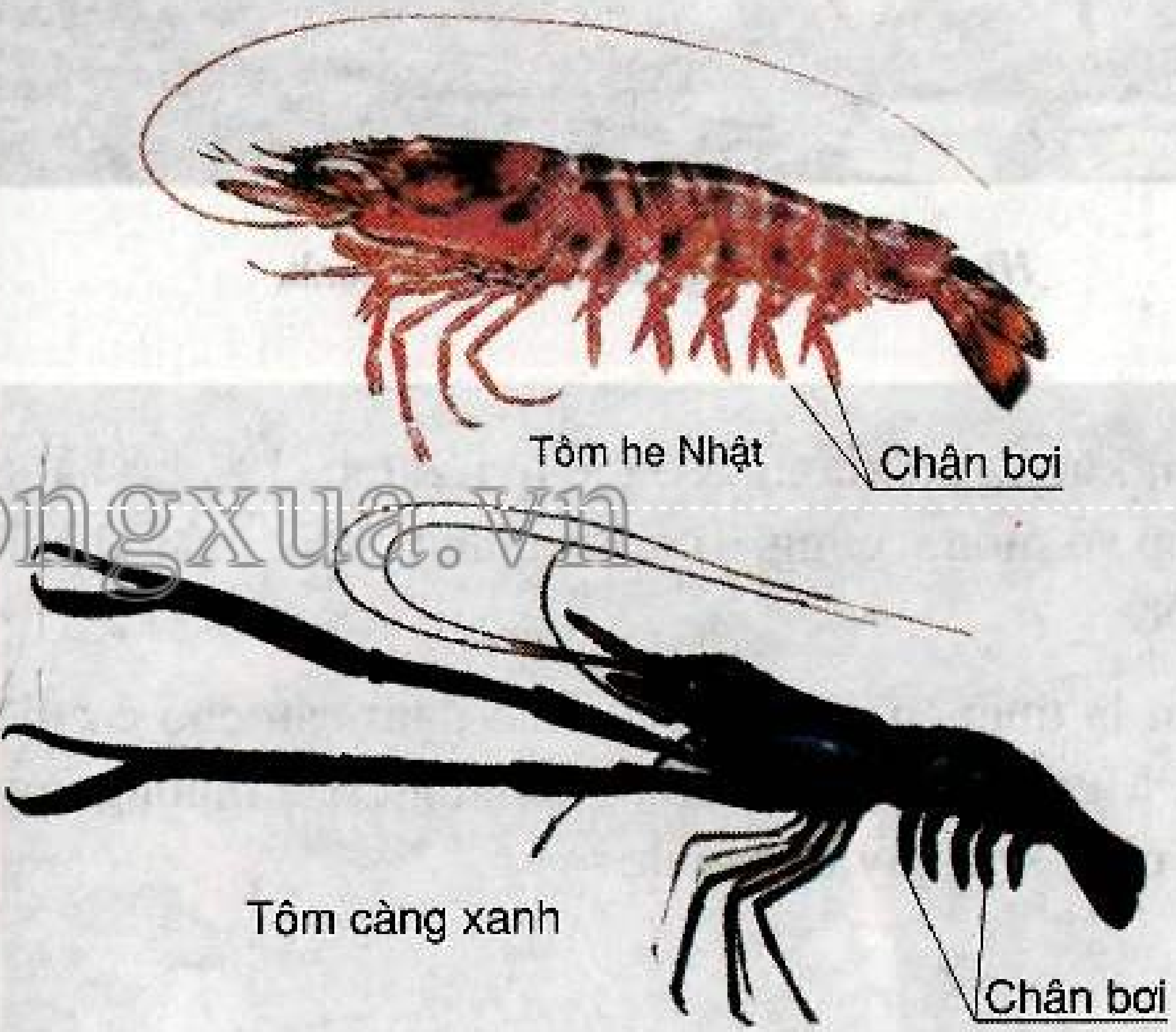

uongxua.vn

Hình 77 – Tôm biển (trên);
Tôm đồng (dưới).

Hình 78 – Xưởng làm tôm đông lạnh.

Tôm không có xương, cơ thể tôm được che chở bằng một lớp vỏ mỏng, cứng. Tôm có nhiều chân, phân thành các đốt.

Tôm là thức ăn chứa nhiều chất đạm cần cho cơ thể người. Muốn giữ cho tôm khỏi ươn, người ta thường ướp muối, phơi khô hay ướp lạnh.

CÂU HỎI

1. Hãy chỉ đầu, mình, đuôi, chân của tôm ở hình 77.
2. Cơ thể tôm có gì đặc biệt ?
3. Tôm được dùng làm gì ? Muốn giữ tôm khỏi bị ươn ta phải làm gì ?

Bài 34. CÁ

Hình 79 – Cá thu.

Hình 80 – Xưởng làm cá đông lạnh.

uongxua.vn

Cá có xương, cơ thể thường được che chở bằng vảy (cá thu có vảy tròn và rất nhỏ ẩn dưới da nên nhìn bên ngoài thì da cá mịn).

Cá là thức ăn chứa nhiều chất đạm, gan cá thu còn được dùng để chế dầu cá.

Muốn giữ cá khỏi ươn, người ta thường ướp muối, phơi khô, ướp lạnh, đóng hộp.

CÂU HỎI

1. Kể tên những con cá em đã học ở lớp 1, những con cá đó sống ở đâu ?
2. Cá thu sống ở đâu ? Kể tên một số loài cá sống ở biển mà em biết. Sưu tầm tranh ảnh về chúng.
3. Hãy chỉ đầu, mình, đuôi và vây cá thu ở hình 79.
4. Cá được dùng làm gì ? Muốn giữ cá khỏi bị ươn, ta phải làm gì ?

thuongmaitr

Bài 35. VỊT, NGAN (VỊT XIÊM)

Hình 81 – Vịt.

uongxua.vn

Hình 82 – Ngan (vịt xiêm).

Vịt và ngan ưa sống và kiếm ăn ở đầm, ruộng nước.

Thân thể vịt và ngan được bao phủ bởi lớp lông vũ không thấm nước. Các ngón chân của chúng có màng nối liền nhau như mái chèo, thích hợp với việc bơi lội. Mỏ chúng có răng cưa thích hợp với việc kiếm ăn dưới nước. Khi chúng ăn, nước chảy ra, thức ăn được giữ lại.

Vịt, ngan được nuôi để lấy thịt và trứng.

CÂU HỎI

1. Vịt và ngan ưa sống ở đâu ?
2. Cơ thể vịt và ngan có gì đặc biệt thích hợp với việc sống và kiếm ăn ở dưới nước ?
3. Người ta nuôi vịt và ngan để làm gì ?

thuongmaitr

Bài 36. CHIM BỒ CÂU

Hình 83 – Chim bồ câu.

truongxua.vn

Toàn thân chim bồ câu được bao phủ bởi lớp lông vũ không thấm nước. Nó bay, lượn bằng cánh, đi bằng hai chân.

Ở Việt Nam, chim bồ câu được nuôi để ăn thịt hoặc làm cảnh. Chim bồ câu trắng còn được thế giới lấy làm biểu tượng cho hòa bình, hữu nghị, hạnh phúc.

CÂU HỎI

1. Hãy chỉ đầu, mình, chân, cánh của chim bồ câu ở hình 83.
2. Nêu những điểm giống nhau và khác nhau giữa chim bồ câu với vịt, ngan.
3. Người ta nuôi chim bồ câu để làm gì ?

Bài 37. LỢN (HEO)

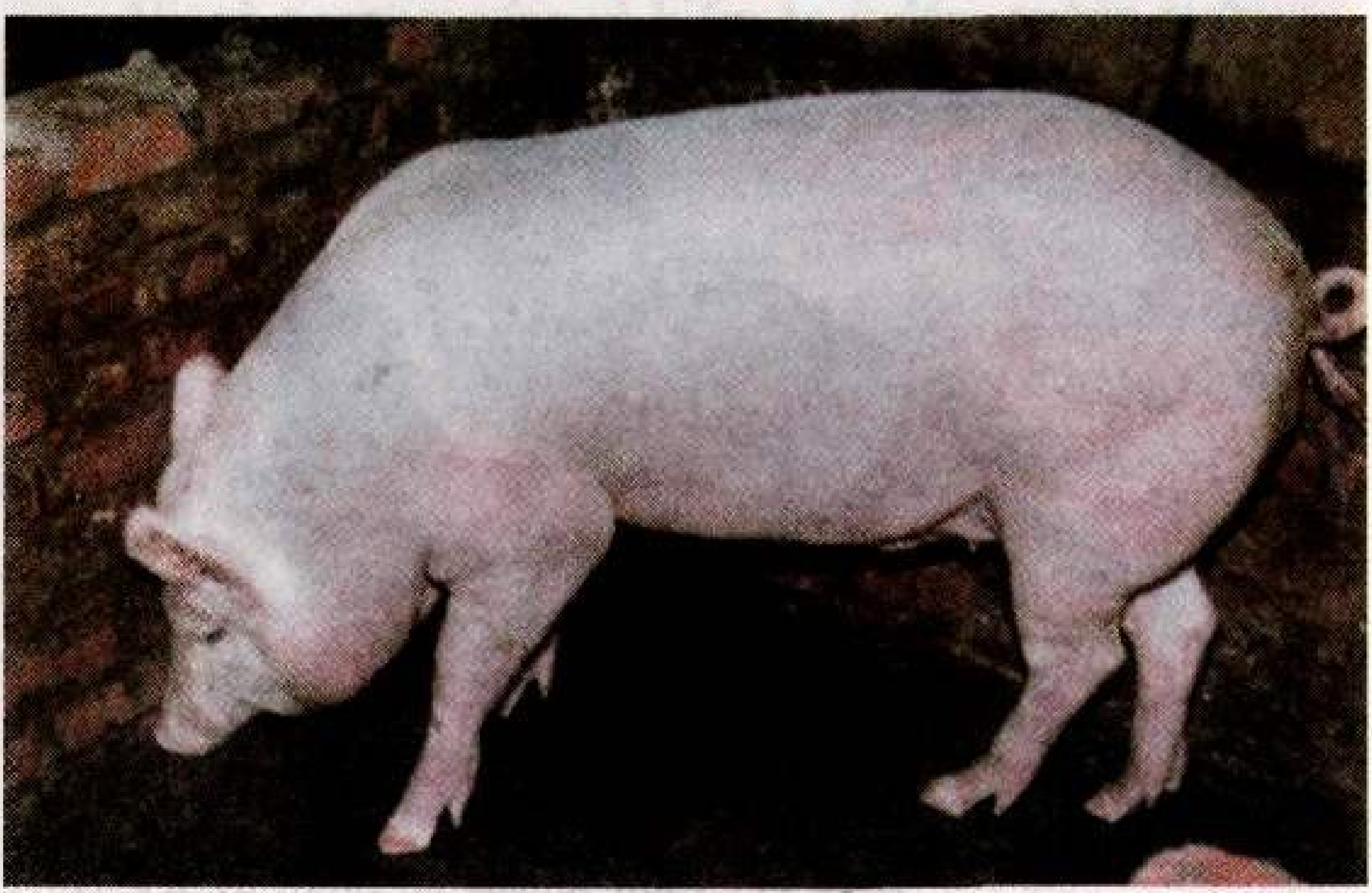

Hình 84 – Con lợn (con heo).

thuongmaitr

Toàn thân lợn được bao phủ bởi lớp lông mao màu đen hoặc trắng. Lợn có đặc điểm : mắt kém, tai thính, mũi tinh, mõm dài. Lợn ăn tạp, đẻ nhiều con một lứa ; một năm có thể đẻ hai lứa.

Lợn là vật nuôi chính của nước ta, cung cấp thức ăn giàu chất đạm, chất béo cho con người. Phân lợn còn được dùng để bón ruộng.

CÂU HỎI

1. Nêu một số đặc điểm chung của lợn.
2. Nuôi lợn có ích gì ?

Bài 38. TRÂU

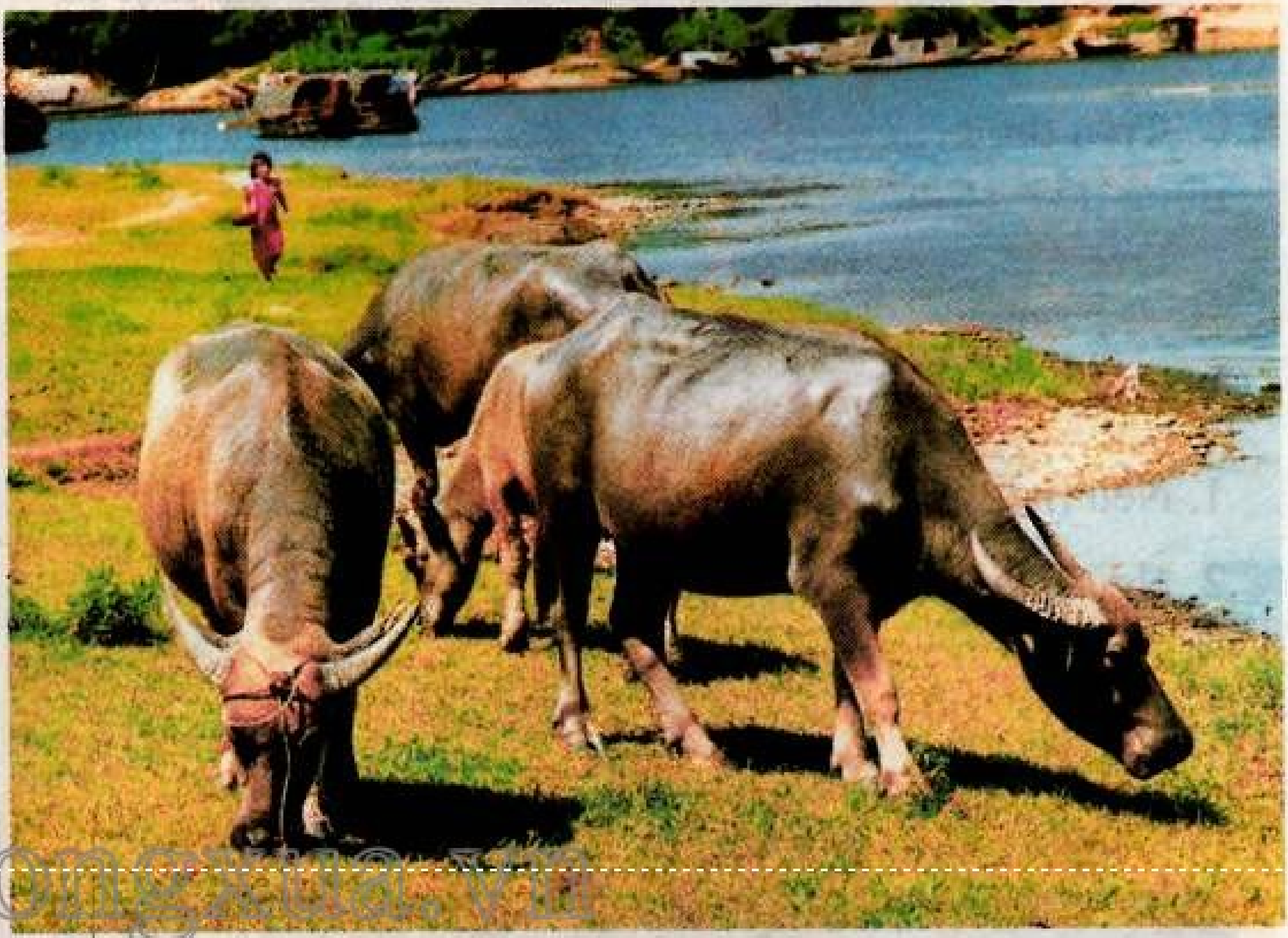

uongxua.vn

Hình 85 – Trâu đen.

Hình 86 – Trâu trắng và nghé.

Trâu có lông mao màu xám, đen hoặc trắng, có sừng hình lưỡi liềm ; thân hình vạm vỡ. Trâu ăn cỏ và một số lá cây. Mỗi lứa, trâu thường chỉ đẻ một con.

Trâu được dùng để kéo cày, kéo xe... Phân trâu được dùng để bón ruộng.

CÂU HỎI

1. Nêu một số đặc điểm chung của trâu.
2. Người ta nuôi trâu để làm gì ?

Bài 39. BÒ

thuongmait

Hình 87 – Bò sữa.

Hình 88 – Bò cày và bê.

Bò có lông mao màu vàng nhạt, vàng đậm, xám... ; có sừng ; vai u, chân cao. Bò ăn cỏ và một số lá cây. Mỗi lứa, bò thường chỉ đẻ một con.

Bò được dùng để kéo cày, kéo xe hay nuôi để lấy thịt, lấy sữa. Thịt bò, sữa bò và các sản phẩm của sữa như bơ và pho-mát là những thức ăn ngon và bổ. Phân bò dùng để bón ruộng.

CÂU HỎI

1. Quan sát từ hình 85 đến hình 88 để tìm ra những đặc điểm giống nhau và khác nhau giữa trâu và bò.
2. Nuôi bò có ích gì ?

Bài 40. DÊ

Hình 89 – Đàn dê.

Dê có lông mao bao phủ, tùy từng giống dê mà lông có màu sắc khác nhau. Dê có sừng, cằm có túm lông dài giống râu ; đẻ nhiều ; ăn nhiều và ăn đủ loại cỏ, lá cây khác nhau. Nếu để đàn dê phát triển tự nhiên, lâu dài sẽ gây hậu quả phá hủy rừng cây.

Hiện nay dê được nuôi để lấy thịt, da và sữa.

CÂU HỎI

1. Nêu một số đặc điểm của dê.
2. Tại sao có thể nói : dê vừa có lợi, vừa có hại ? Làm thế nào để khống chế mặt có hại của dê ?

Bài 41. HƯƠU SAO

uongxua.vn

Hình 90 – Hươu sao.

Hươu sao có lông mao màu vàng tươi, xen nhiều đốm trắng ; sống ở rừng, nơi có nhiều bụi cây, cỏ và gần suối. Hươu sao ăn cỏ, quả, lá cây rừng ; thường đẻ một con ; con đực có sừng phân nhánh.

Nhung hươu sao để làm thuốc bổ, sữa hươu cũng rất bổ. Hươu sao là loài thú quý hiếm, cần được bảo vệ.

Hiện nay, ở Nghệ An, Hà Tĩnh đã gây, nuôi giống này có kết quả.

CÂU HỎI

1. Hươu sao có đặc điểm gì ? Nó ưa sống ở đâu ?
2. Ở nước ta, tỉnh nào đã bắt đầu nuôi hươu ?
3. Hươu sao có ích lợi gì ? Tại sao phải có biện pháp bảo vệ hươu sao ?

Bài 42 – 43. ÔN TẬP

ĐỘNG VẬT

thuongmaitr

1. Hãy kể tên các con vật có những đặc điểm sau :

– Thân được che chở bằng vỏ cứng, có nhiều chân ; sống dưới nước.

– Có xương, có vảy, có vây ; sống dưới nước.

– Có lông vũ bao phủ ; ưa sống và kiếm ăn dưới nước.

– Có lông vũ bao phủ ; thích bay lượn trên không.

– Có lông mao, mắt kém, tai thính, mũi tinh, mõm dài ; ăn tạp, đẻ nhiều.

– Có lông mao, thân hình vạm vỡ, sừng cong về phía sau, hình lưỡi liềm.

– Có sừng, vai u, chân cao ; vừa được nuôi để kéo xe, kéo cày, vừa được nuôi để lấy thịt và sữa.

– Là loài thú nhỏ, có sừng ; vừa là con vật có ích, vừa có hại đối với môi trường nếu để phát triển tự do.

– Là loài thú nhỏ, con đực có sừng ; được xếp vào loài thú quý hiếm, cần được bảo vệ.

2. Những con vật em đã học có đặc điểm gì chung ?

Các con vật thường khác nhau về hình dạng, kích thước, nhưng chúng đều có đặc điểm chung là cơ thể được chia làm ba phần : đầu, mình và cơ quan di chuyển (chân, vây, cánh, đuôi).

uongxua.vn

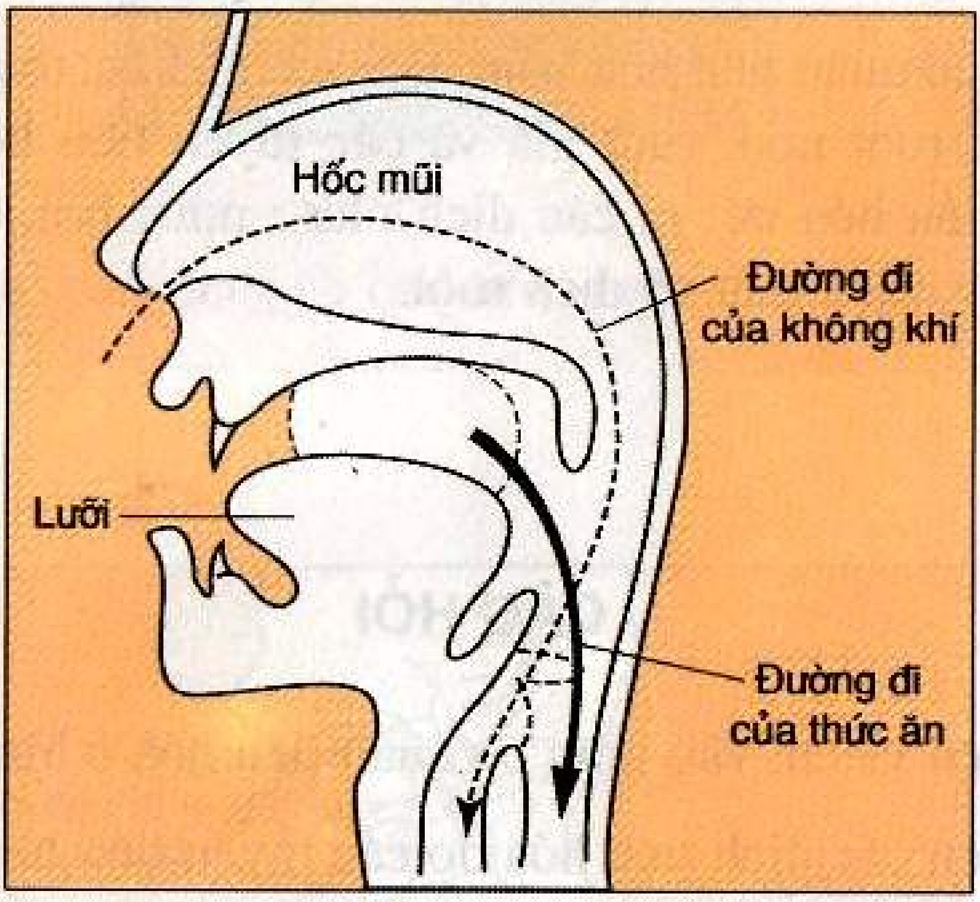

Hình 92 – Sơ đồ đường đi của thức ăn từ miệng qua hầu xuống thực quản.

thuongmaitr

Nhờ sự hoạt động của các cơ quan tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa, khi vào đến ruột non, thức ăn đã được phân thành hai phần : những chất bổ được thấm qua ruột non vào máu đi nuôi cơ thể ; các chất bã còn lại được đưa xuống ruột già, tạo thành phân rồi được đưa ra ngoài.

Ta nên ăn chậm, nhai kĩ để giúp các cơ quan tiêu hóa làm việc được tốt.

CÂU HỎI

1. Thức ăn qua khoang miệng được biến đổi như thế nào ?

2. Sau khi được nhai nhỏ, nghiền nát và được các dịch tiêu hóa tác dụng, thức ăn được phân thành mấy phần ? Chất bổ được đưa đi đâu, chất bã được đưa đi đâu ?

3. Em phải ăn uống như thế nào để giúp các cơ quan tiêu hóa làm việc tốt ?

Bài 46. MÁU VÀ CÁC CƠ QUAN TUẦN HOÀN

1. Máu

ruongxua.vn

Máu là một chất lỏng, màu đỏ. Gồm có huyết tương và huyết cầu.

a) Huyết tương

Huyết tương chứa các chất bổ đưa tới các cơ quan đồng thời nhận lại các chất do hoạt động sống của các cơ quan thải ra.

b) Huyết cầu

Có nhiều loại huyết cầu, mỗi loại làm một nhiệm vụ khác nhau.

Ví dụ :
- Huyết cầu đỏ : mang ô–xi nuôi cơ thể.
- Huyết cầu trắng : tiêu diệt vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể...
- ...

Hình 93 – Huyết cầu đỏ (phóng to).

thuongmait

2. Các cơ quan tuần hoàn

Các cơ quan tuần hoàn gồm có tim và các mạch máu.

a) Tim : luôn đập để bơm máu đi khắp cơ thể.

b) Các mạch máu

- Động mạch : đem máu từ tim đi khắp cơ thể.
- Tĩnh mạch : đem máu từ cơ thể về tim.
- Mao mạch : nối động mạch với tĩnh mạch.

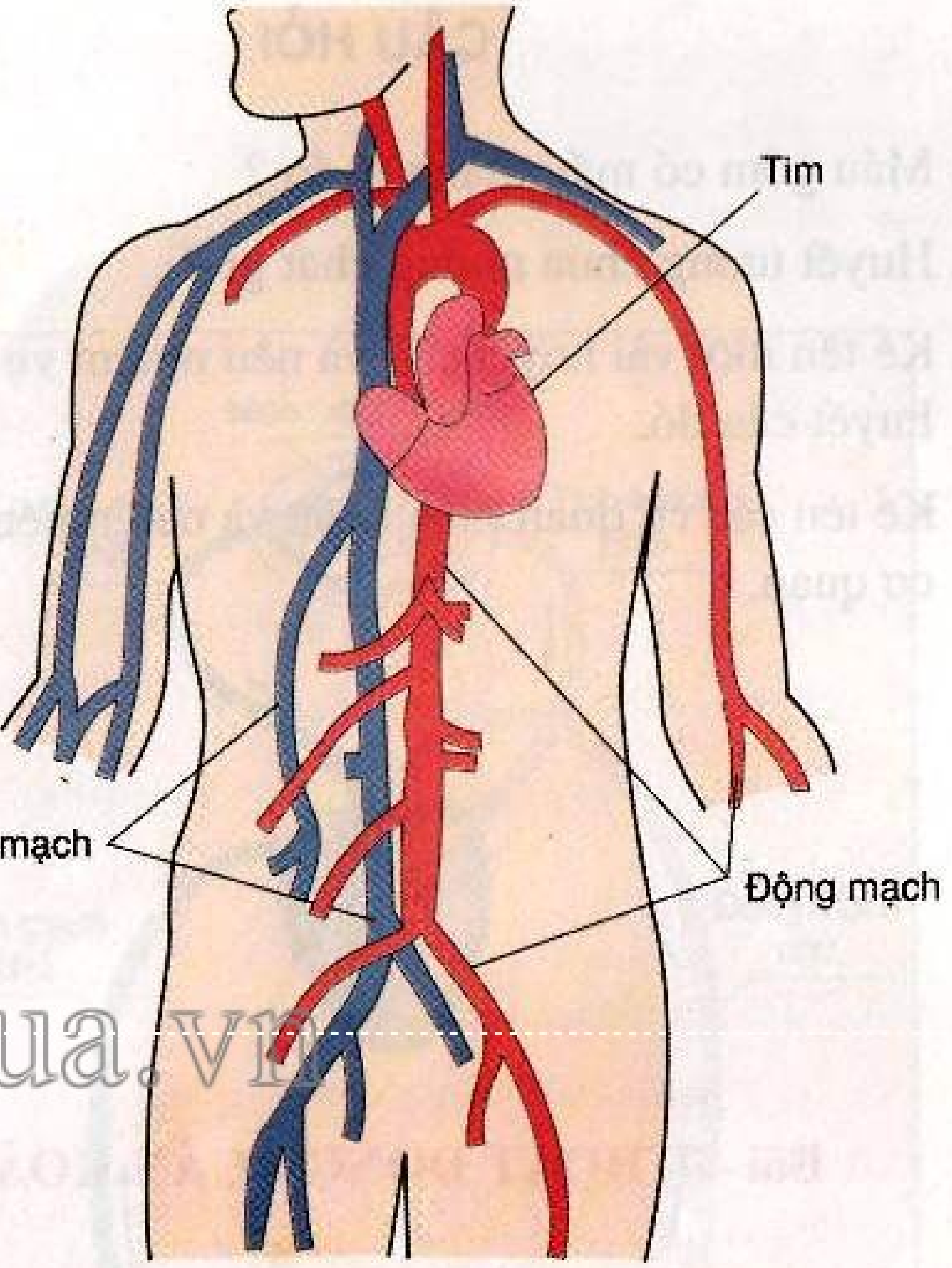

Hình 94 – Sơ đồ các cơ quan tuần hoàn.

ruongxua.vn

Máu là một chất lỏng, màu đỏ, gồm có huyết tương và huyết cầu. Các cơ quan tuần hoàn gồm có tim, động mạch, tĩnh mạch và mao mạch. Nhờ có tim và các mạch máu mà máu không ngừng lưu thông trong cơ thể.

CÂU HỎI

1. Máu gồm có mấy thành phần ?
2. Huyết tương chứa những chất gì ?
3. Kể tên một vài huyết cầu và nêu nhiệm vụ của từng loại huyết cầu đó.
4. Kể tên các cơ quan tuần hoàn và nêu nhiệm vụ của từng cơ quan.

thuongmaitr

Bài 47. HOẠT ĐỘNG TUẦN HOÀN

Thực hành

a) Áp tai (hoặc dùng ống nghe) vào ngực bạn để nghe tim đập và đếm nhịp đập của tim trong một phút.

b) Đặt mấy đầu ngón tay lên cổ tay mình hoặc bạn (phía dưới ngón cái) đếm nhịp mạch đập trong một phút.

c) Em hãy chỉ đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ ở hình 95.

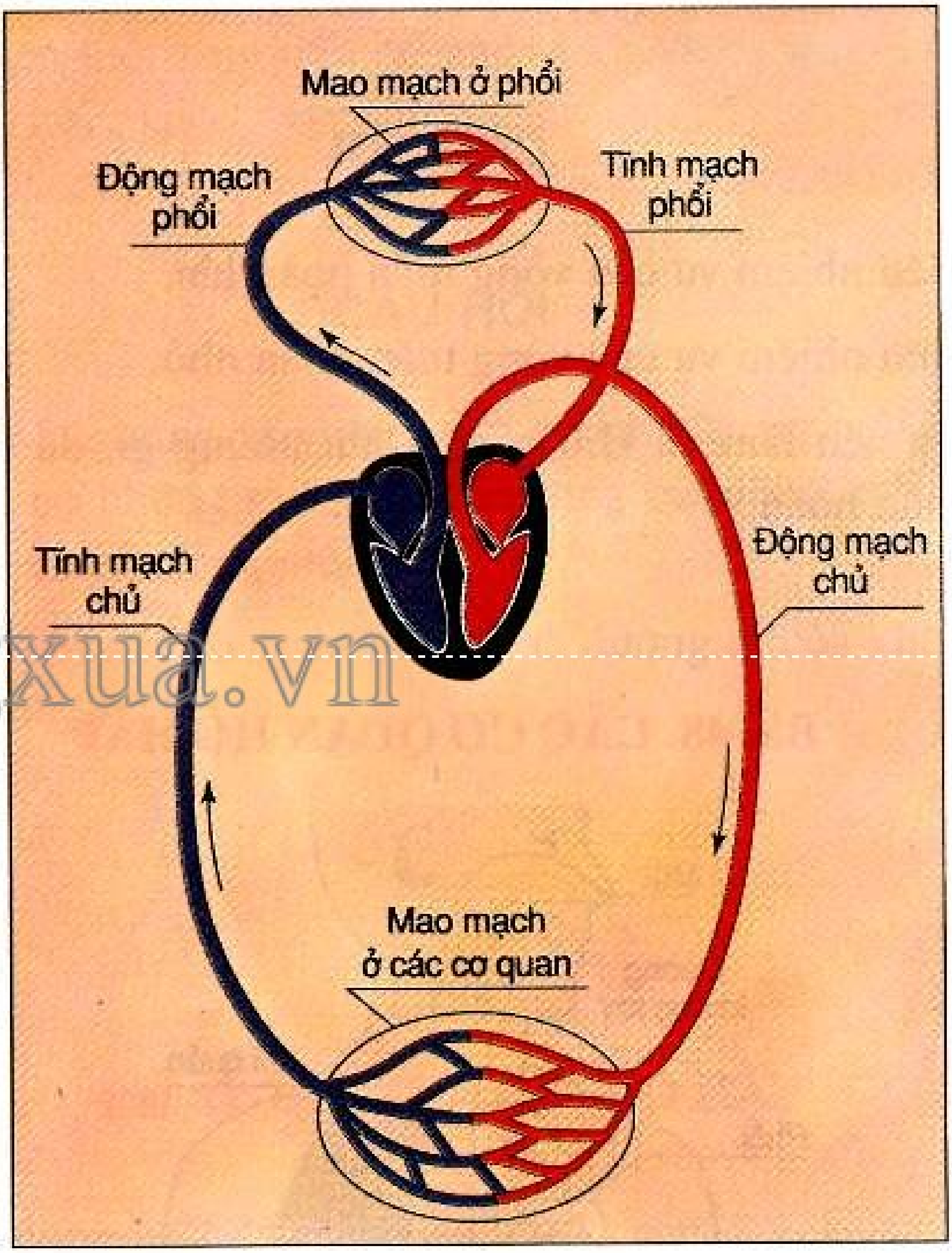

Hình 95 – Sơ đồ vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ.

ruongxua.vn

Tim luôn co bóp đẩy máu vào hai vòng tuần hoàn. Vòng tuần hoàn lớn : đưa máu từ tim đi nuôi các cơ quan và trở về tim. Vòng tuần hoàn nhỏ : đưa máu từ tim đến phổi lấy ô-xi, thải ra khí các-bô-níc và trở về tim.

CÂU HỎI

1. Nêu nhiệm vụ của vòng tuần hoàn lớn.
2. Nêu nhiệm vụ của vòng tuần hoàn nhỏ.
3. Ta nên làm và không nên làm những gì, để bảo vệ hệ tuần hoàn ?

thuongmaitr

Bài 48. CÁC CƠ QUAN HÔ HẤP

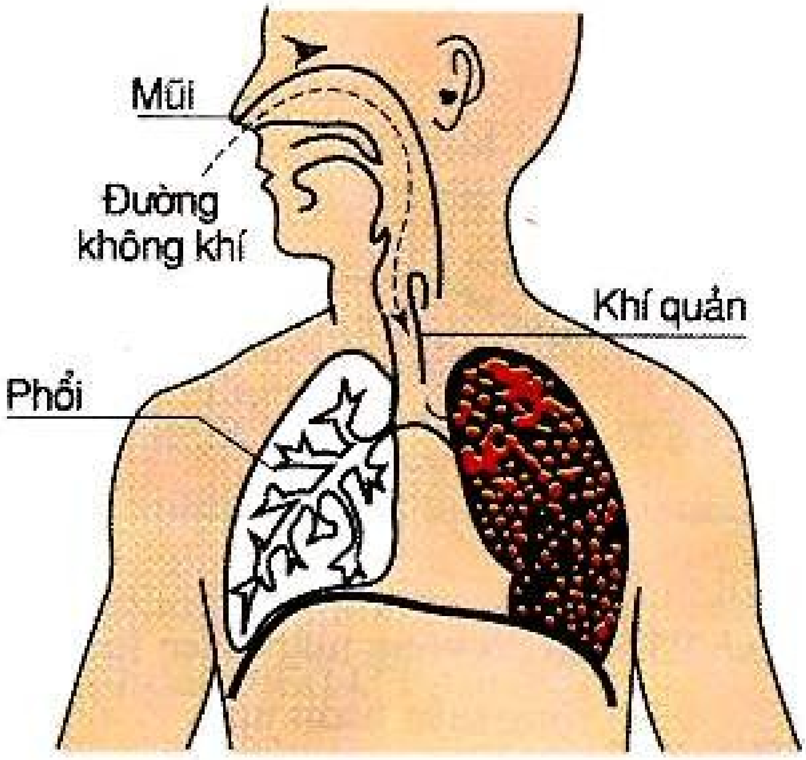

Hình 96 – Sơ đồ các cơ quan hô hấp.

Các cơ quan hô hấp gồm : mũi, hầu, khí quản và hai lá phổi.

Nhờ có các cơ quan hô hấp mà cơ thể trao đổi được khí với môi trường bên ngoài.

Ta nên thở bằng mũi để không khí được sưởi ấm và cản bớt bụi ; không nên thở bằng miệng.

CÂU HỎI

1. Khi soi gương, hãy thử quan sát phía trong mũi của em xem có những gì ? Nêu tác dụng của lông mũi và các mạch máu trong mũi.
2. Hãy chỉ các cơ quan hô hấp và đường đi của không khí ở hình 96.

uongxua.vn

Bài 49. HOẠT ĐỘNG HÔ HẤP

1. Cử động hô hấp

Khi ta thở, ngực phồng lên, xẹp xuống đều đặn, đó là cử động hô hấp. Cử động này do bắp thịt ở ngực co giãn tạo thành hai động tác : hít vào và thở ra.

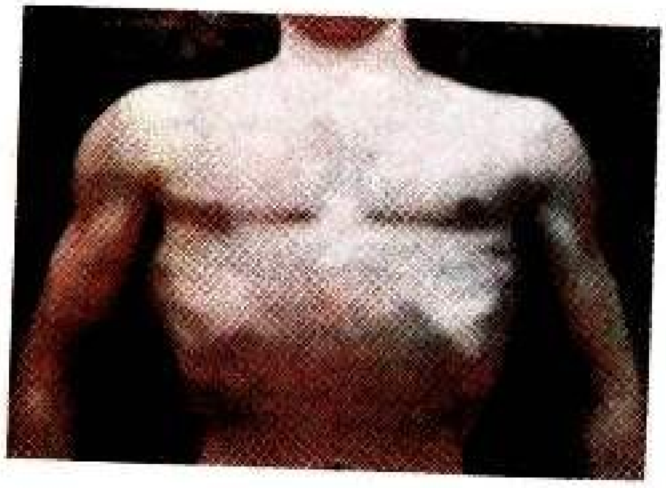

Hình 97 – Lồng ngực nở to khi hít vào thật sâu.

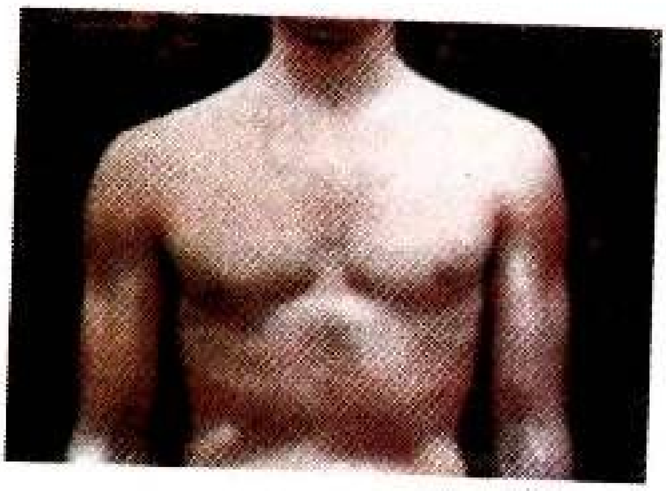

Hình 98 – Lồng ngực xẹp xuống khi thở ra hết sức.

2. Sự trao đổi khí ở phổi

- Khi ta hít vào, không khí vào những túi con trong phổi, khí ô–xi thấm vào các mao mạch và kết hợp với các huyết cầu đỏ của máu. Đồng thời khí các–bô–níc trong máu vào túi phổi để ra ngoài lúc ta thở ra.
- Kết quả là máu đỏ thẫm biến thành máu đỏ tươi, máu này theo tĩnh mạch phổi trở về nửa phía trái của tim để phân phối khắp cơ thể. (Người ta ví các huyết cầu đỏ như những "chiếc xe" vận chuyển ô–xi thu được ở phổi đi khắp cơ thể).

thuongmaitr

Hình 99 – a) Máu chứa nhiều khí các-bô-níc ;
b) Máu chứa nhiều ô-xi.

Hoạt động hô hấp là hít không khí vào phổi cho khí ô-xi vào máu và thở ra khí các-bô-níc và hơi nước ; biến máu đỏ thẫm thành máu đỏ tươi.

Ta cần thở không khí trong lành và tập thể dục cho phổi nở nang.

CÂU HỎI

1. Hãy tập thở sâu và nhận xét sự thay đổi của lồng ngực khi hít vào và thở ra.
2. Nêu kết quả của sự trao đổi khí ở phổi.
3. Ta phải làm gì để phổi nở nang và không bị các bệnh về đường hô hấp ?

Bài 50. CÁC CƠ QUAN BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU. HOẠT ĐỘNG BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

thuongmaitr

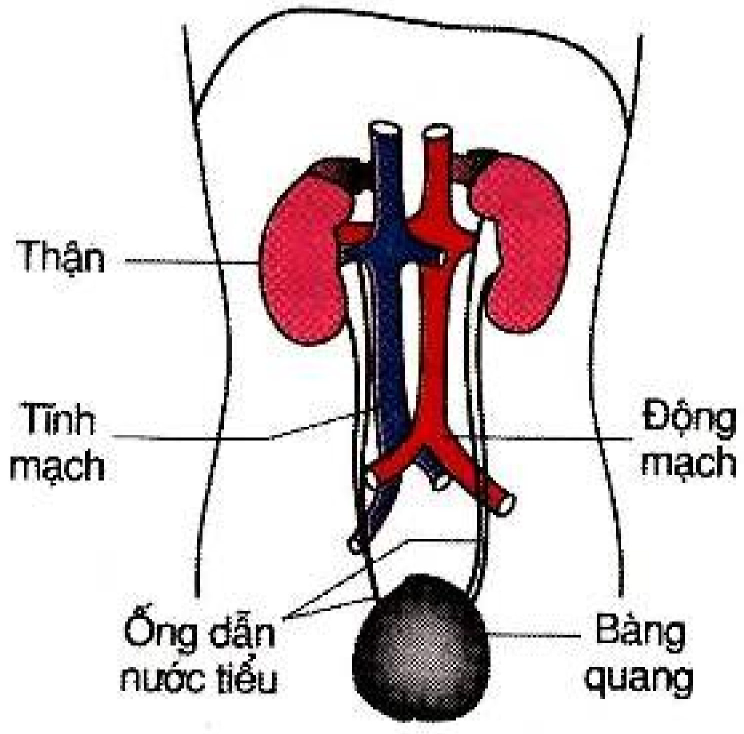

Hình 100 – Sơ đồ các cơ quan bài tiết nước tiểu.

– Các cơ quan bài tiết nước tiểu gồm có :

a) Hai quả thận : làm nhiệm vụ lọc máu, lấy ra những chất thải, thừa (do hoạt động của các cơ quan tiết ra) tạo thành nước tiểu.

Nước tiểu màu vàng nhạt, chứa u-rê và các muối u-rát...

b) Hai ống dẫn nước tiểu : làm nhiệm vụ dẫn nước tiểu từ thận xuống bàng quang.

c) Bàng quang (bóng đái) : nơi trữ nước tiểu để đợi thải ra ngoài.

– Mỗi ngày người ta thải ra chừng một lít đến một lít rưỡi nước tiểu.

Các cơ quan bài tiết nước tiểu gồm hai quả thận, hai ống dẫn nước tiểu và bàng quang.

Thận lọc máu lấy nước tiểu, đưa xuống bàng quang để đợi thải ra ngoài.

Hằng ngày cơ thể cần được cung cấp đủ nước và phải đi tiểu đều đặn để tránh nhiều bệnh trong đó có bệnh sỏi thận.

ruongxua.vn

CÂU HỎI

1. Kể tên các cơ quan bài tiết nước tiểu.
2. Nêu thành phần của nước tiểu.
3. Khi thận mất khả năng lọc máu, máu sẽ chứa những chất gì và gây ảnh hưởng đến sức khỏe như thế nào ?
4. Làm thế nào để giúp các cơ quan bài tiết hoạt động tốt ?

Bài 51 – 52. ÔN TẬP

CƠ THỂ NGƯỜI

1. Kể tên các cơ quan trong cơ thể người mà em đã học.
2. Nêu nhiệm vụ của từng cơ quan kể trên.
3. Làm thế nào để giữ gìn, bảo vệ các cơ quan đó ?

thuongmaitr

7. MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT

Bài 53. MẶT TRỜI LÀ NGUỒN SÁNG VÀ NGUỒN NHIỆT

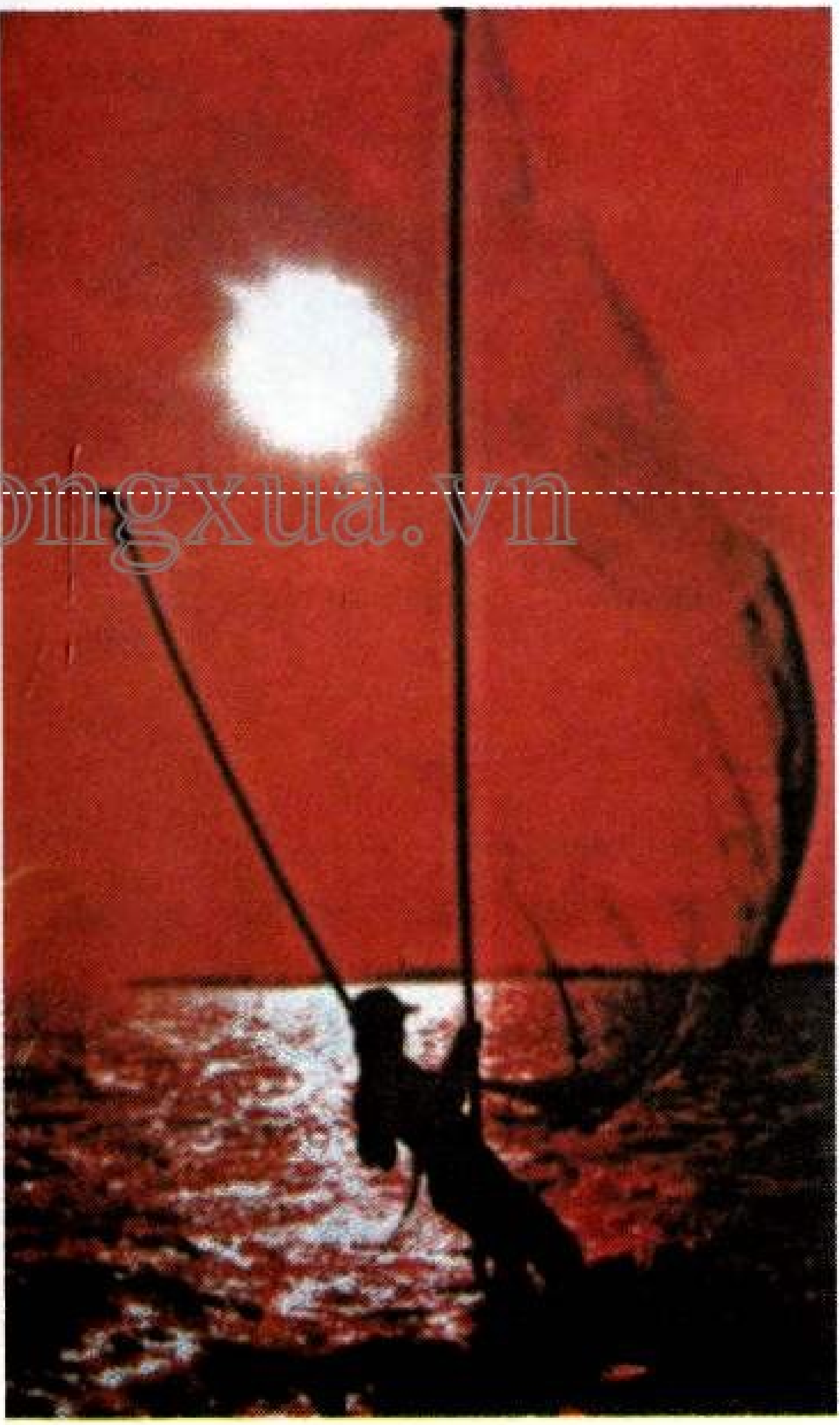

Hình 101 – Mặt Trời phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.

truongxua.vn

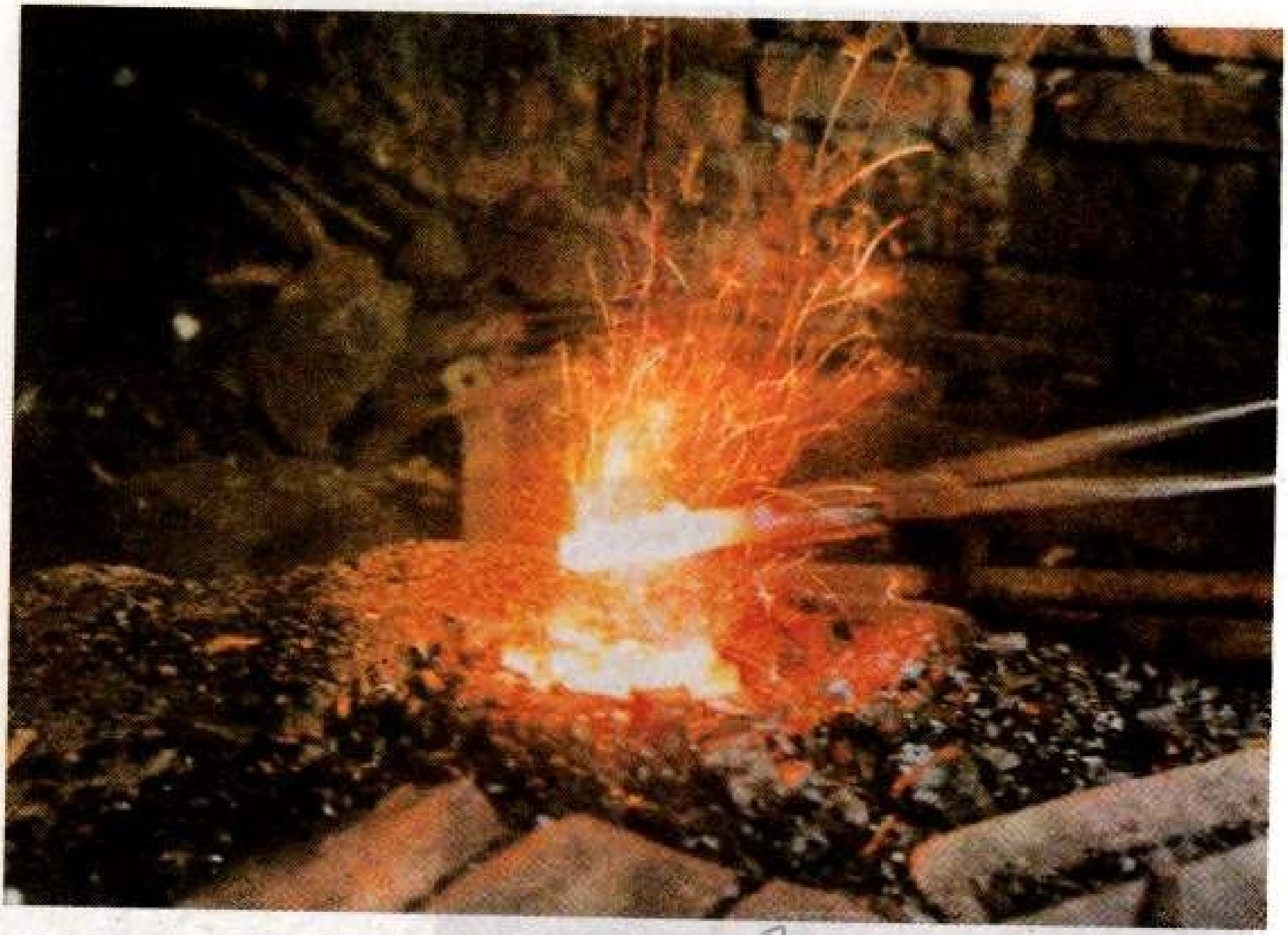

Hình 102 – Than bị đốt cháy, thanh thép bị nung nóng đỏ, đều là những vật phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.

thuongmaitr

Những vật phát ra ánh sáng, chiếu sáng các vật khác được gọi là *nguồn sáng*.

Những vật tỏa nhiệt, làm nóng các vật khác được gọi là *nguồn nhiệt*.

Mặt Trời là một khối khổng lồ phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.

Mặt Trời là nguồn sáng và nguồn nhiệt quan trọng nhất của Trái Đất.

CÂU HỎI

1. Hãy kể tên ba vật có thể phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.
2. Kể tên một vài vật dùng trong cuộc sống hằng ngày có thể tỏa nhiệt, làm nóng các vật xung quanh nhưng không phát ra ánh sáng.
3. Mặt Trời cung cấp những gì cần cho Trái Đất ?

Bài 54. MẶT TRỜI CHIẾU SÁNG VÀ LÀM NÓNG CÁC VẬT

Hình 103 – Nhờ Mặt Trời chiếu sáng, ta nhìn rõ cảnh vật ngoài trời.

uongxua.vn

Hình 104 – Hạt cà phê được phơi nắng cho khô.

Hình 105 – Đồng lúa và cây cỏ xanh tốt
nhờ ánh nắng Mặt Trời.

– Mặt Trời chiếu sáng và tỏa nhiệt làm cho cây cỏ xanh tươi, người và động vật khỏe mạnh.

– Mặt Trời chiếu sáng giúp ta nhìn rõ mọi vật xung quanh, nhờ đó có thể dễ dàng đi lại, làm việc, học tập, vui chơi.

– Mặt Trời rất cần cho cuộc sống.

CÂU HỎI

1. Nêu ví dụ chứng tỏ ánh sáng và nhiệt của Mặt Trời rất cần cho cuộc sống.
2. Điều gì sẽ xảy ra đối với người, động vật, cây cỏ ở những nơi nắng nhiều, kéo dài và ít mưa hoặc không có mưa ?

ruongxua.vn

Bài 55. TRÁI ĐẤT CÓ DẠNG KHỐI CẦU. TRÁI ĐẤT CHUYỂN ĐỘNG

1. Trái Đất có dạng khối cầu

Hình 106
Ảnh chụp Trái Đất từ tàu vũ trụ.

2. Trái Đất không ngừng chuyển động

a) Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời

Trái Đất không lúc nào đứng yên mà luôn chuyển động quanh Mặt Trời.

- Trò chơi : "Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời" :

+ Bạn A đóng vai Mặt Trời đứng yên.

+ Bạn B đóng vai Trái Đất, đi xung quanh bạn A theo chiều mũi tên, biểu hiện "Trái Đất" chuyển động quanh "Mặt Trời" (Xem hình 107).

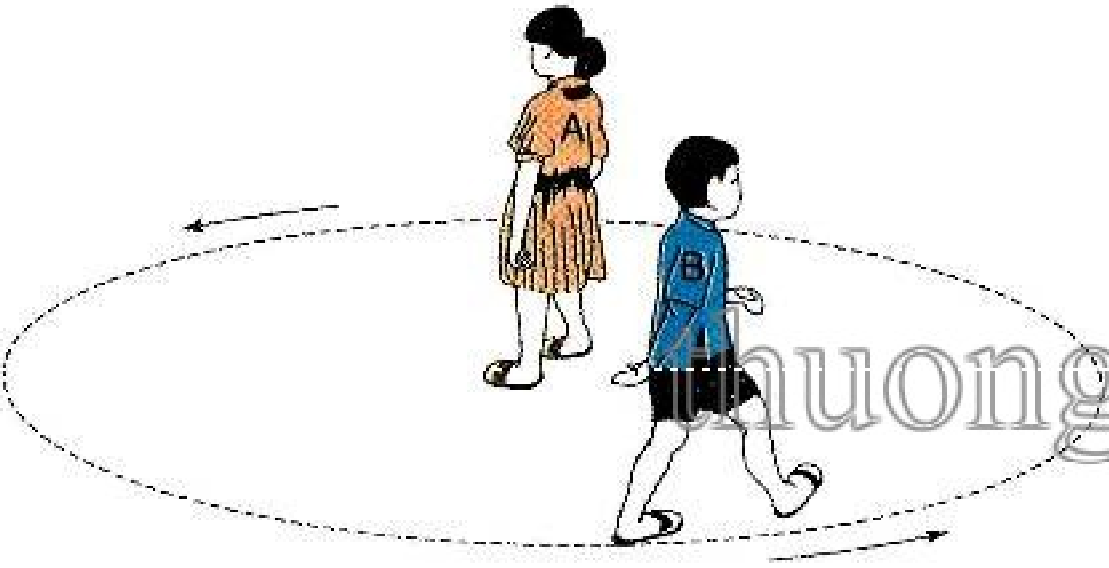

Hình 107 – Trò chơi "Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời".

b) Trái Đất tự quay quanh mình nó

Trái Đất không những chuyển động quanh Mặt Trời mà còn tự quay quanh mình nó.

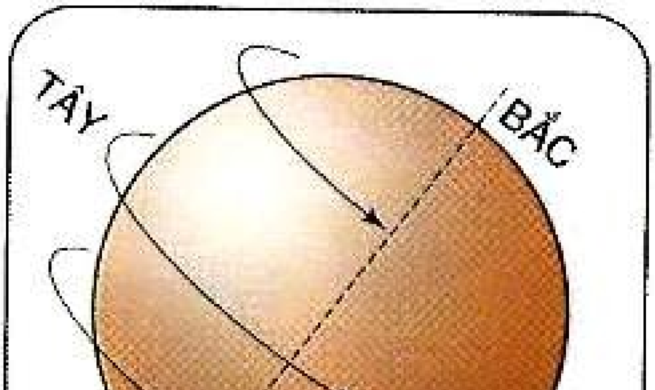

Hình 108 – Sơ đồ Trái Đất quay quanh mình nó theo chiều mũi tên.

- *Trò chơi :* "Trái Đất quay quanh mình nó, đồng thời chuyển động quanh Mặt Trời" :

+ Bạn B vừa quay quanh mình, vừa đi quanh bạn A theo chiều mũi tên (xem hình 109).

Hình 109 – Trò chơi "Trái Đất quay quanh mình nó, đồng thời chuyển động quanh Mặt Trời".

truongxua.vn

Trái Đất có dạng khối cầu.

Trái Đất luôn luôn vừa quay quanh mình nó, vừa chuyển động quanh Mặt Trời.

CÂU HỎI

1. Trái Đất có dạng gì ?
2. Em hãy đóng vai "Trái Đất" và thể hiện "Trái Đất" vừa quay quanh mình nó, vừa chuyển động quanh "Mặt Trời" theo đúng chiều quay thật của Trái Đất.

Bài 56. TRÁI ĐẤT LÀ MỘT HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI. MẶT TRĂNG LÀ VỆ TINH CỦA TRÁI ĐẤT

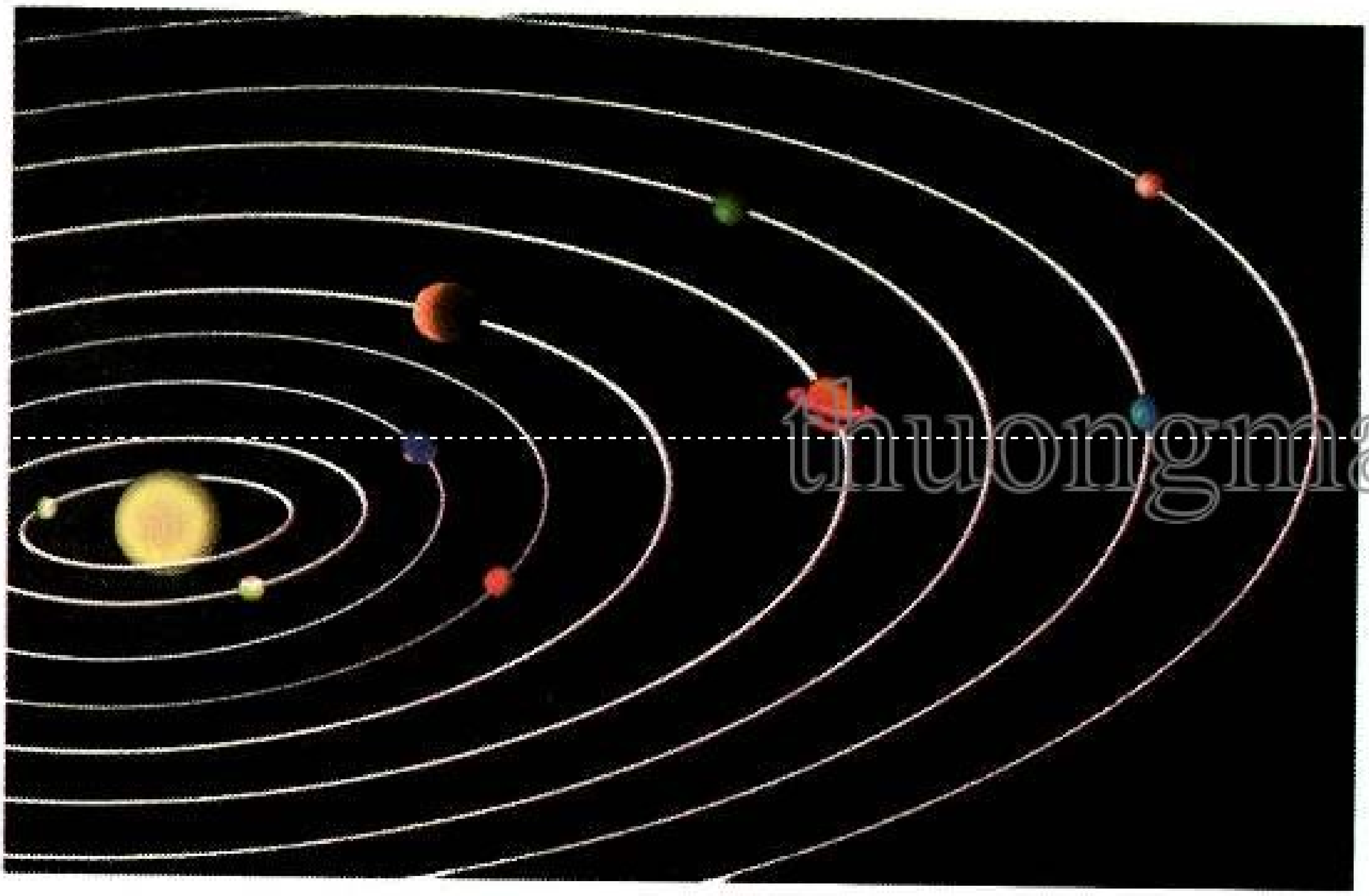

Hình 110 – Sơ đồ các hành tinh trong hệ Mặt Trời.

Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời. Nó được gọi là *hành tinh*. Có chín hành tinh không ngừng chuyển động quanh Mặt Trời. Chúng hợp với Mặt Trời thành *Hệ Mặt Trời*. Từ Mặt Trời, ra xa dần, Trái Đất là hành tinh thứ ba.

Trong khi Trái Đất luôn luôn chuyển động quanh Mặt Trời thì Mặt Trăng luôn luôn chuyển động quanh Trái Đất. Mặt Trăng là *vệ tinh* của Trái Đất. Ngày nay, còn có những vệ tinh do con người phóng lên vũ trụ quay quanh Trái Đất. Những vệ tinh đó được gọi là *vệ tinh nhân tạo*.

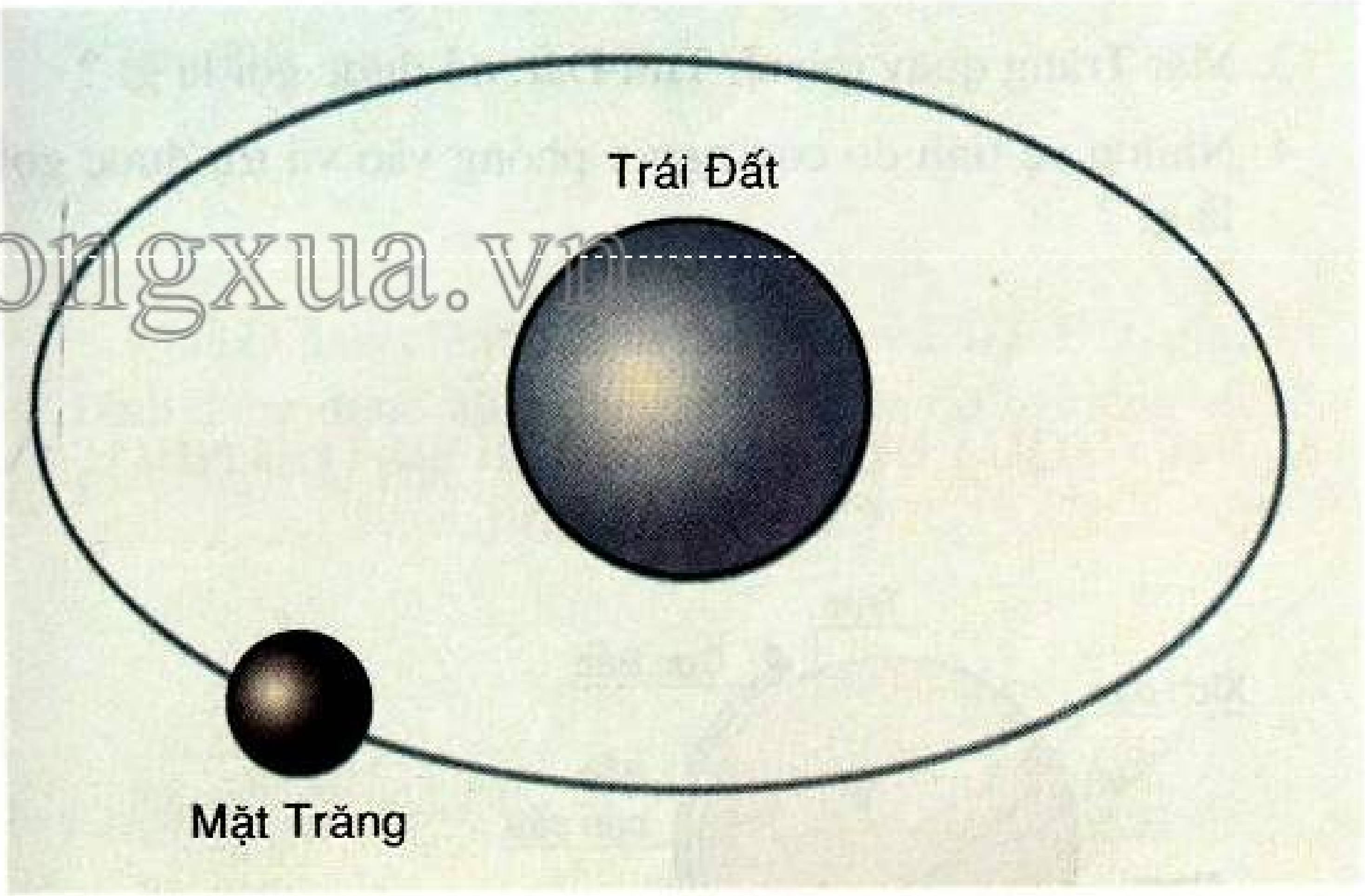

truongxua.vn

Hình 111 – Sơ đồ Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời và chín hành tinh chuyển động xung quanh nó. Trái Đất là một trong chín hành tinh của Hệ Mặt Trời.

Mặt Trăng chuyển động quanh Trái Đất, nó là vệ tinh của Trái Đất. Ngày nay, còn có những vệ tinh nhân tạo quay quanh Trái Đất.

CÂU HỎI

1. Có bao nhiêu hành tinh trong Hệ Mặt Trời ?
2. Chỉ vị trí của Trái Đất trong sơ đồ Hệ Mặt Trời.
3. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất, nó được gọi là gì ?
4. Những vệ tinh do con người phóng vào vũ trụ được gọi là gì ?

thuongmaitr

Bài 57. QUẢ ĐỊA CẦU - MÔ HÌNH THU NHỎ CỦA TRÁI ĐẤT

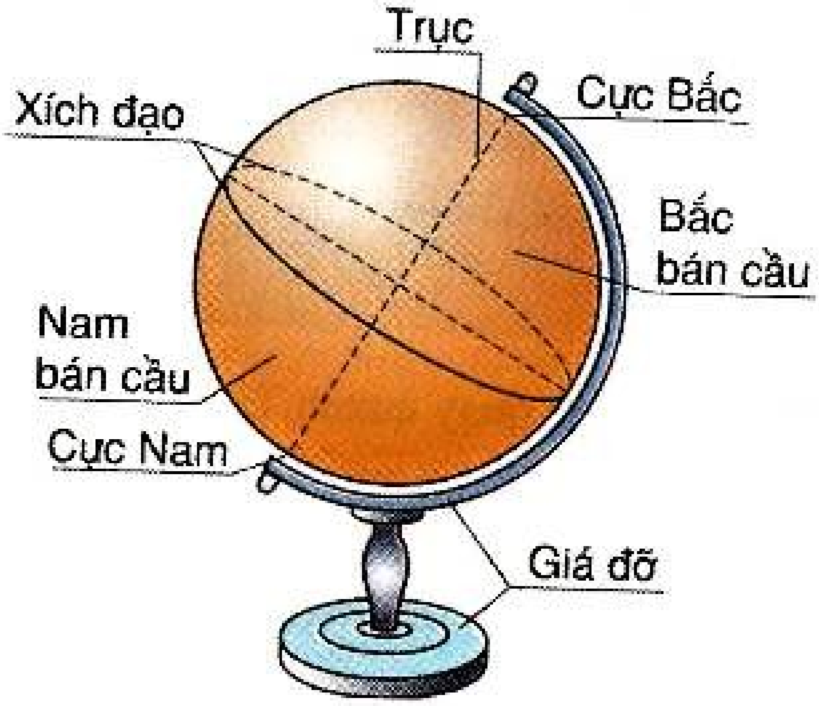

Hình 112
Sơ đồ quả Địa cầu.

– Quả Địa cầu được đặt trên một giá đỡ có trục xuyên qua. Các điểm tiếp xúc giữa trục và mặt cầu gọi là *Địa cực*, phía trên là *cực Bắc*, phía dưới là *cực Nam*.

– Đường tròn lớn nhất cách đều hai cực gọi là *xích đạo*. Xích đạo chia quả cầu thành hai phần bằng nhau : *Bắc bán cầu và Nam bán cầu*.

– Trục quả Địa cầu được làm hơi nghiêng vì trong thực tế, khi quay, Trái Đất cũng hơi nghiêng. Độ nghiêng của quả Địa cầu được làm giống độ nghiêng của Trái Đất.

Trên bề mặt của quả Địa cầu có hình vẽ mô tả bề mặt Trái Đất.

truongxua.vn

Quả Địa cầu là mô hình thu nhỏ của Trái Đất, giúp ta hình dung được hình dạng, các phần, độ nghiêng và bề mặt của Trái Đất.

CÂU HỎI

1. Quả Địa cầu được làm theo hình mẫu nào ? Quả địa cầu dùng để làm gì ?
2. Hãy chỉ vào quả Địa cầu những nơi : *cực Bắc, cực Nam, xích đạo, Bắc bán cầu, Nam bán cầu.*

Bài 58. NGÀY VÀ ĐÊM TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Thực hành biểu diễn ngày và đêm

– Dùng ngọn đèn tượng trưng cho Mặt Trời, quả Địa cầu tượng trưng cho Trái Đất (ngọn đèn và quả Địa cầu được đặt trong phòng đã che tối).

– Khi ngọn đèn được bật sáng, chỉ có khoảng một nửa bề mặt quả Địa cầu được chiếu sáng, nửa còn lại bị tối (hình 113).

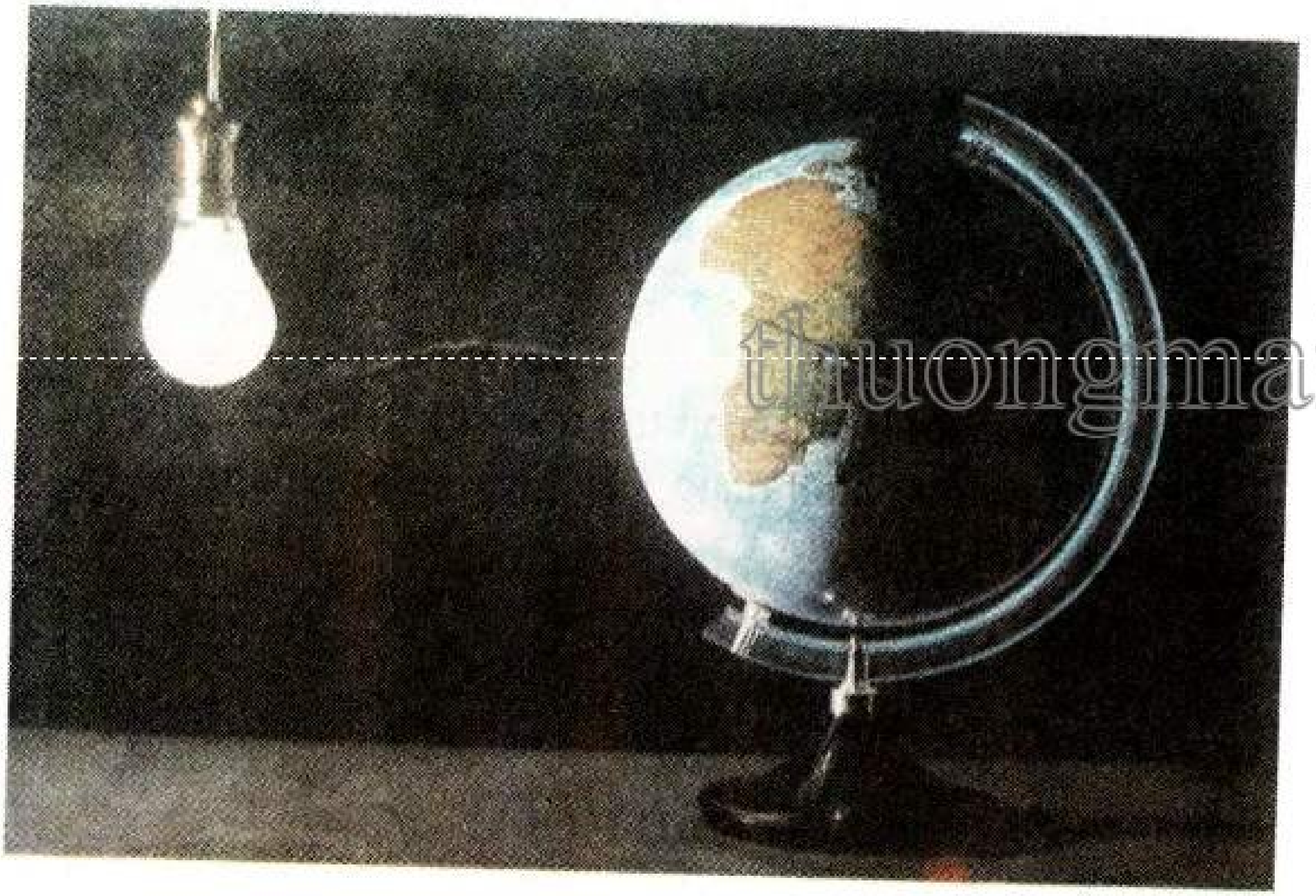

Hình 113 – Thực hành biểu diễn ngày và đêm.

thuongmaitr

– Em đứng trước quả Địa cầu, quay cho nó chuyển động từ trái sang phải (theo hướng quay của Trái Đất). Các phần của quả Địa cầu đều lần lượt được chiếu sáng một thời gian rồi bị tối một thời gian.

– Hiện tượng *ngày* và *đêm* trên Trái Đất kế tiếp nhau cũng tương tự như thí nghiệm em vừa làm.

2. Ngày và đêm trên Trái Đất

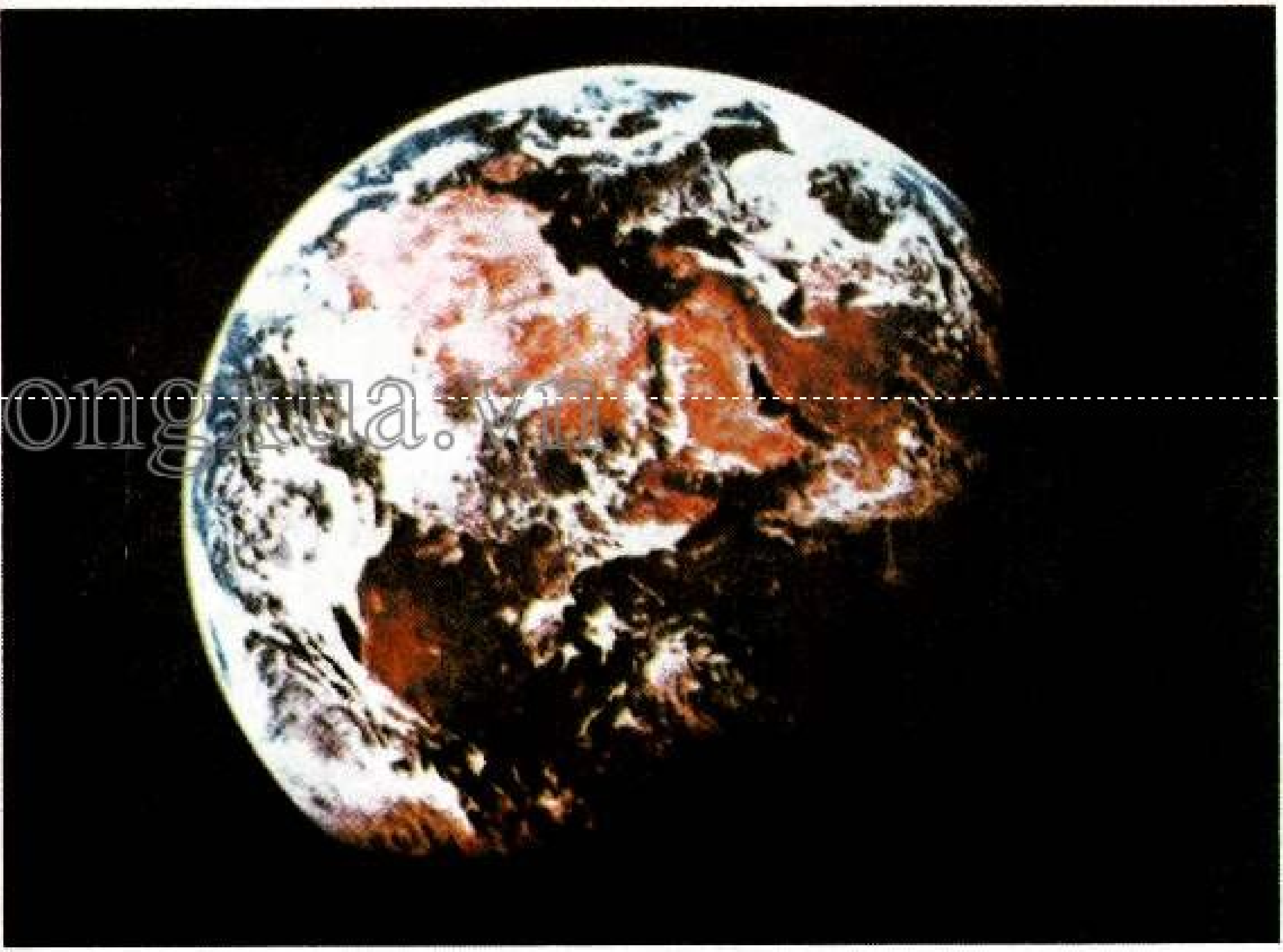

Hình 114 – Phần Trái Đất đang hướng về Mặt Trời được chiếu sáng, phần còn lại bị tối.

truongxua.vn

Khoảng thời gian phần Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng là ban ngày, phần còn lại không được chiếu sáng là ban đêm.

Do Trái Đất luôn luôn tự quay quanh mình nó nên ngày đêm kế tiếp nhau không ngừng.

Thời gian để Trái Đất quay trọn một vòng quanh mình nó là một ngày. Một ngày có hai mươi bốn giờ.

CÂU HỎI

1. Nhìn vào ảnh chụp Trái Đất ở hình 114, tại sao trên Trái Đất có vùng sáng, có vùng tối ?
2. Khoảng thời gian phần Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng gọi là gì ? Khoảng thời gian phần Trái Đất không được chiếu sáng gọi là gì ?
3. Khoảng thời gian để Trái Đất quay trọn một vòng quanh mình nó là bao nhiêu ?
4. Một ngày có bao nhiêu giờ ?

thuongmaitr

Bài 59. NĂM, THÁNG, BỐN MÙA

Thời gian để Trái Đất chuyển động trọn một vòng quanh Mặt Trời là một năm. Một năm thường có 365 ngày và được chia thành 12 tháng.

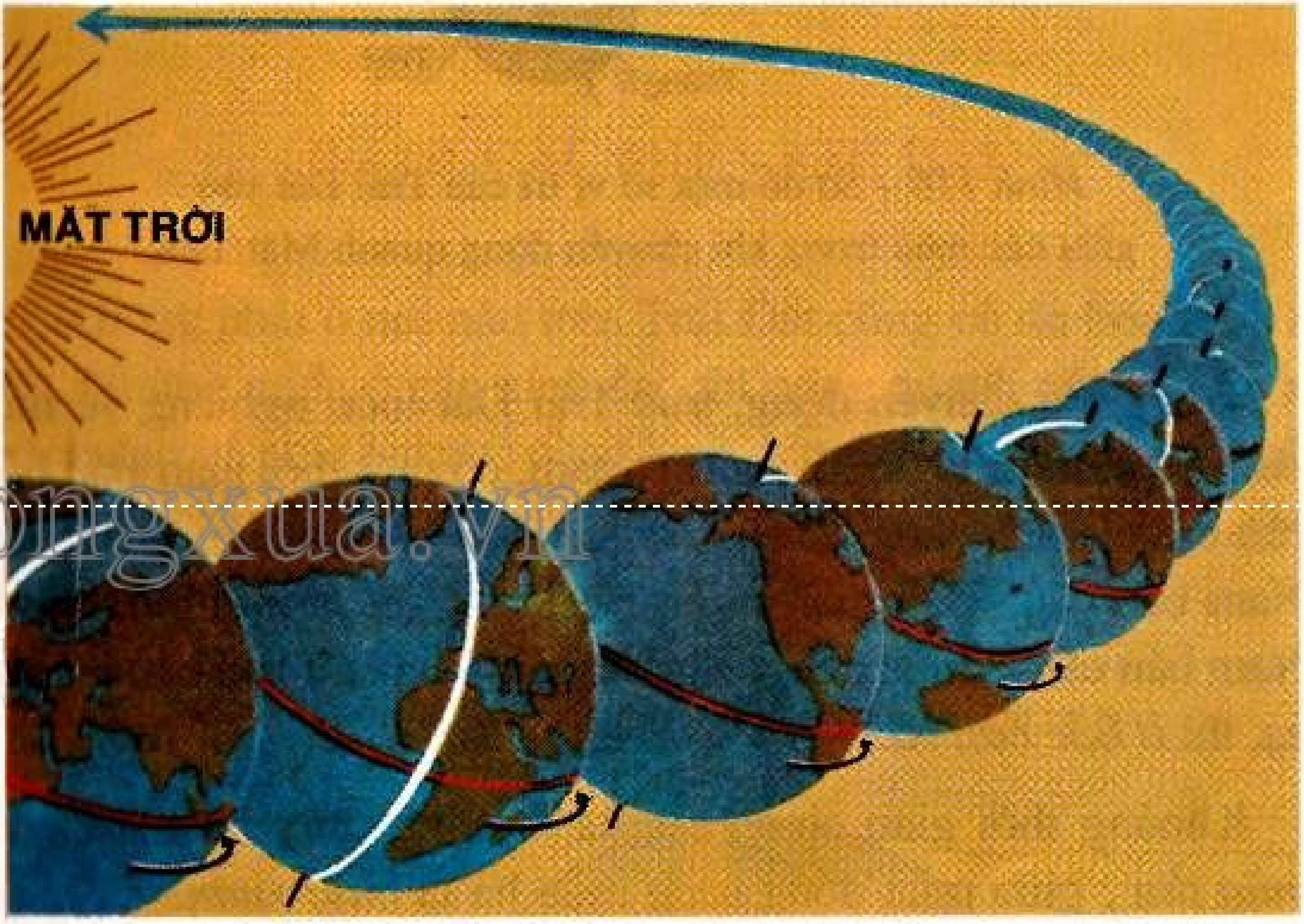

Hình 115 – Sơ đồ một số vị trí của Trái Đất khi quay quanh mình nó và chuyển động quanh Mặt Trời.

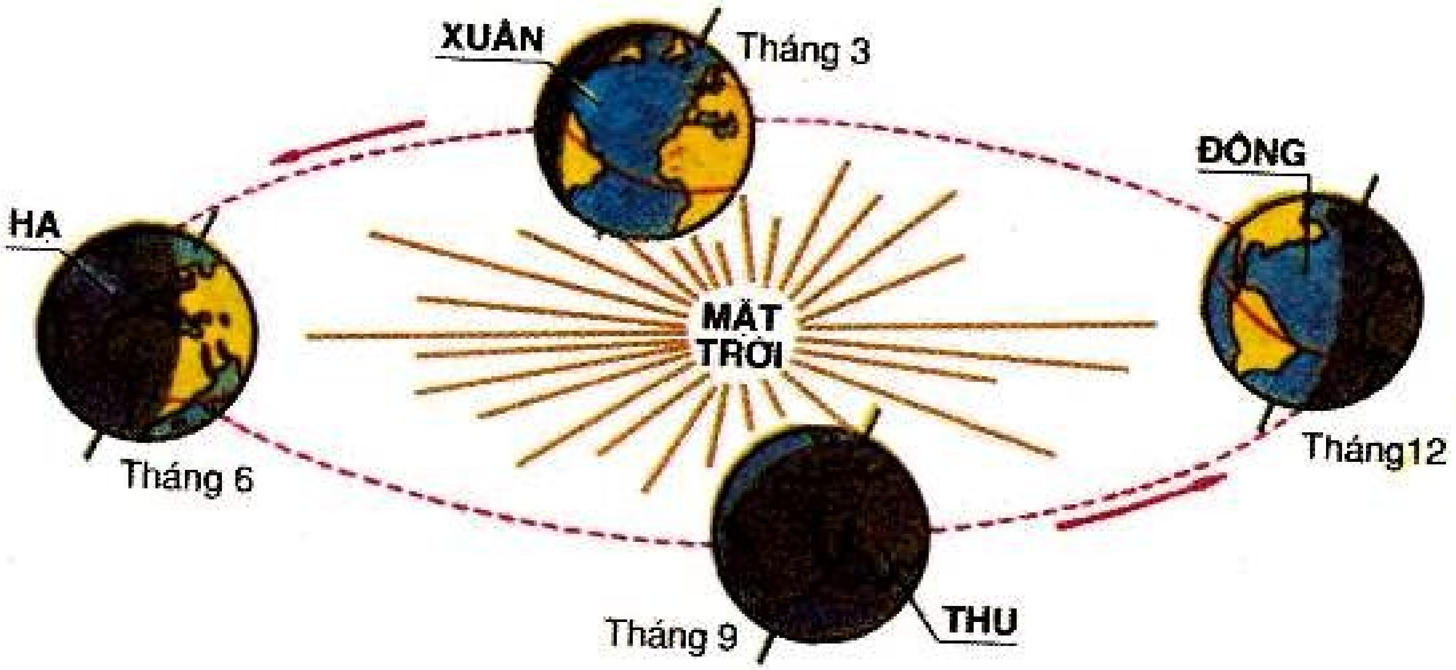

Hình 116 – Sơ đồ một số vị trí của Trái Đất vào giữa các mùa trong khi chuyển động quanh Mặt Trời.

Trong khi chuyển động, trục Trái Đất luôn nghiêng về một phía (xem hình 116). Trong một năm, có một thời gian Bắc bán cầu được chiếu sáng nhiều hơn và nhận được nhiều nhiệt hơn Nam bán cầu. Thời gian đó, *ở Bắc bán cầu là mùa hạ,* còn ở Nam bán cầu là mùa đông. Ngược lại khi ở Nam bán cầu là mùa hạ, thì *ở Bắc bán cầu là mùa đông.*

thuongmaitr

Khoảng thời gian chuyển giữa mùa hạ sang mùa đông là *mùa thu* ; giữa mùa đông sang mùa hạ là *mùa xuân.*

Trái Đất không ngừng chuyển động quanh Mặt Trời.

Thời gian để Trái Đất chuyển động trọn một vòng quanh Mặt Trời là một năm (một năm thường có 365 ngày và được chia thành 12 tháng).

Một năm thường có bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

CÂU HỎI

1. Trái Đất chuyển động trọn một vòng quanh Mặt Trời hết bao nhiêu năm ? Bao nhiêu tháng ? Bao nhiêu ngày ?
2. Một năm thường có mấy mùa ? Đó là những mùa nào ?

Bài 60. CÁC MIỀN KHÍ HẬU

Không phải ở nơi nào trên Trái Đất cũng có đủ bốn mùa rõ rệt. Những miền ở gần xích đạo thì nóng quanh năm. Càng xa xích đạo về phía hai cực càng lạnh dần. Người ta chia mỗi bán cầu ra nhiều đới khác nhau. Từ xích đạo đến Bắc cực hay Nam cực có các đới sau : nhiệt đới, ôn đới, hàn đới.

truongxua.vn

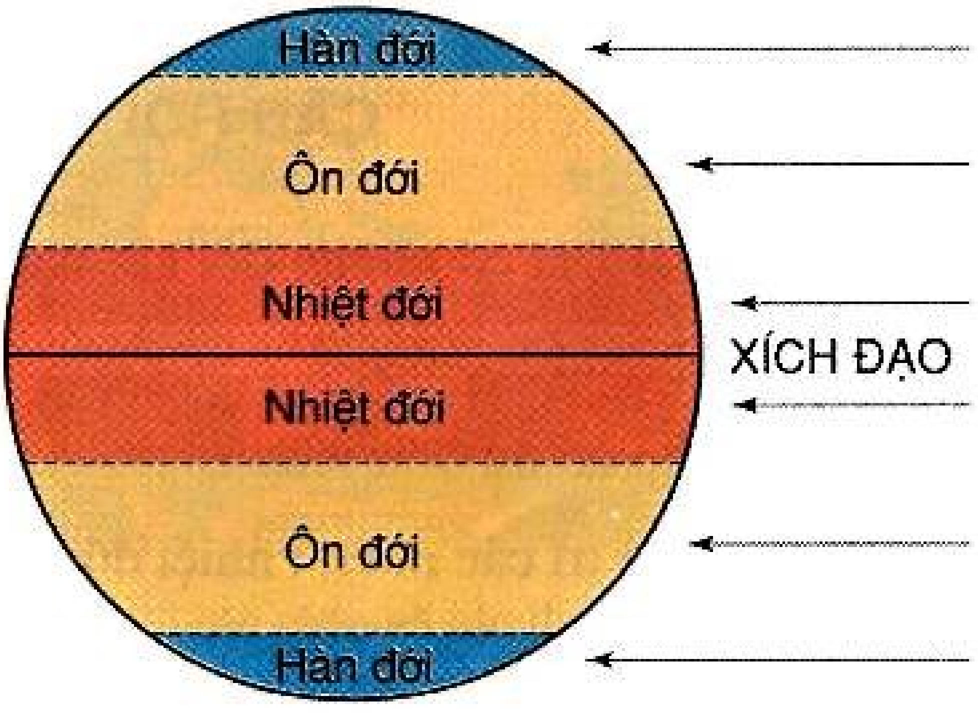

Hình 117
Các đới khí hậu trên Trái Đất.

1. Nhiệt đới

Những miền ở gần hai bên đường xích đạo và nóng nhất. (Việt Nam nằm ở miền nhiệt đới của Bắc bán cầu).

2. Ôn đới

Những miền này có khí hậu ôn hòa, đủ bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

3. Hàn đới

Những miền ở xa xích đạo nhất thì lạnh buốt, ở hai cực, quanh năm nước đóng thành băng.

Xích đạo chia Địa cầu thành Bắc bán cầu và Nam bán cầu. Những miền càng ở gần xích đạo thì càng nóng, càng xa xích đạo thì càng lạnh. Mỗi bán cầu có các đới khí hậu : nhiệt đới, ôn đới và hàn đới.

CÂU HỎI

1. Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào ?
2. Miền nhiệt đới ở đâu ?
3. Miền nào có đủ bốn mùa ?
4. Hãy chỉ vị trí các miền : nhiệt đới, ôn đới và hàn đới trên quả Địa cầu.

Bài 61. BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

Phần lớn bề mặt Trái Đất có nước mặn bao phủ, phần đó gọi là đại dương. Phần còn lại là đất nổi gọi là lục địa.

1. Lục địa

Lục địa được chia thành sáu châu : châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mĩ, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

2. Đại dương

Có bốn đại dương : Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

Biển là một phần của đại dương, thường ở gần bờ các lục địa. Cũng có biển nằm ở giữa đại dương (biển Xác-gát ở giữa Đại Tây Dương).

ruongxua.vn

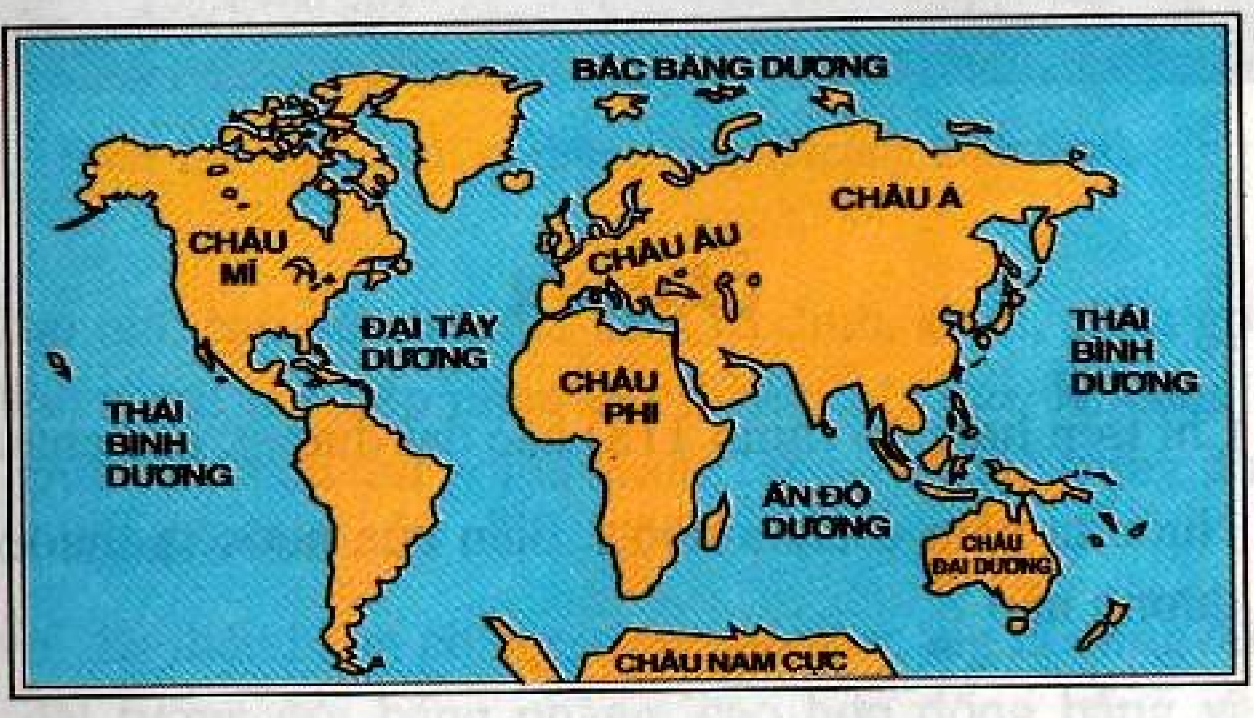

Hình 118 – Lược đồ các châu và các đại dương.

Hình 119 – Bờ biển Phú Yên.

Phần lớn bề mặt Trái Đất có nước bao phủ, gọi là đại dương. Có bốn đại dương là Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. Phần còn lại là đất nổi gọi là lục địa. Lục địa được chia thành sáu châu : Á, Âu, Mĩ, Phi, châu Đại Dương và châu Nam Cực.

thuongmaitr

CÂU HỎI

1. Chỉ trên lược đồ (hình 118) các đại dương, các châu.
2. Nước ta nằm ở châu nào ? Biển của nước ta thuộc đại dương nào ?

Bài 62. BỀ MẶT LỤC ĐỊA

Bề mặt lục địa có chỗ nhô cao, có chỗ trũng sâu, có chỗ bằng phẳng ; có những dòng nước chảy và những nơi chứa nước.

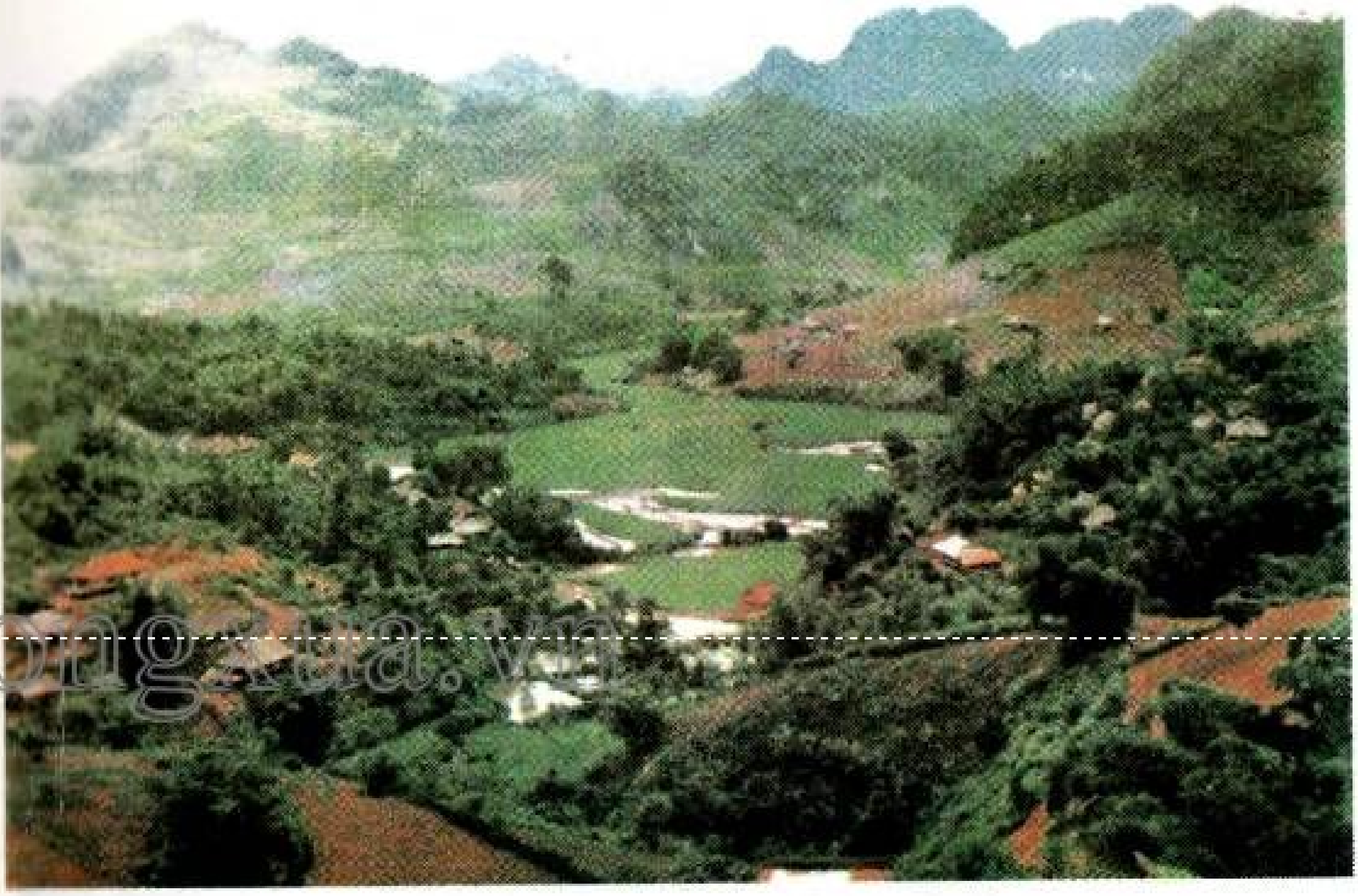

Hình 120 – Dãy núi và thung lũng (Hoàng Liên Sơn).

– Chỗ nhô cao gồ ghề, thể hiện rõ đỉnh, sườn, chân gọi là *núi*. Nhiều núi nối tiếp nhau tạo thành *dãy núi*. Khoảng đất trũng giữa các sườn núi gọi là *thung lũng*. Nơi tập trung nhiều núi gọi là *miền núi*.

– Nơi đất thấp bằng phẳng, rộng mênh mông là *đồng bằng*. Miền đất tương đối bằng phẳng, cao hơn đồng bằng và có *sườn dốc* gọi là *cao nguyên*.

– Nước theo những khe chảy ra thành suối, thành sông rồi chảy ra biển hay đọng lại các chỗ trũng tạo thành những hồ, ao, đầm.

Hình 121
Đồng bằng (Bắc Giang).

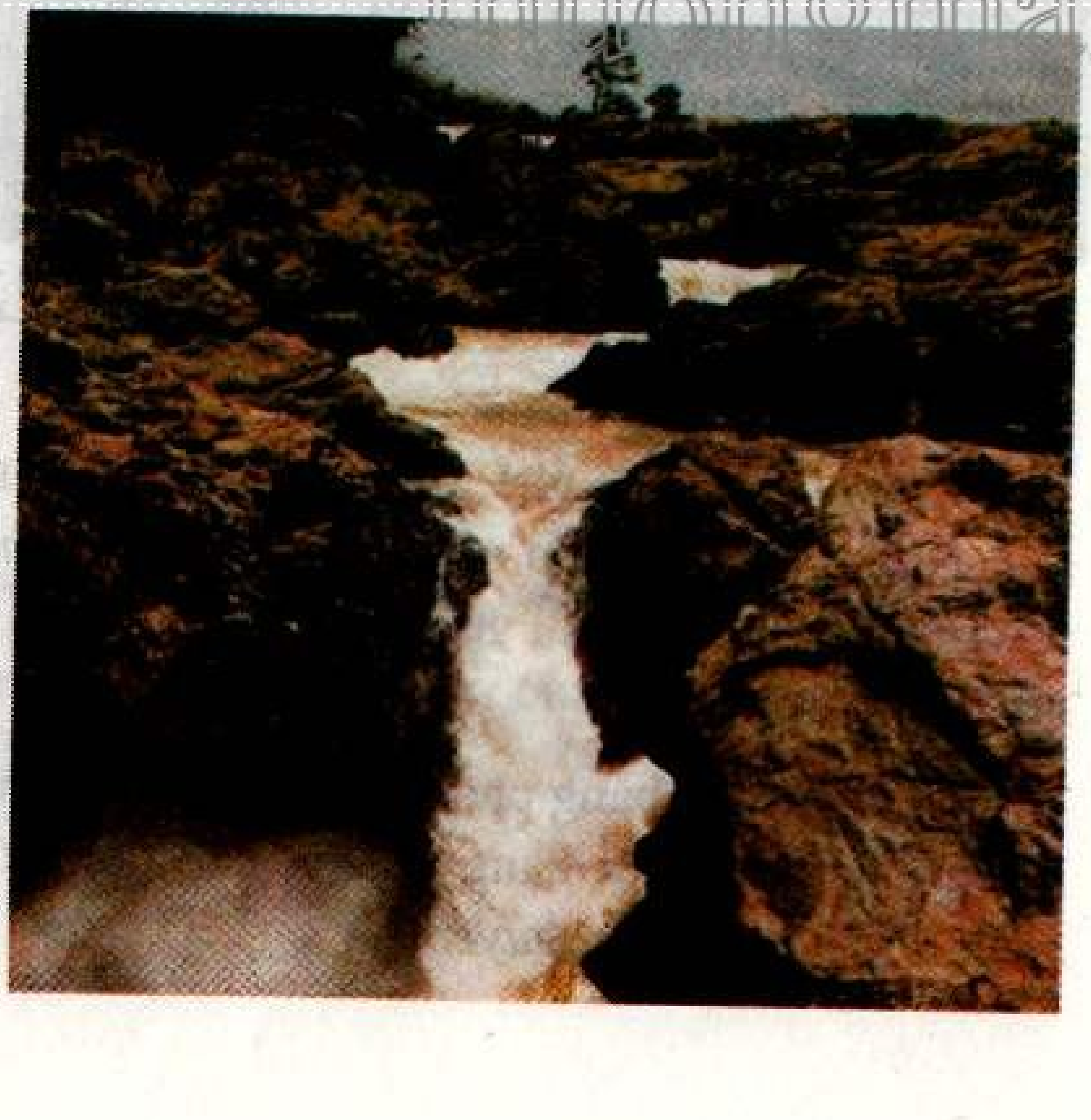

Hình 122
Suối.

Bề mặt lục địa có nơi là núi, có nơi là đồng bằng, có nơi là cao nguyên. Nơi nước chảy thành dòng là suối, sông, nơi nước đọng lại là ao, hồ...

CÂU HỎI

1. Nêu đặc điểm của bề mặt lục địa.
2. Em đang sống ở miền núi, miền đồng bằng, miền cao nguyên hay miền ven biển ?
3. Hãy kể tên một số vùng miền núi, đồng bằng mà em biết.
4. Kể tên một vài dòng sông, hồ gần nơi em ở.

uongxua.vn

Bài 63 – 64. ÔN TẬP

MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT

1. Vào thời gian nào trong ngày, em nhìn thấy ánh sáng Mặt Trời ?
2. Kể tên một vài vật :

– Vừa là nguồn sáng, vừa là nguồn nhiệt ;
– Chỉ là nguồn sáng ;
– Chỉ là nguồn nhiệt.

3. Có mấy hành tinh không ngừng chuyển động quanh Mặt Trời ?

Từ Mặt Trời, ra xa dần, Trái Đất là hành tinh thứ mấy ?

4. Mặt Trăng chuyển động quanh Mặt Trời hay chuyển động quanh Trái Đất ? Mặt Trăng được gọi là gì ?

5. Ngoài Mặt Trăng, còn vệ tinh nào chuyển động quanh Trái Đất.

6. Quả Địa cầu được dùng để làm gì ?

7. Kể tên các đại dương và các châu trên Trái Đất ?

8. Nước ta ở châu nào, thuộc miền khí hậu nào ?

thuongmaitr

Bài 65 – 66. ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

MỤC LỤC

Trang

1. GIA ĐÌNH

Bài 1. Gia đình 3
Bài 2. Họ nội, họ ngoại 6
Bài 3. Thực hành : Phân tích mối quan hệ họ hàng 7
Bài 4. Thực hành (*tiếp*)
Bài 5. Ôn tập : Gia đình 9

2. TRƯỜNG HỌC

Bài 6 – 7. Hoạt động ngoài giờ lên lớp 10
Bài 8. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và các tổ chức xã hội 16
Bài 9. Ôn tập : Trường học 19

3. TỈNH (THÀNH PHỐ)

Bài 10. Phong cảnh và các cơ sở hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế 20
Bài 11. Các cơ sở thông tin liên lạc 27
Bài 12. Các hoạt động kinh tế 29
Bài 13. Các hoạt động kinh tế (*tiếp*) 34
Bài 14. Làng quê và đô thị 38
Bài 15 - 16. Thực hành : Tìm hiểu lịch sử địa phương 42
Bài 17 – 20. Ôn tập : Tỉnh (thành phố). Tham quan làng quê (đô thị) 43

4. THỰC VẬT

Bài 21. Thân cây 46
Bài 22. Thân cây (*tiếp*) 50
Bài 23. Rễ cây 52
Bài 24. Rễ cây (*tiếp*) 53
Bài 25. Lá cây 55
Bài 26. Lá cây (*tiếp*) 58
Bài 27. Hoa 60
Bài 28. Quả (trái cây) 64
Bài 29 - 30. Ôn tập : Thực vật 67
Bài 31 - 32. Kiểm tra học kì I 68

ruongxua.vn

5. ĐỘNG VẬT

Bài 33.	Tôm	69
Bài 34.	Cá	71
Bài 35.	Vịt, ngan (vịt xiêm)	73
Bài 36.	Chim bồ câu	75
Bài 37.	Lợn (heo)	76
Bài 38.	Trâu	77
Bài 39.	Bò	78
Bài 40.	Dê	80
Bài 41.	Hươu sao	81
Bài 42 – 43.	Ôn tập : Động vật	82

6. CƠ THỂ NGƯỜI

Bài 44.	Các cơ quan tiêu hóa	84
Bài 45.	Hoạt động tiêu hóa	85
Bài 46.	Máu và các cơ quan tuần hoàn	87
Bài 47.	Hoạt động tuần hoàn	90
Bài 48.	Các cơ quan hô hấp	92
Bài 49.	Hoạt động hô hấp	93
Bài 50.	Các cơ quan bài tiết nước tiểu. Hoạt động bài tiết nước tiểu	96
Bài 51 – 52.	Ôn tập : Cơ thể người	98

7. MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT

Bài 53.	Mặt Trời là nguồn sáng và nguồn nhiệt	99
Bài 54.	Mặt Trời chiếu sáng và làm nóng các vật	101
Bài 55.	Trái Đất có dạng khối cầu. Trái Đất chuyển động	103
Bài 56.	Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời. Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất	106
Bài 57.	Quả Địa cầu – Mô hình thu nhỏ của Trái Đất	108
Bài 58.	Ngày và đêm trên Trái Đất	110
Bài 59.	Năm, tháng, bốn mùa	113
Bài 60.	Các miền khí hậu	115
Bài 61.	Bề mặt Trái Đất	117
Bài 62.	Bề mặt lục địa	119
Bài 63 – 64.	Ôn tập : Mặt Trời và Trái Đất	121
Bài 65 – 66.	Ôn tập và kiểm tra cuối năm	122

thuongmaitr

ruongxua.vn

45
1957-2002
NĂM
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

thuongmaitruongxua.vn

8 934980 100592

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

Mã số : 1H312T2

In 260.000 bản (ST), khổ 14,3 x 20,3cm. In tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam, 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Số in: 2756. Số XB: 1302/59-01. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2002.

Giá: 4.300đ